



ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUYẾT NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

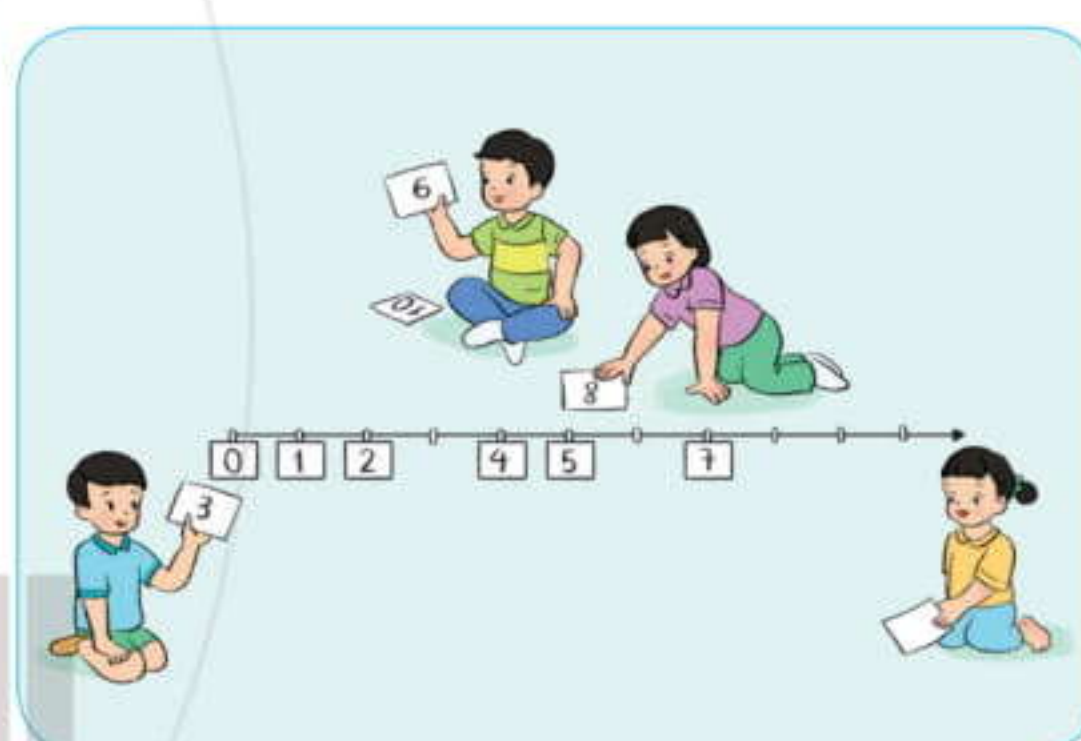
VỞ BÀI TẬP

Toán 2

TẬP MỘT



SACHHOC.COM



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

ĐỖ ĐỨC THÁI (Tổng Chủ biên) – ĐỖ TIẾN ĐẠT (Chủ biên)
NGUYỄN HOÀI ANH – TRẦN THUÝ NGÀ – NGUYỄN THỊ THANH SƠN

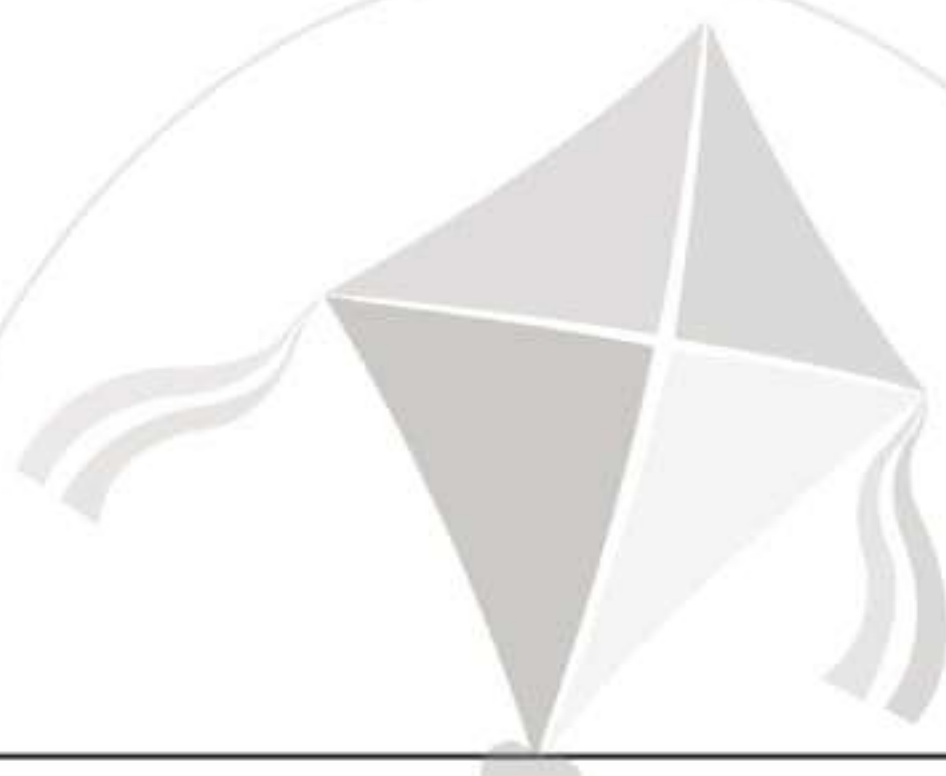
VỞ BÀI TẬP

Toán 2

TẬP MỘT

Cánh Diều

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

Số

?

Viết số thích hợp vào trong ô

**>
<
=**

?

Viết dấu (>, <, =) thích hợp vào trong ô



Bài tập luyện tập, thực hành



Bài tập vận dụng

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VỞ BÀI TẬP TOÁN 2

Vở bài tập Toán 2 (gồm 2 tập) là cuốn sách đi cùng với sách giáo khoa Toán 2 (Tổng Chủ biên – GS.TSKH Đỗ Đức Thái và Chủ biên – PGS.TS Đỗ Tiến Đạt), được biên soạn nhằm: Đáp ứng nhu cầu thiết thực của dạy học môn Toán lớp 2; Giúp các em học sinh lớp 2 và các thầy cô giáo thuận lợi hơn trong tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tăng cường khả năng hoạt động độc lập, tự học có hướng dẫn, tạo cơ hội hình thành và phát triển năng lực học tập môn Toán cho học sinh.

Khi sử dụng **Vở bài tập Toán 2** cần chú ý một số điểm sau:

1. **Vở bài tập Toán 2** gồm các bài tập/hoạt động thực hành tương tự như các bài tập/hoạt động thực hành trong sách giáo khoa Toán 2, nhưng được trình bày để tạo điều kiện cho học sinh trực tiếp ghi lại bài làm hoặc trình bày sản phẩm của cá nhân. Trong các tiết học toán, thầy cô giáo có thể hướng dẫn học sinh làm bài ở vở này thay cho làm các bài tập trong sách giáo khoa Toán 2. Học sinh cũng có thể sử dụng vở bài tập này khi tự học hoặc ôn tập.
2. Sau mỗi chủ đề, **Vở bài tập Toán 2** có giới thiệu các bài kiểm tra, tạo điều kiện để học sinh tự đánh giá và giúp các thầy cô giáo, cha mẹ học sinh đánh giá sự tiến bộ của học sinh.
3. Trong cùng một buổi học không nên yêu cầu học sinh vừa làm bài tập trong sách giáo khoa vừa làm các bài tập cùng dạng trong vở bài tập này, tránh gây nặng nề không cần thiết.

Các tác giả

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100

- 1 a) Viết vào ô trống những số còn thiếu để có Bảng các số từ 1 đến 100:



1	2	3			6		8	9	
		13		15		17	18		20
21			24	25	26		28		
		33	34			37			
	42	43	44			47	48		
51	52			55		57		59	
	62	63	64				68		70
		73		75	76	77		79	
	82		84		86			89	
91	92			95	96	97	98		

- b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong Bảng các số từ 1 đến 100,

- Số bé nhất có một chữ số là:
- Số bé nhất có hai chữ số là:
- Số lớn nhất có một chữ số là:
- Số lớn nhất có hai chữ số là:

- 2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

a)	Số	Chục	Đơn vị	Viết
	73	7	3	$73 = 70 + 3$
	61			$61 = \dots + \dots$
	40			$40 = \dots + \dots$

b) – Số 54 gồm chục và đơn vị.

– Số gồm 4 chục và 5 đơn vị là:

– Số gồm 7 chục và 0 đơn vị là:

3 Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

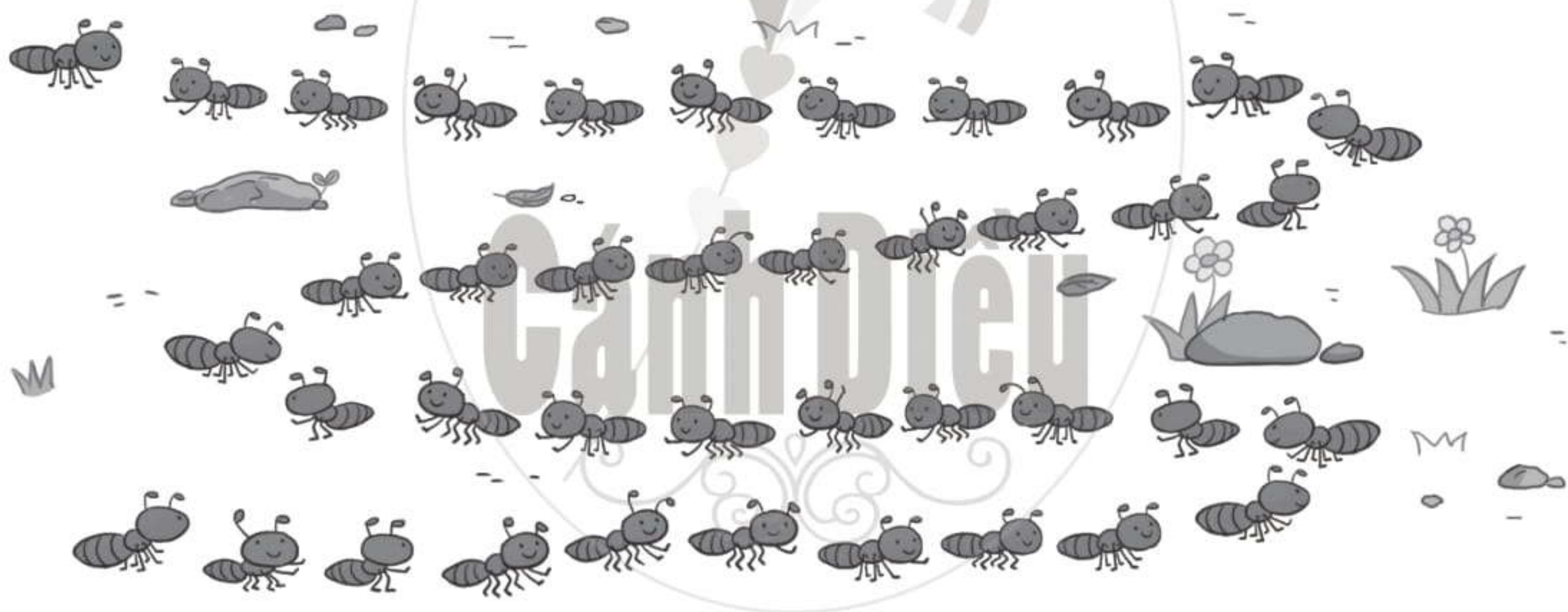
a) $43 > 41$ ☐

b) $23 > 32$ ☐

c) $35 < 45$ ☐

d) $37 = 37$ ☐

4 a) Em hãy ước lượng trong hình sau có khoảng bao nhiêu con kiến:



Ước lượng: Trong hình trên có khoảng con kiến.

b) Em hãy đếm số con kiến ở hình trên để kiểm tra lại.

Đếm: Trong hình trên có con kiến.

Bài 2

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

1 Tính:

a) $10 + 3 = \dots\dots$

$14 - 4 = \dots\dots$

$10 + 9 = \dots\dots$

$10 + 6 = \dots\dots$

$17 - 7 = \dots\dots$

$19 - 9 = \dots\dots$

b) $13 + 5 = \dots\dots$

$19 - 4 = \dots\dots$

$12 + 3 = \dots\dots$

$11 + 6 = \dots\dots$

$18 - 5 = \dots\dots$

$3 + 12 = \dots\dots$

2 Đặt tính rồi tính:

$32 + 25$

.....

.....

.....

$48 - 13$

.....

.....

.....

$74 + 3$

.....

.....

.....

$28 - 5$

.....

.....

.....

$47 + 30$

.....

.....

.....

$69 - 60$

.....

.....

.....

3 Tính:

a) $80 + 10 = \dots\dots$

$40 + 20 + 10 = \dots\dots$

$50 + 10 + 20 = \dots\dots$

$60 - 40 = \dots\dots$

$80 - 30 + 40 = \dots\dots$

$30 + 60 - 50 = \dots\dots$

b) $7 + 3 + 4 = \dots\dots$

$9 + 1 - 5 = \dots\dots$

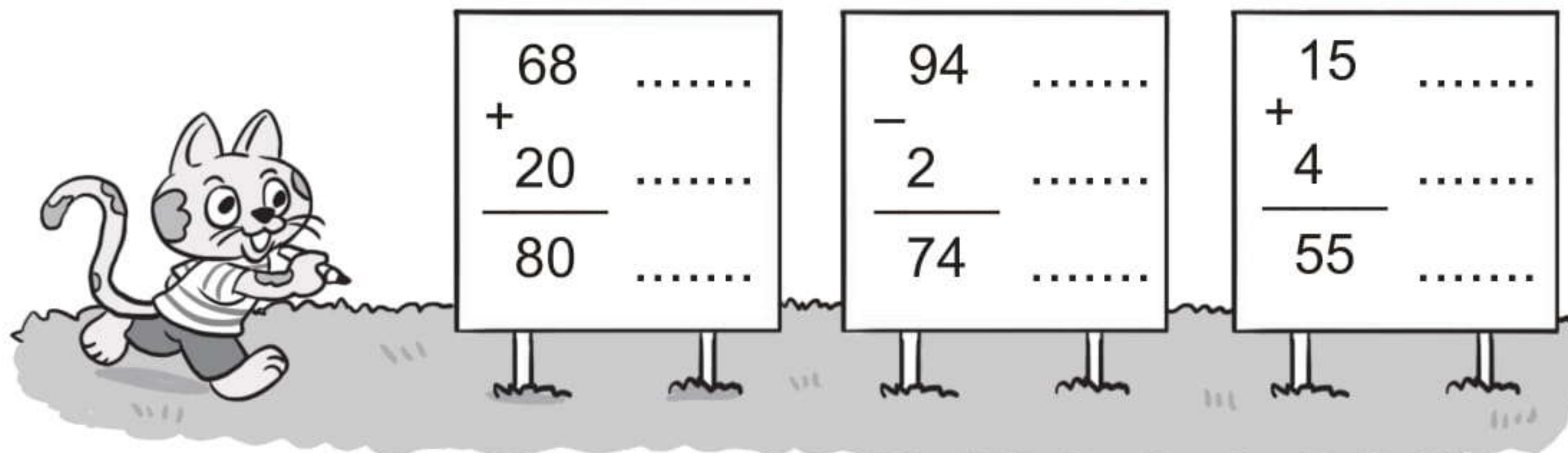
$8 + 2 - 1 = \dots\dots$

$10 + 2 + 1 = \dots\dots$

$13 - 3 - 4 = \dots\dots$

$15 - 5 + 3 = \dots\dots$

4 Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:



68	
+	
20	
80	

94	
-	
2	
74	

15	
+	
4	
55	

5 Trên xe buýt có 37 người, tới điểm dừng có 11 người xuống xe. Hỏi trên xe buýt còn lại bao nhiêu người?



Phép tính:

$$\square \bigcirc \square = \square$$

Trả lời: Trên xe buýt còn lại

$\square$ người.

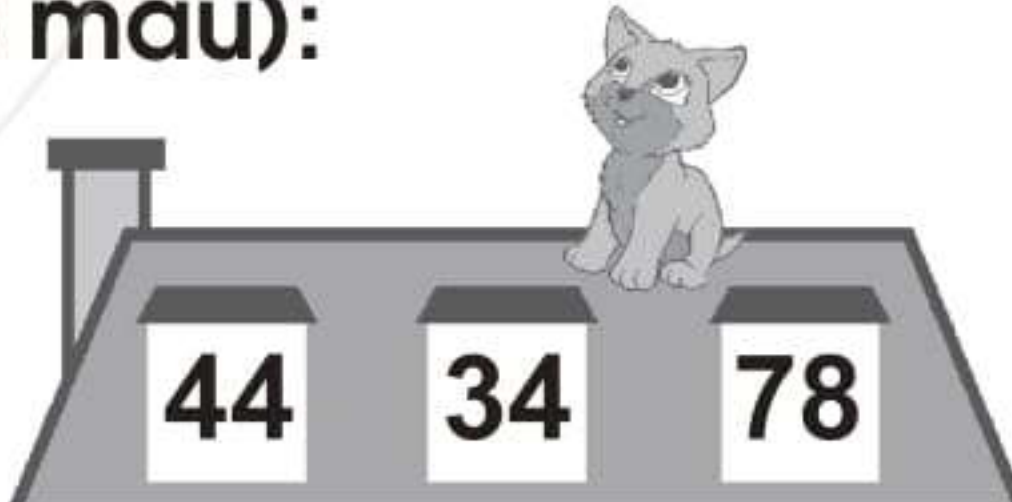
6 Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu):



25	10	35
25 + 10 = 35		
10 + 25 = 35		
35 - 10 = 25		
35 - 25 = 10		



56	2	58
$\square$	+	$\square$ = $\square$
$\square$	+	$\square$ = $\square$
$\square$	-	$\square$ = $\square$
$\square$	-	$\square$ = $\square$

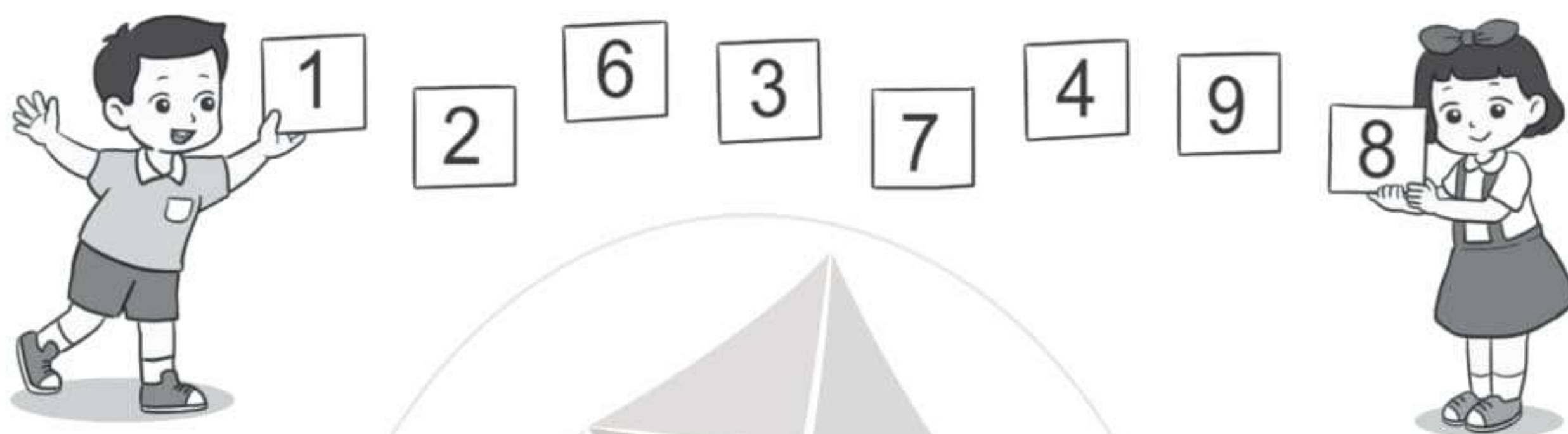


44	34	78
$\square$	+	$\square$ = $\square$
$\square$	+	$\square$ = $\square$
$\square$	-	$\square$ = $\square$
$\square$	-	$\square$ = $\square$

Bài 3

TIA SỐ. SỐ LIỀN TRƯỚC – SỐ LIỀN SAU

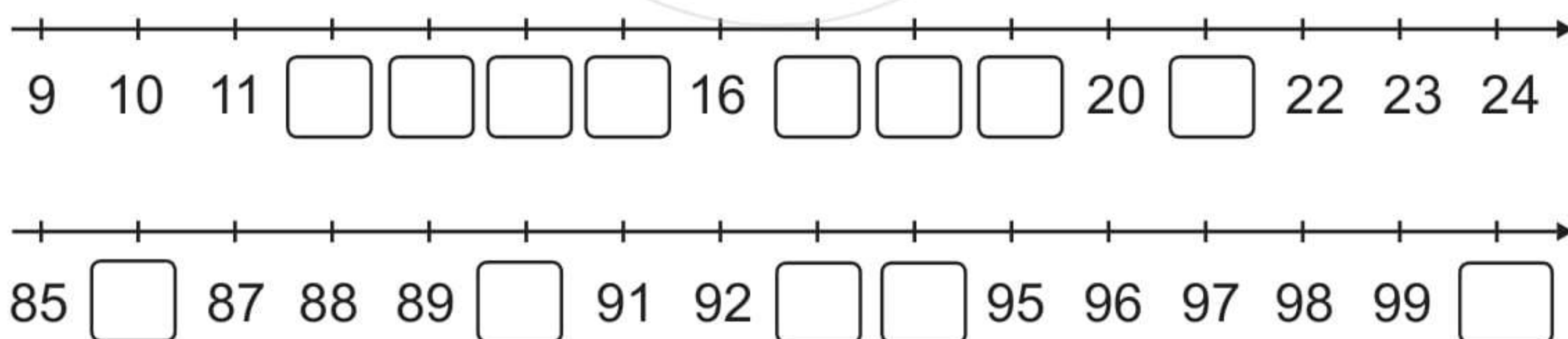
1 a) SỐ ?



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

- Số liền trước của số 5 là:
- Số liền sau của số 9 là:

2 a) SỐ ?



b) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

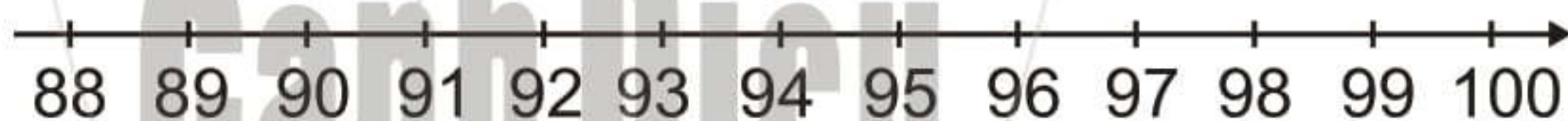
- Số liền trước của số 16 là:
- Số liền sau của số 85 là:

3 Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu):

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
5	6	7
29	30	
.....	68	69
.....	99	

4 Viết dấu (>, <) thích hợp vào ô trống:

Trên tia số, số đứng trước bé hơn số đứng sau, số đứng sau lớn hơn số đứng trước.



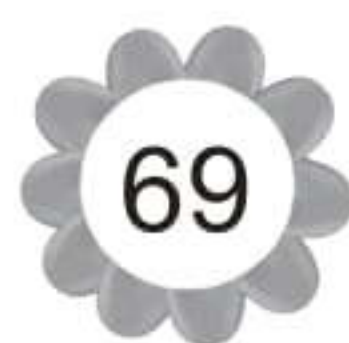
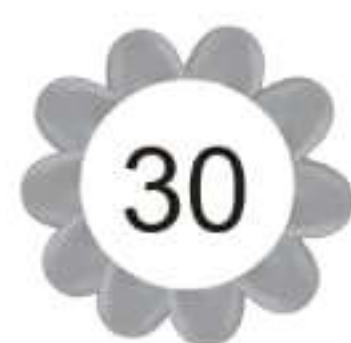
88 ○ 91

92 ○ 90

98 ○ 89

95 ○ 100

5 Sắp xếp các số:



a) Theo thứ tự từ bé đến lớn:;;;

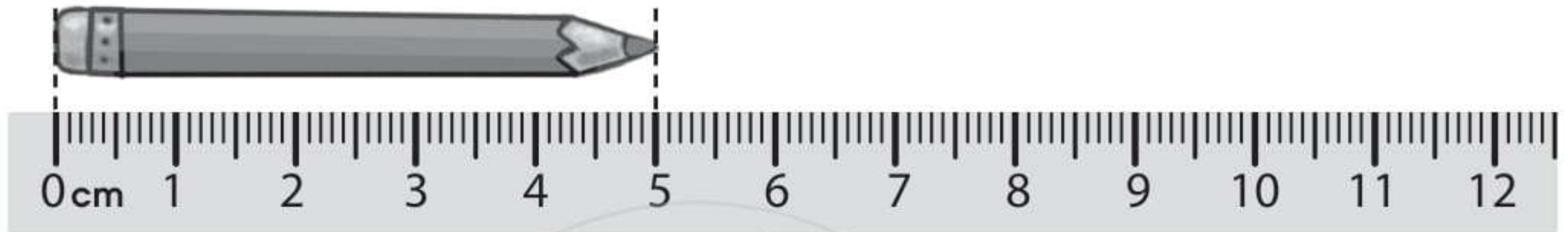
b) Theo thứ tự từ lớn đến bé:;;;

Bài 4

ĐỀ-XI-MÉT

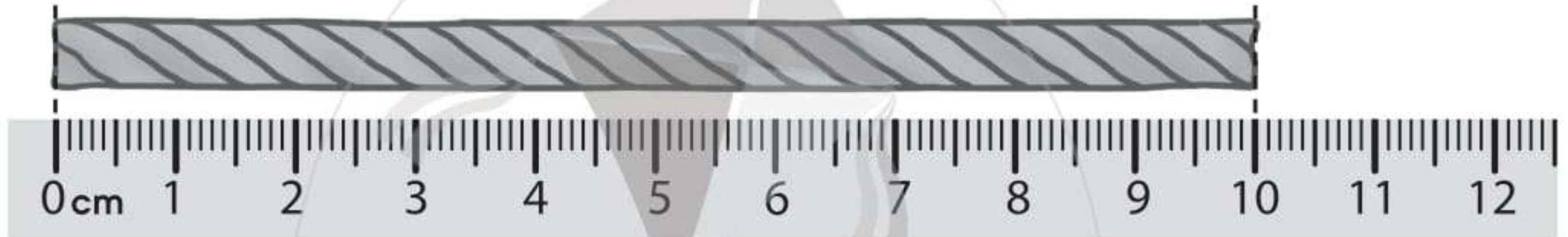
1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Bút chì dài cm.

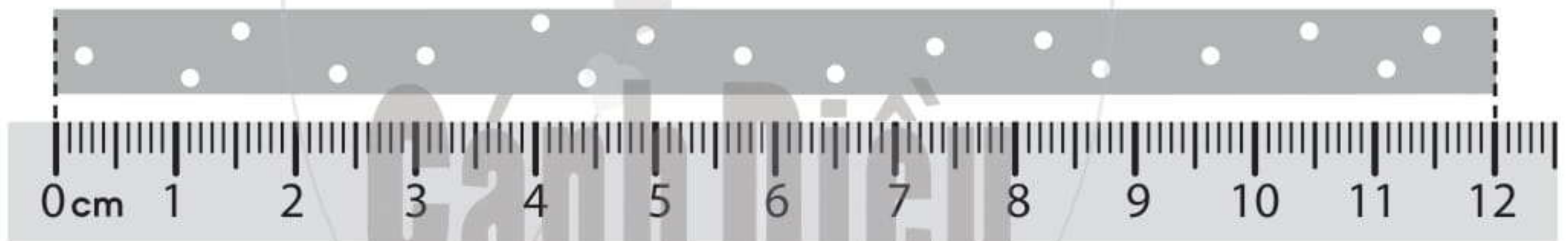


b) Sợi dây dài cm.

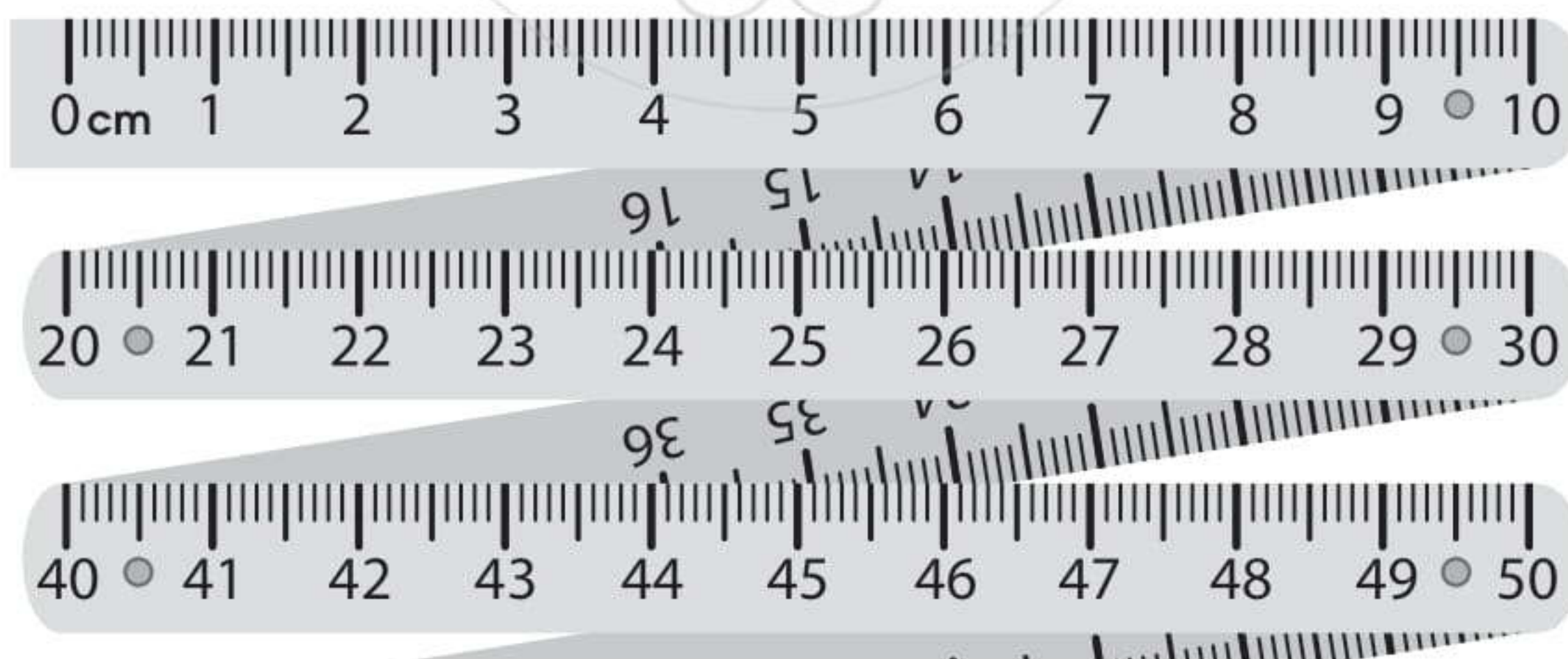
Sợi dây dài dm.



c) Băng giấy dài cm.



2 a) Tìm trên thước kẻ vạch ứng với 1 dm, 2 dm.



b) Em hãy cho biết 2 dm bằng bao nhiêu xăng-ti-mét.

Trả lời:

3

Số ?

$1 \text{ dm} = \square \text{ cm}$

$2 \text{ dm} = \square \text{ cm}$

$10 \text{ cm} = \square \text{ dm}$

$20 \text{ cm} = \square \text{ dm}$

4

Tính (theo mẫu):

Mẫu: $12 \text{ dm} + 5 \text{ dm} = 17 \text{ dm}$

$13 \text{ dm} + 6 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

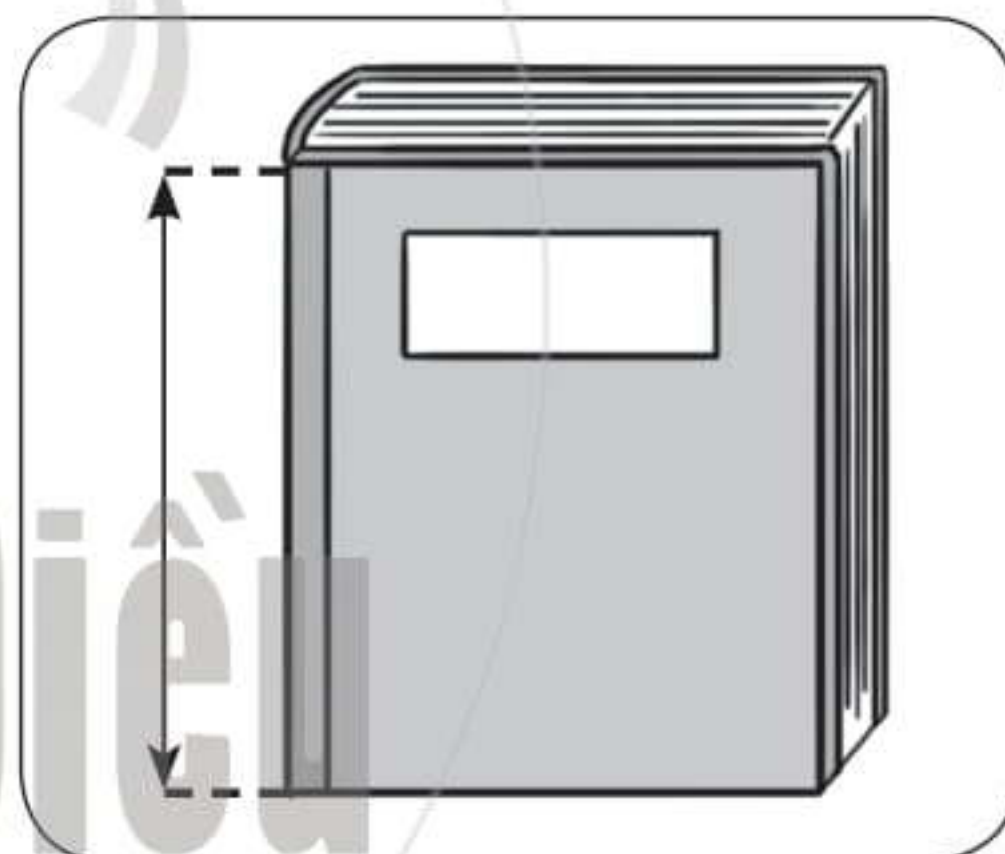
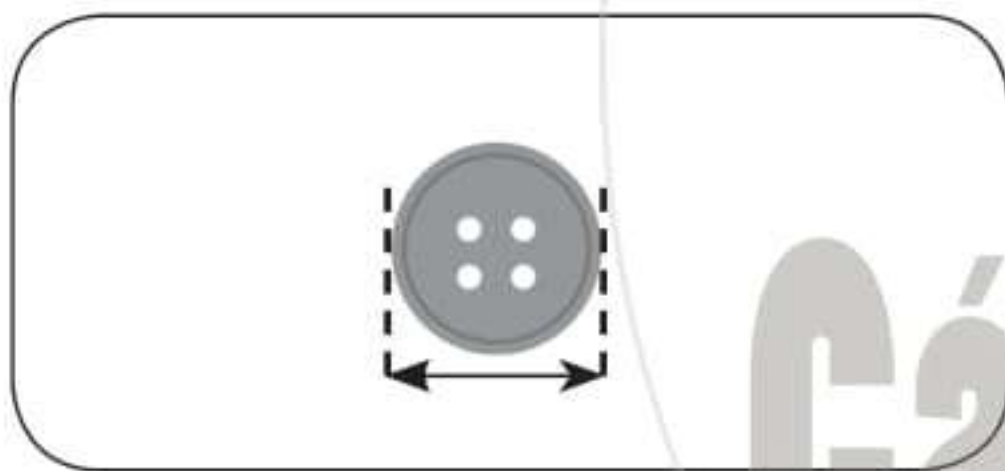
$10 \text{ dm} + 4 \text{ dm} - 3 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

$27 \text{ dm} - 7 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

$48 \text{ dm} - 8 \text{ dm} - 10 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

5

Nối mỗi đồ vật với thẻ ghi số đo độ dài thích hợp:

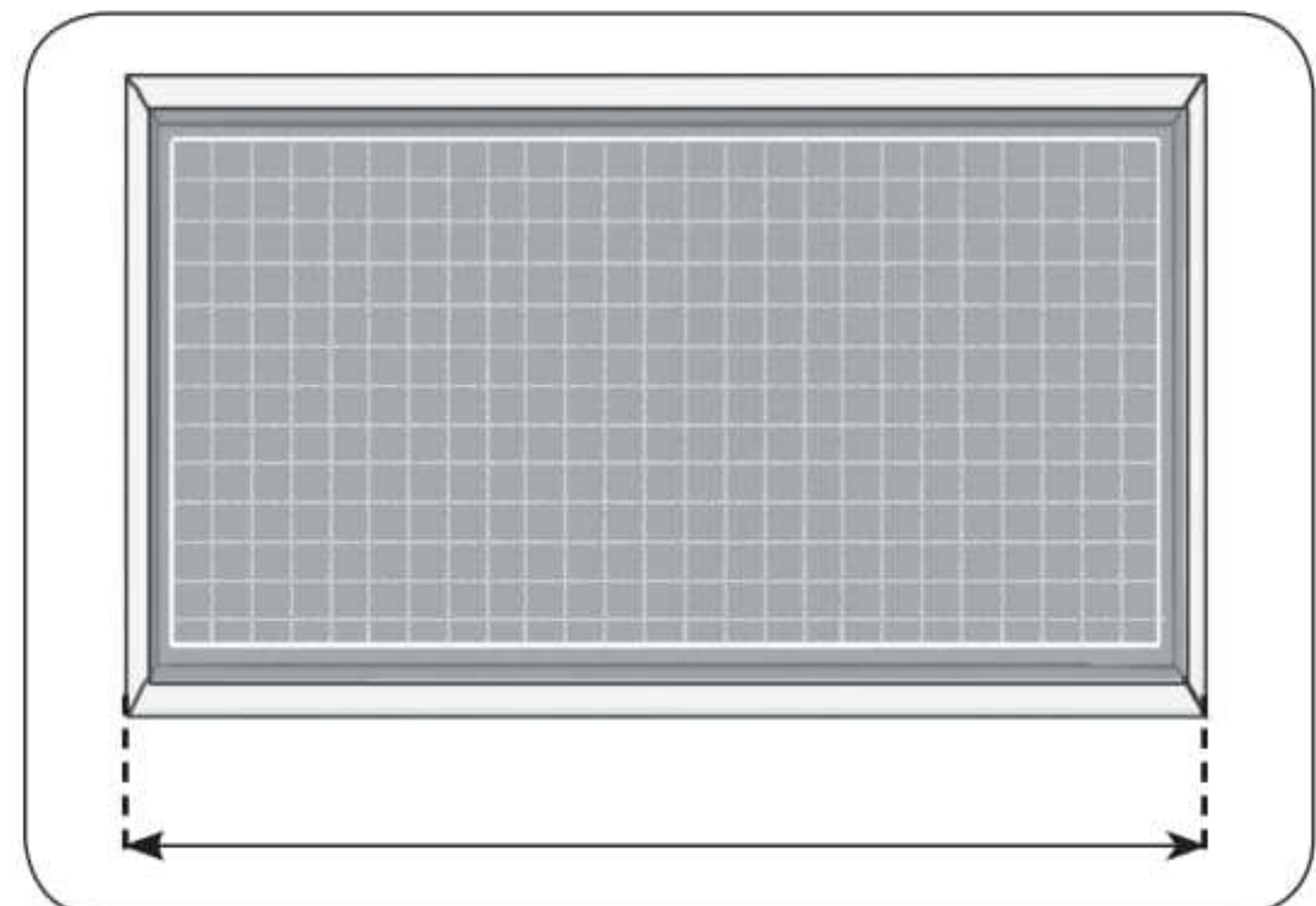
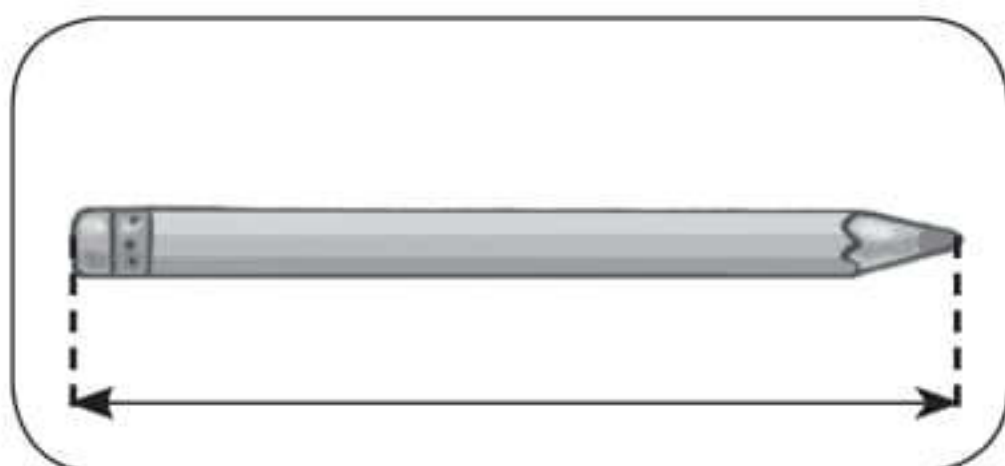


1 cm

1 dm

18 dm

18 cm



Bài 5 SỐ HẠNG – TỔNG

1 Viết từ “số hạng” hoặc “tổng” thích hợp vào chỗ chấm:

a) $35 + 2 = 37$

.....

b) $18 + 50 = 68$

.....

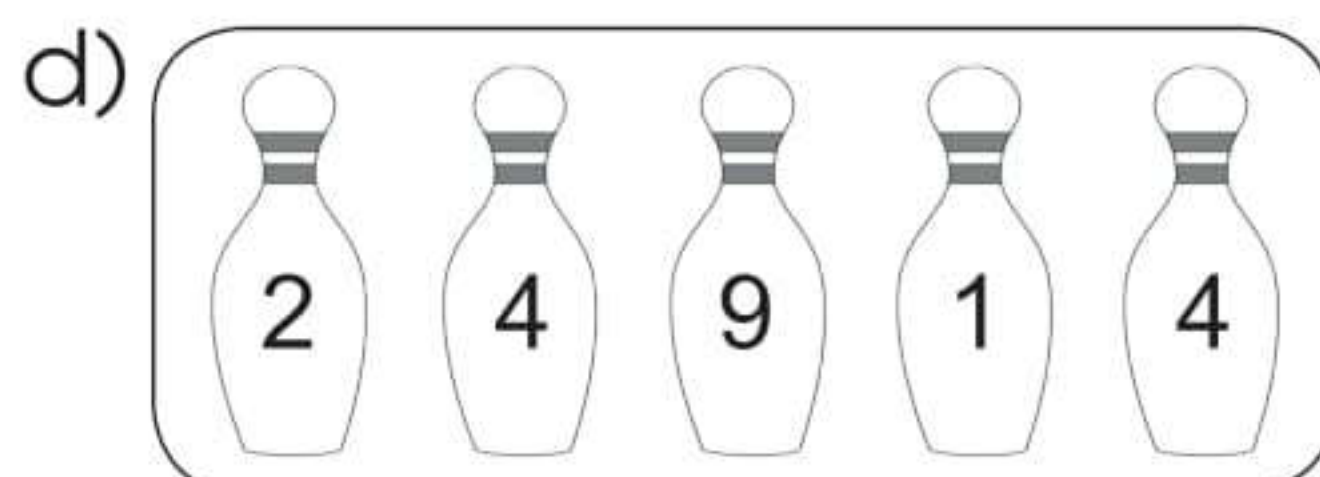
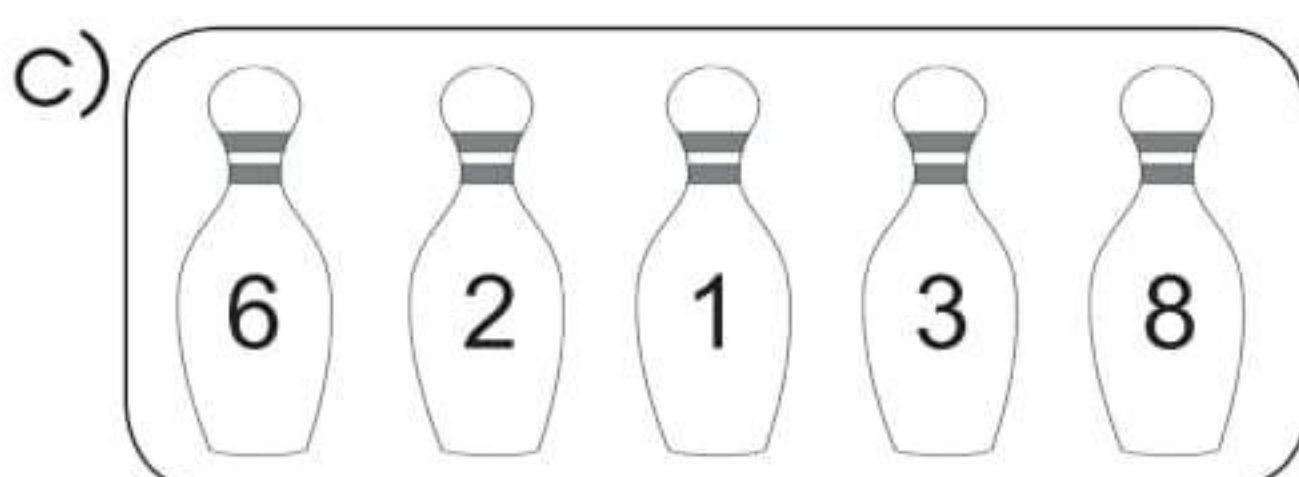
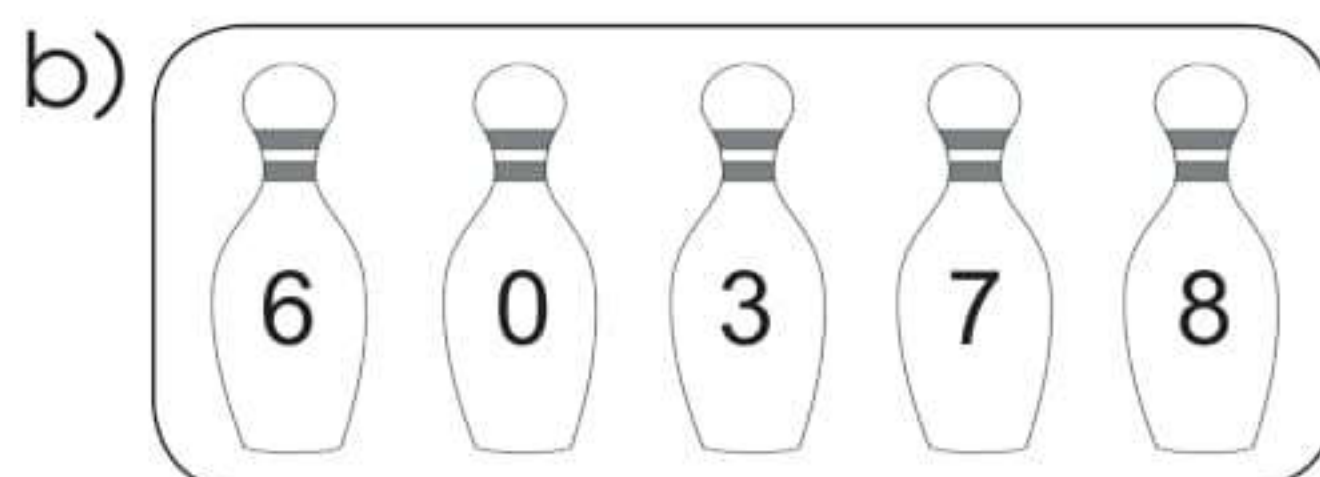
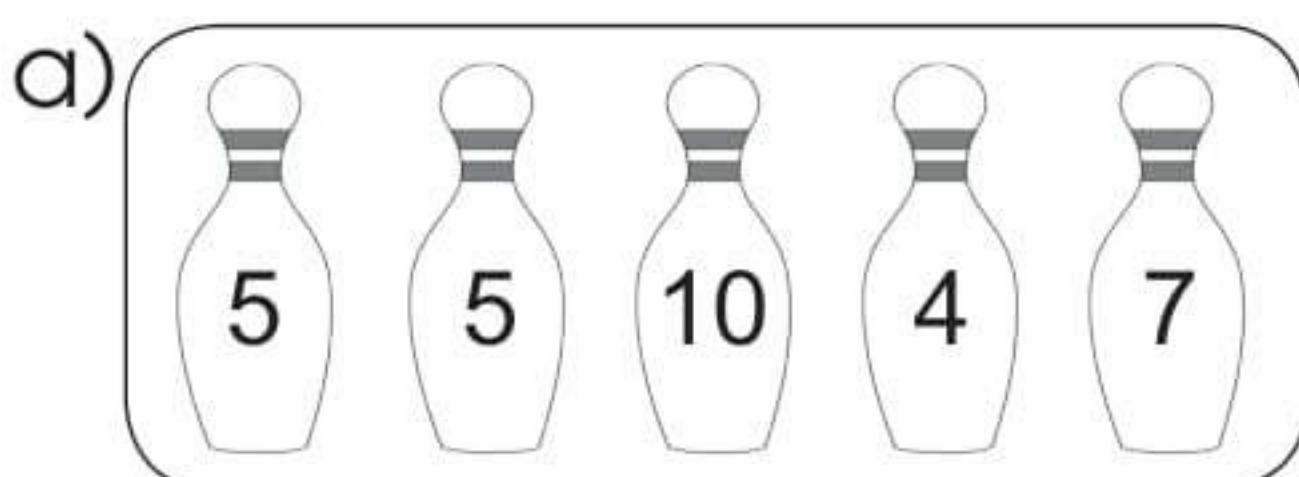
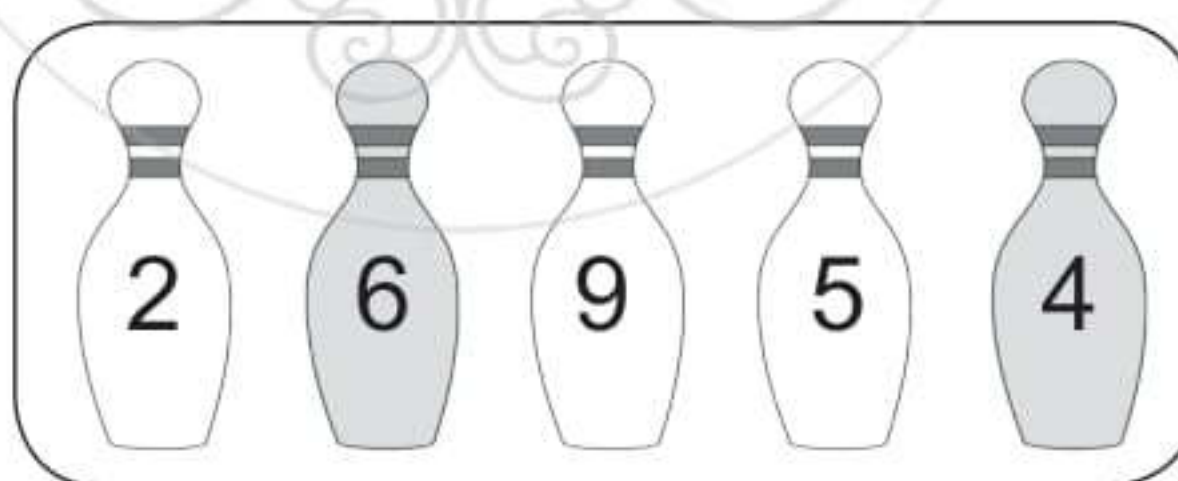
2 Tìm tổng, biết các số hạng lần lượt là:

a) 10 và 5

b) 20 và 30

3 Tô màu vào hai vật ghi số có thể lập thành tổng bằng 10 (theo mẫu):

Mẫu:



Bài 6

SỐ BỊ TRỪ – SỐ TRỪ – HIỆU

- 1) Viết từ “số bị trừ”, “số trừ” hoặc “hiệu” thích hợp vào chỗ chấm:

a) $27 - 4 = 23$

$\uparrow$ $\uparrow$ $\uparrow$

b) $57 - 11 = 46$

$\uparrow$ $\uparrow$ $\uparrow$

- 2) Tìm hiệu, biết:

a) Số bị trừ là 12, số trừ là 2:

b) Số bị trừ là 60, số trừ là 20:

- 3) a) Tô màu vào những ngôi sao ghi phép tính có số trừ là 4.

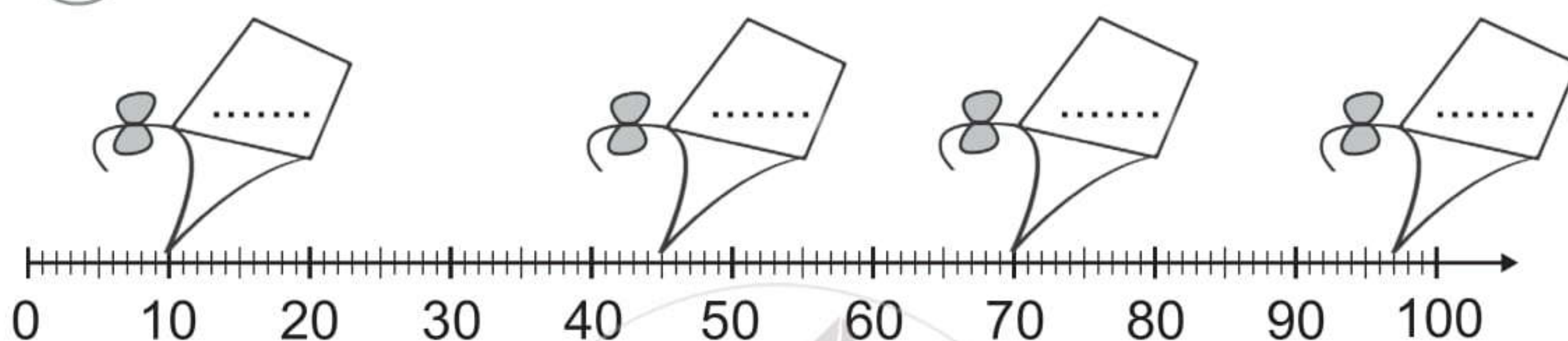


b) Ghi lại những phép tính trong hình vẽ ở câu a có hiệu bằng 5:

Bài 7

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:



2 a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số liền trước của 53 là:

Số liền sau của 19 là:

Số liền trước của 40 là:

Số liền sau của 73 là:

Số liền trước của 1 là:

Số liền sau của 11 là:

b) $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

9 21

83 54

93 93

72 75

3 a) Tìm tổng, biết các số hạng lần lượt là:

26 và 13:; 40 và 15:

b) Tìm hiệu, biết:

– Số bị trừ là 57, số trừ là 24:

– Số bị trừ là 85, số trừ là 3:

4 Một sợi dây dài 28 dm, cắt đi 18 dm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu đề-xi-mét?

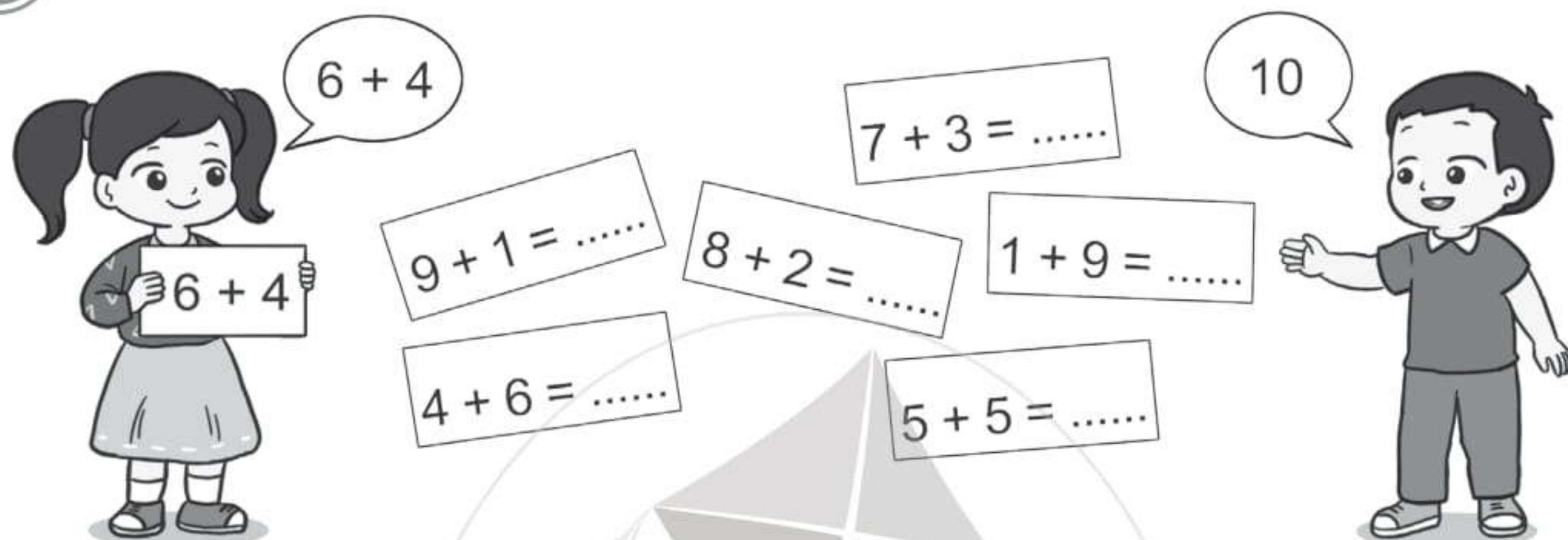
Phép tính:

Trả lời: Sợi dây còn lại dài dm.

Bài 8

LUYỆN TẬP PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1 a) Viết kết quả của mỗi phép tính:



b) **Số ?** $9 + \square = 10$ $8 + \square = 10$ $7 + \square = 10$

2 Tính:

$$10 + 1 = \dots\dots$$

$$10 + 4 = \dots\dots$$

$$10 + 9 = \dots\dots$$

$$10 + 5 = \dots\dots$$

$$10 + 7 = \dots\dots$$

$$10 + 3 = \dots\dots$$

3 Tính nhẩm:

$$9 + 1 = \dots\dots$$

$$8 + 2 = \dots\dots$$

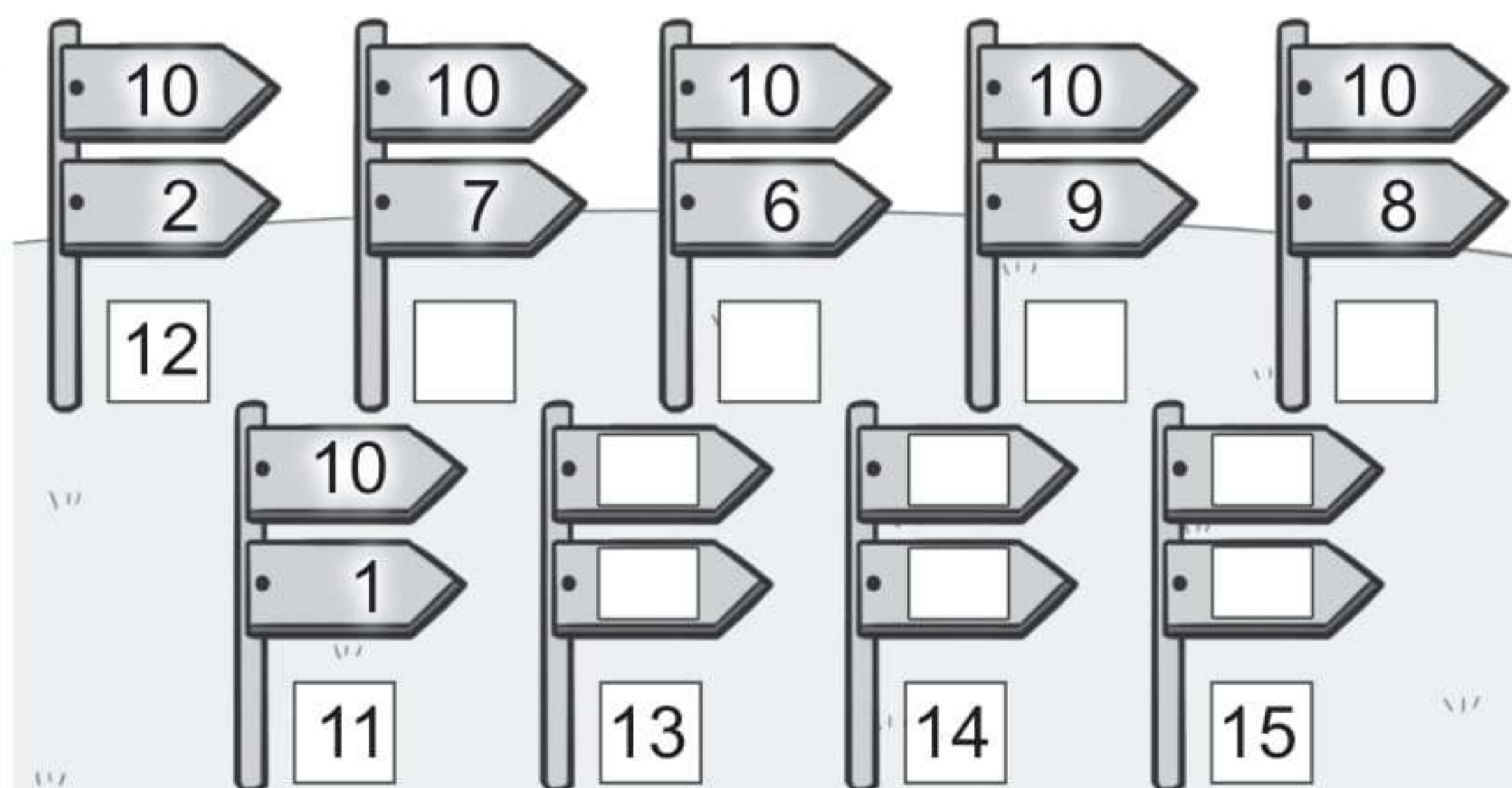
$$7 + 3 = \dots\dots$$

$$9 + 1 + 4 = \dots\dots$$

$$8 + 2 + 3 = \dots\dots$$

$$7 + 3 + 5 = \dots\dots$$

4 **Số ?**

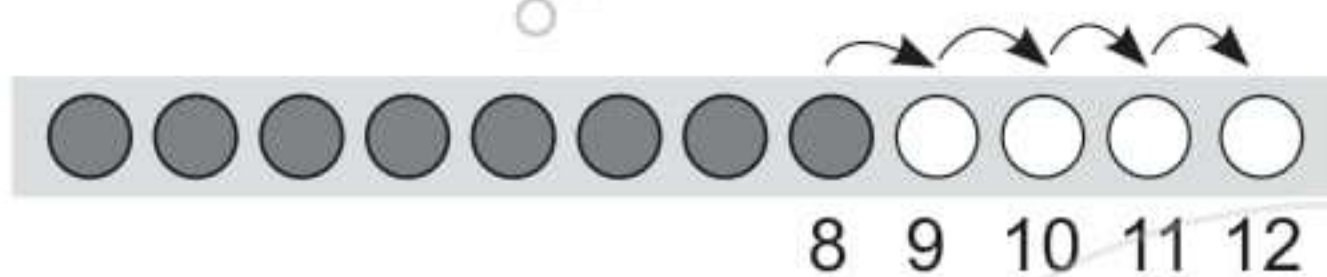


Bài 9

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1 Tính:

Đếm thêm 4
bắt đầu từ 8



$$8 + 4 = \square$$

Đếm thêm 3
bắt đầu từ 9



$$9 + 3 = \square$$

2 Tính:



$$9 + 2 = \square$$



$$9 + 4 = \square$$



$$7 + 4 = \square$$



$$8 + 5 = \square$$

3 Tính: $7 + 5 = \dots\dots$ $8 + 6 = \dots\dots$ $6 + 5 = \dots\dots$
 $7 + 6 = \dots\dots$ $9 + 6 = \dots\dots$ $6 + 6 = \dots\dots$

4 Một đoàn tàu có 9 toa. Trong dịp nghỉ lễ, người ta nối thêm 5 toa nữa. Hỏi sau khi nối, đoàn tàu đó có tất cả bao nhiêu toa?

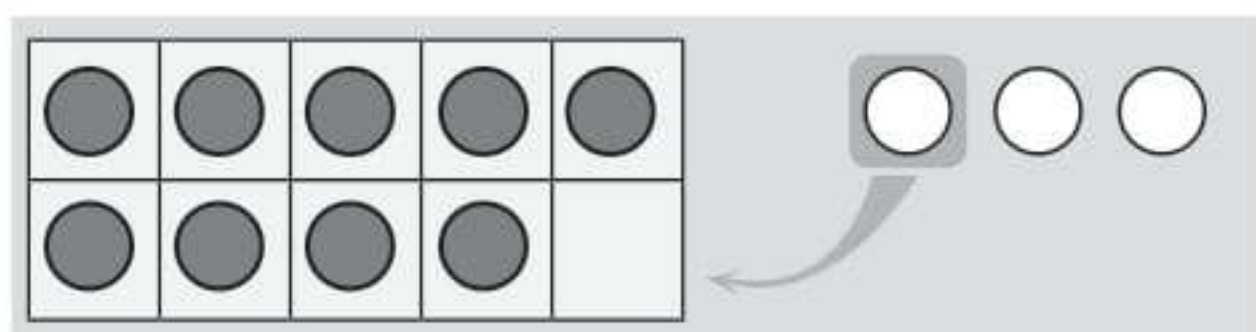
Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Sau khi nối, đoàn tàu đó có tất cả $\square$ toa.

Bài 10

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20 (tiếp theo)

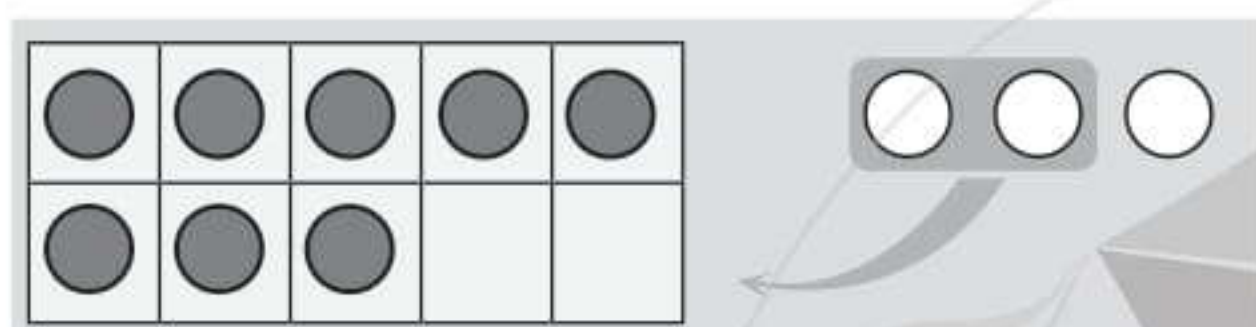
1 Tính:



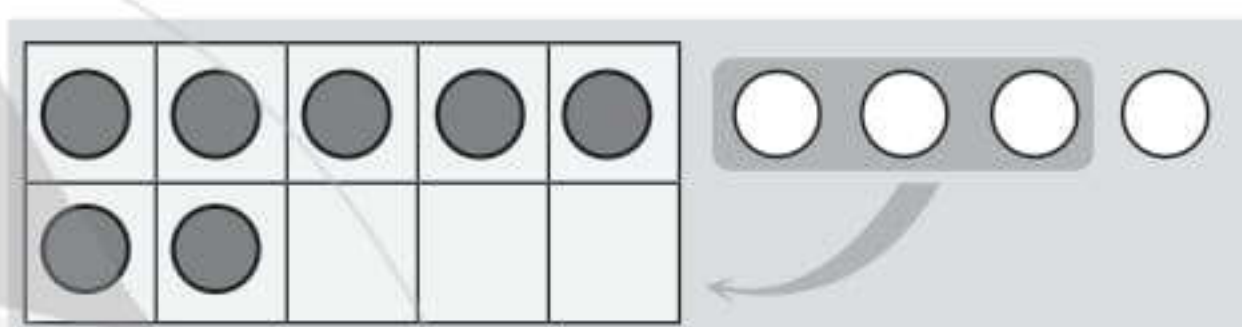
$$9 + 3 = \square$$

9 cộng $\square$ bằng 10

10 cộng $\square$ bằng $\square$

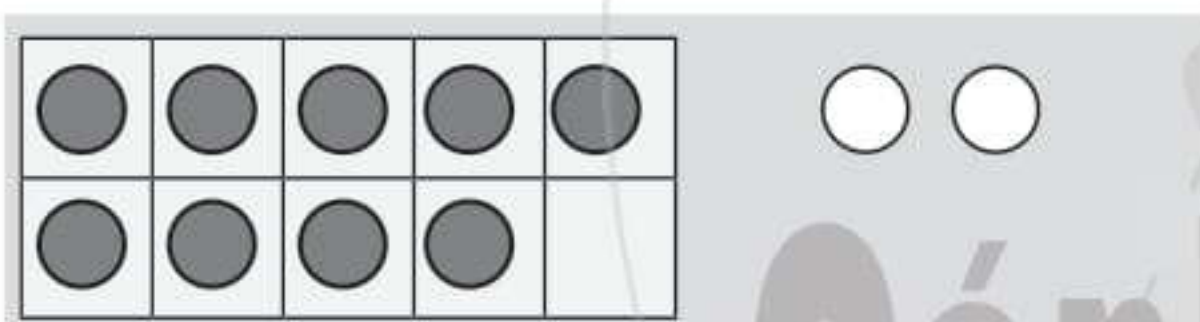


$$8 + 3 = \square$$

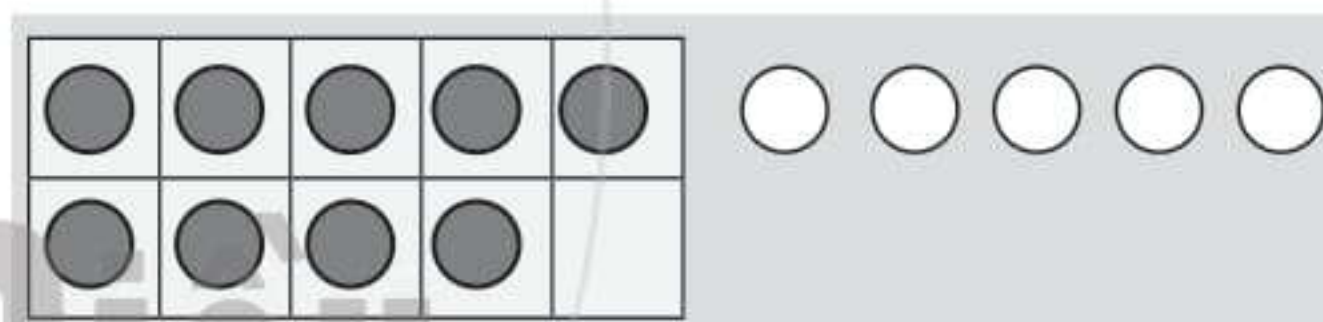


$$7 + 4 = \square$$

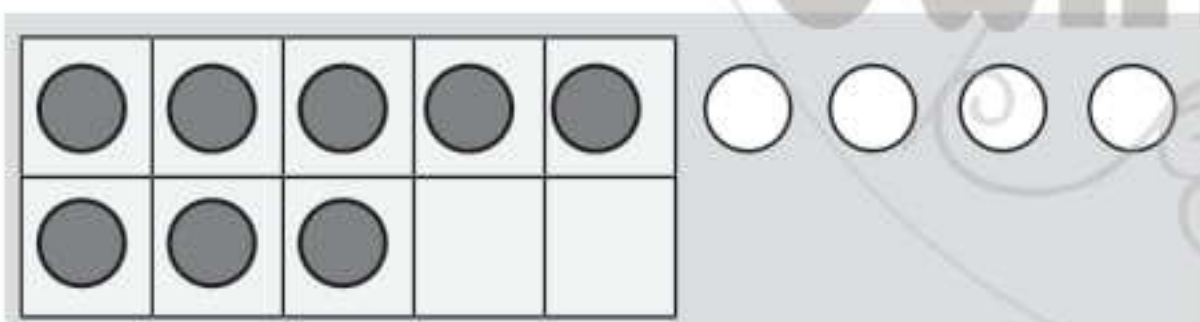
2 Tính:



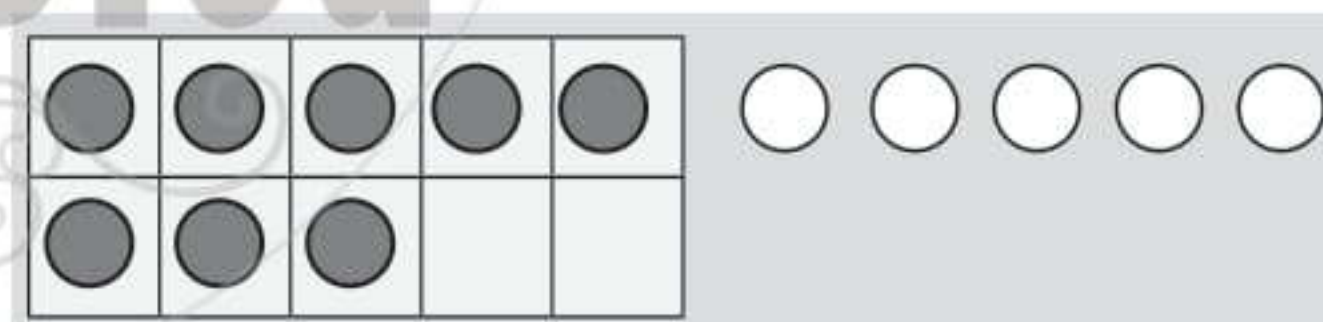
$$9 + 2 = \square$$



$$9 + 5 = \square$$



$$8 + 4 = \square$$



$$8 + 5 = \square$$

3 Tính: $9 + 7 = \dots\dots$

$9 + 9 = \dots\dots$

$8 + 7 = \dots\dots$

$9 + 8 = \dots\dots$

$8 + 8 = \dots\dots$

$8 + 9 = \dots\dots$

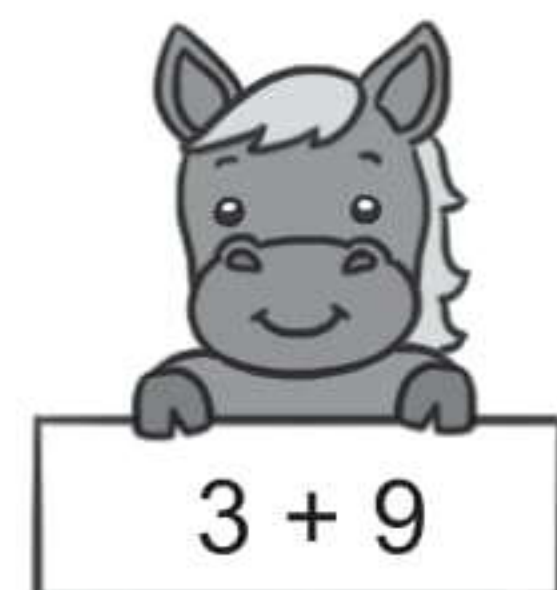
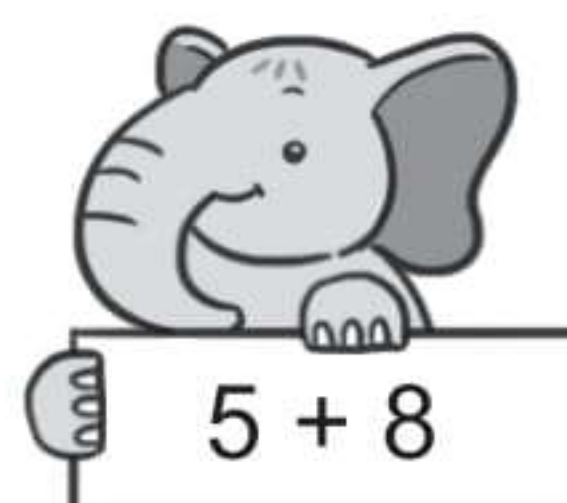
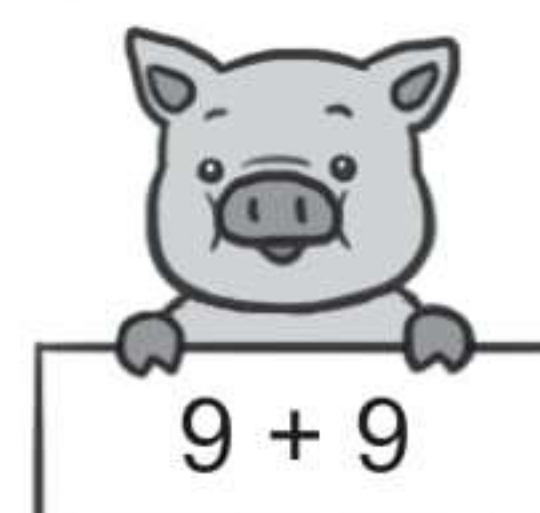
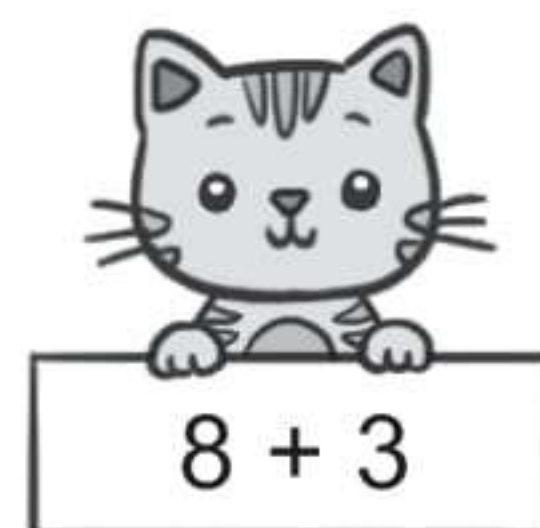
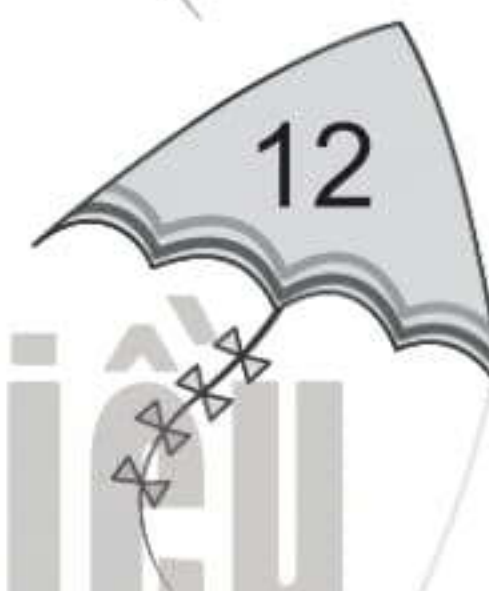
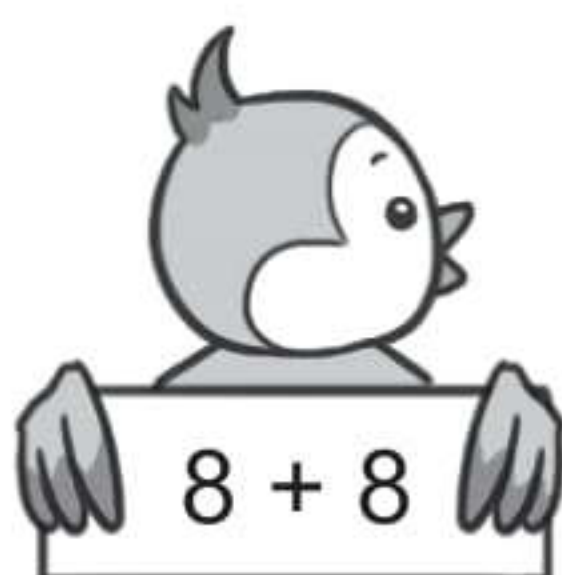
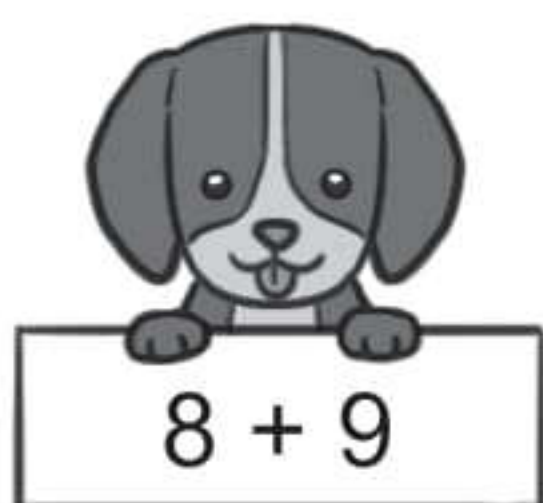
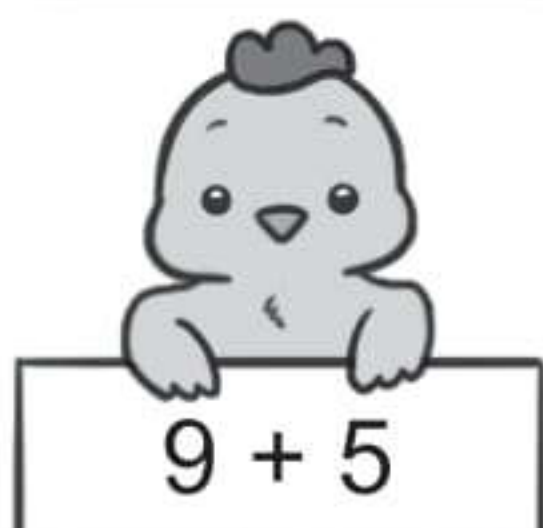
4 Có 9 chậu hoa, các bạn mang đến 3 chậu hoa nữa.
Hỏi có tất cả bao nhiêu chậu hoa?

Phép tính: $\dots\dots\dots$

Trả lời: Có tất cả $\dots\dots\dots$ chậu hoa.

Bài 11 LUYỆN TẬP

1 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



2 Tính nhẩm:

$$9 + 1 + 7 = \dots\dots$$

$$9 + 8 = \dots\dots$$

$$8 + 2 + 4 = \dots\dots$$

$$8 + 6 = \dots\dots$$

$$6 + 4 + 5 = \dots\dots$$

$$6 + 9 = \dots\dots$$

3 a) Tính:

$$\begin{array}{l} 9 + 2 = \dots\dots \\ 2 + 9 = \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 8 + 4 = \dots\dots \\ 4 + 8 = \dots\dots \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 7 + 4 = \dots\dots \\ 4 + 7 = \dots\dots \end{array}$$

b) Nhận xét kết quả các phép tính trong từng cột.

.....

4 Nhà bạn Duyên nuôi 6 con thỏ trắng và 7 con thỏ nâu.
Hỏi nhà bạn Duyên nuôi tất cả bao nhiêu con thỏ?

Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Nhà bạn Duyên nuôi tất cả $\square$ con thỏ.

5 a) Thảo luận cách tính của Dung và Đức. Em thích cách nào hơn?

$$9 + 5 = ?$$

$$\begin{array}{l} 9 + 5 = 9 + 1 + 4 \\ = 10 + 4 \\ = 14 \end{array}$$



$$\begin{array}{ccccccc} 9 & 10 & 11 & 12 & 13 & 14 \\ \curvearrowright & \curvearrowright & \curvearrowright & \curvearrowright & \curvearrowright & \curvearrowright \\ \text{Vậy } 9 + 5 = 14 \end{array}$$



b) Thực hiện các phép tính sau theo cách em thích:

$$8 + 5 = \dots\dots$$

$$8 + 6 = \dots\dots$$

$$9 + 3 = \dots\dots$$

$$5 + 6 = \dots\dots$$

Bài 12 BẢNG CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1) Tính:

9+2=.....									
9+3=.....	8+3=.....								
9+4=.....	8+4=.....	7+4=.....							
9+5=.....	8+5=.....	7+5=.....	6+5=.....						
9+6=.....	8+6=.....	7+6=.....	6+6=.....	5+6=.....					
9+7=.....	8+7=.....	7+7=.....	6+7=.....	5+7=.....	4+7=.....				
9+8=.....	8+8=.....	7+8=.....	6+8=.....	5+8=.....	4+8=.....	3+8=.....			
9+9=.....	8+9=.....	7+9=.....	6+9=.....	5+9=.....	4+9=.....	3+9=.....	2+9=.....		

2) Tính nhẩm:

a) $6 + 5 = \dots\dots$

$8 + 8 = \dots\dots$

$9 + 4 = \dots\dots$

$7 + 7 = \dots$

$7 + 9 = \dots\dots$

$6 + 9 = \dots\dots$

b) $8 + 3 = \dots\dots$

$3 + 8 = \dots\dots$

$7 + 6 = \dots\dots$

$6 + 7 = \dots\dots$

$9 + 5 = \dots\dots$

$5 + 9 = \dots\dots$

- 3** Xem Bảng cộng rồi viết các phép tính còn thiếu vào chỗ chấm:

11	12	13
$9 + 2$	$8 + 4$	$9 + 4$
$4 + 7$	$6 + 6$	
$3 + 8$	$3 + 9$	
$6 + 5$		$6 + 7$
$7 + 4$		
$8 + 3$	$9 + 3$	
.....		

14	15	16
$9 + 5$	$7 + 8$	
.....		
.....		

- 4** Vườn nhà Tùng có 7 cây na và 9 cây xoài. Hỏi vườn nhà Tùng có tất cả bao nhiêu cây na và cây xoài?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Vườn nhà Tùng có tất cả $\square$ cây na và cây xoài.

Bài 13 LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm:

a) $9 + 2 = \dots\dots$

$5 + 7 = \dots\dots$

$5 + 9 = \dots\dots$

$9 + 3 = \dots\dots$

$6 + 8 = \dots\dots$

$5 + 8 = \dots\dots$

b) $9 + 6 = \dots\dots$

$5 + 6 = \dots\dots$

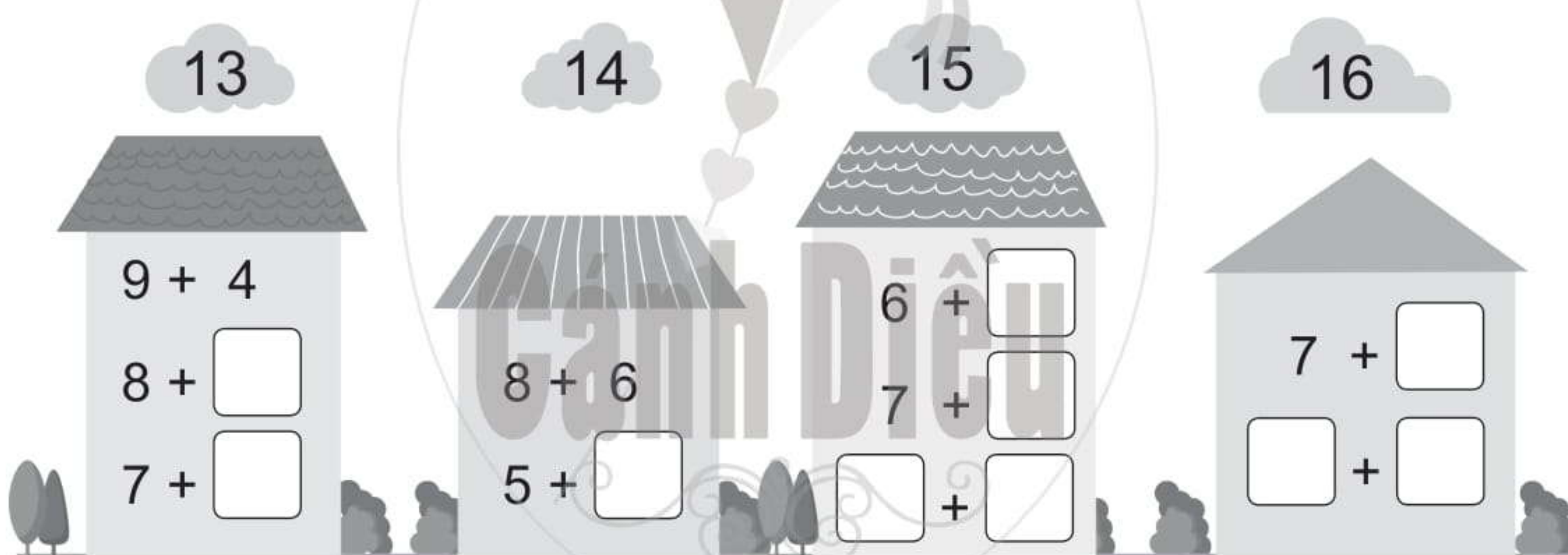
$8 + 7 = \dots\dots$

$6 + 9 = \dots\dots$

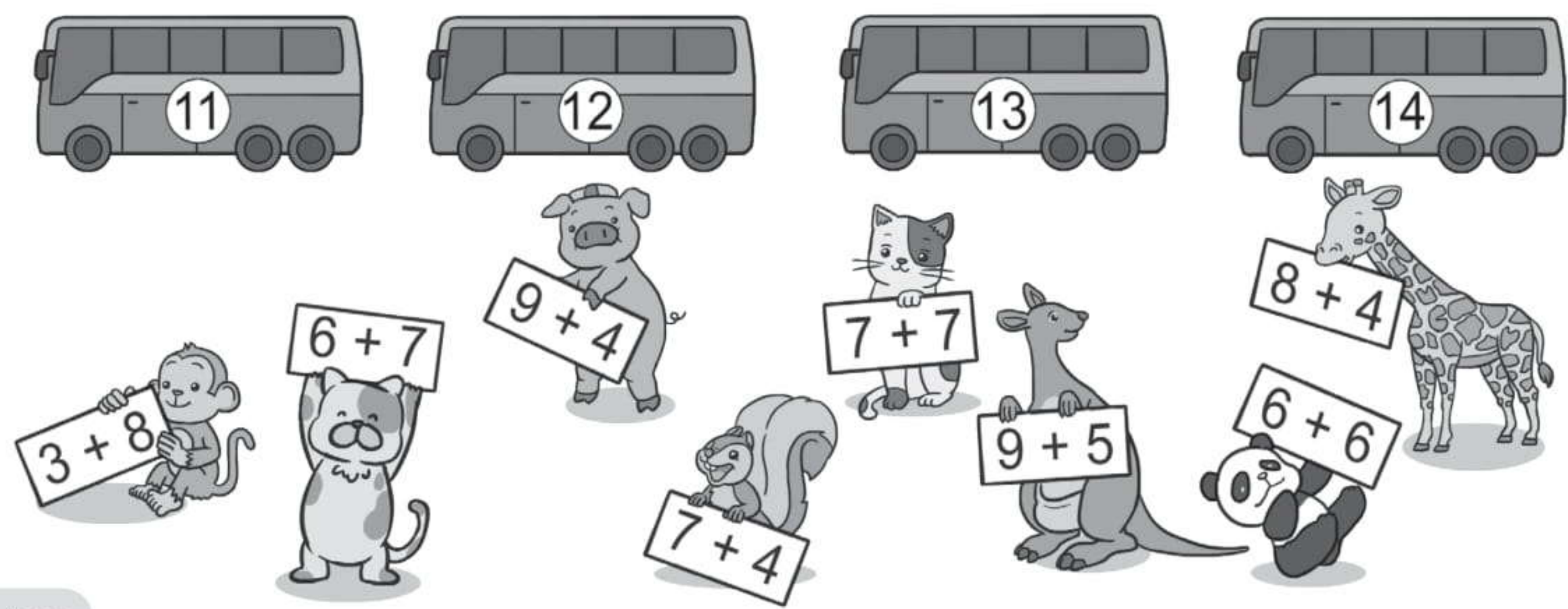
$6 + 5 = \dots\dots$

$7 + 8 = \dots\dots$

2 Số ?



3 a) Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



b) Tính: $9 + 5 + 1 = \dots\dots$

$7 + 2 + 6 = \dots\dots$

$5 + 3 + 4 = \dots\dots$

$8 + 4 + 5 = \dots\dots$

4 Chọn số hạng trong các số đã cho và tính tổng (theo mẫu):

$7 + 4 = 11$

$8 + 6 = 14$

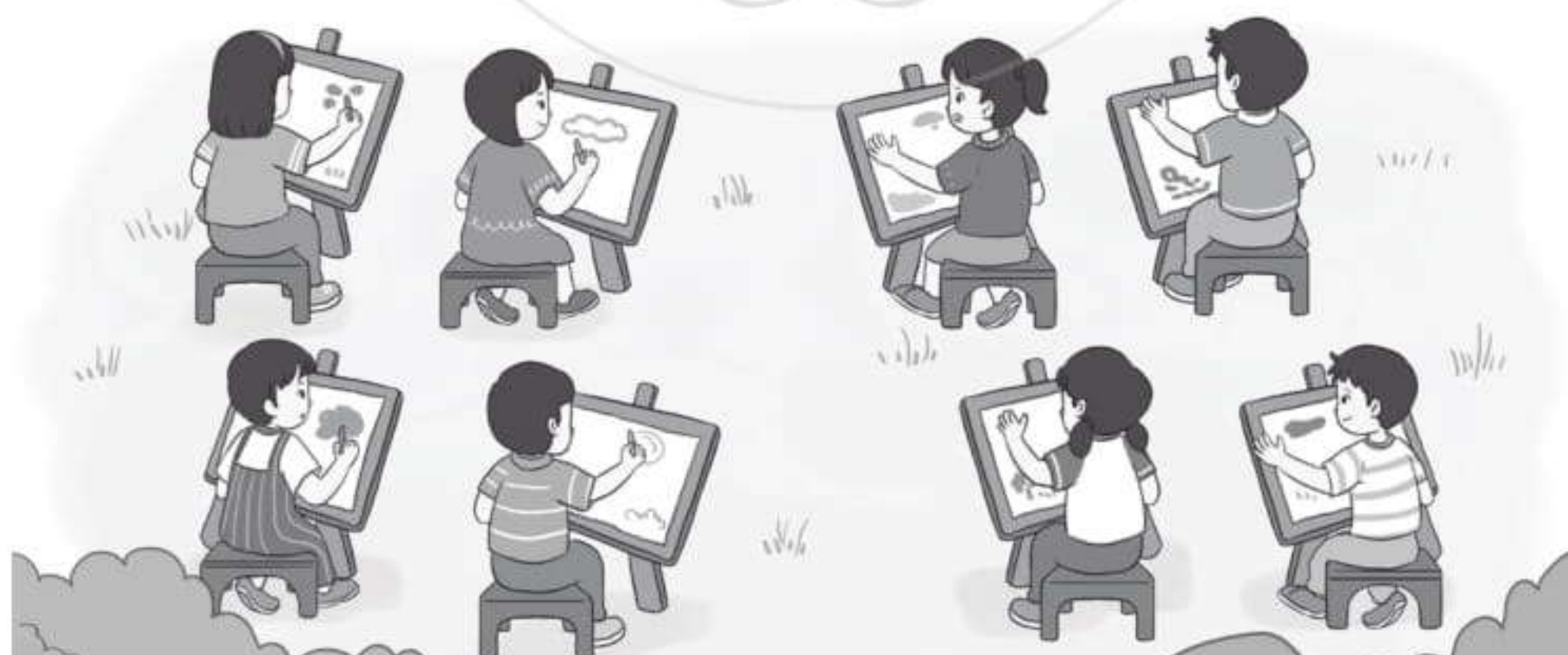
$7 + 4 = 11$ $8 + 6 = 14$

$7 + \dots = \dots$ $8 + \dots = \dots$

.....

.....

5 Sau chuyến học tập trải nghiệm, tổ Một vẽ được 6 bức tranh, tổ Hai vẽ được 7 bức tranh. Hỏi hai tổ vẽ được tất cả bao nhiêu bức tranh?



Phép tính: =

Trả lời: Hai tổ vẽ được tất cả bức tranh.

Bài 14 LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính nhẩm:

$6 + 6 = \dots\dots$

$7 + 7 = \dots\dots$

$8 + 8 = \dots\dots$

$6 + 7 = \dots\dots$

$7 + 8 = \dots\dots$

$8 + 9 = \dots\dots$

2 Tính:

$4 + 4 + 3 = \dots\dots$

$7 + 1 + 8 = \dots\dots$

$3 + 3 + 6 = \dots\dots$

$5 + 4 + 5 = \dots\dots$

3 > < = ?

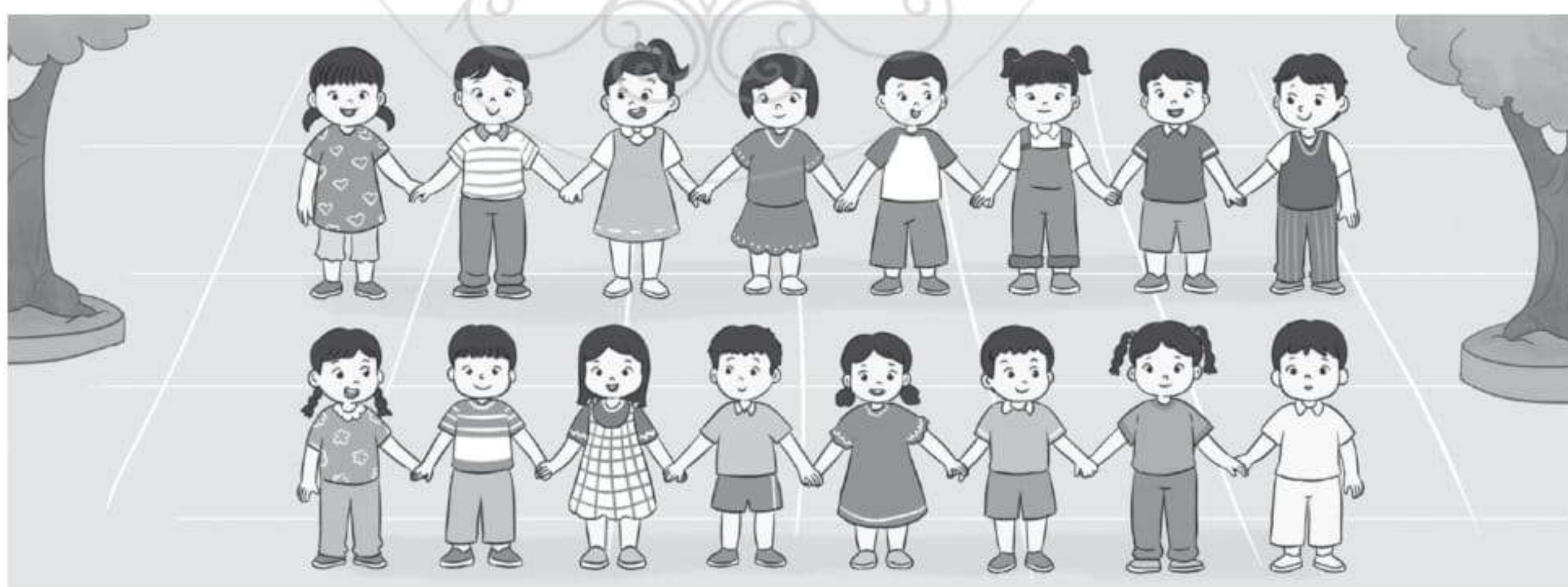
$9 + 7 \bigcirc 9 + 9$

$7 + 6 \bigcirc 7 + 8$

$8 + 8 \bigcirc 8 + 5$

$5 + 6 \bigcirc 7 + 4$

4 Hàng trên có 8 bạn, hàng dưới có 8 bạn. Hỏi hai hàng có tất cả bao nhiêu bạn?



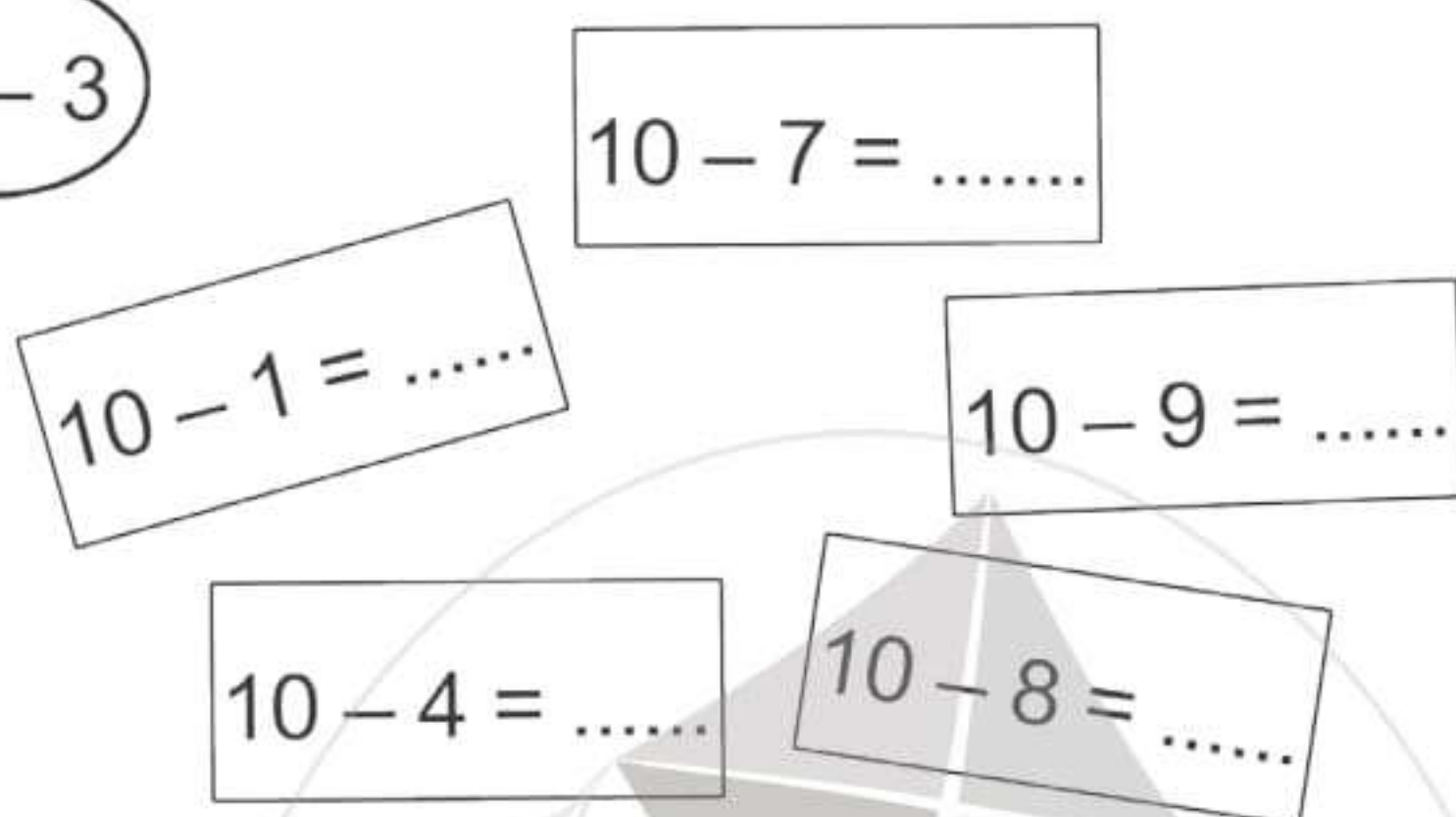
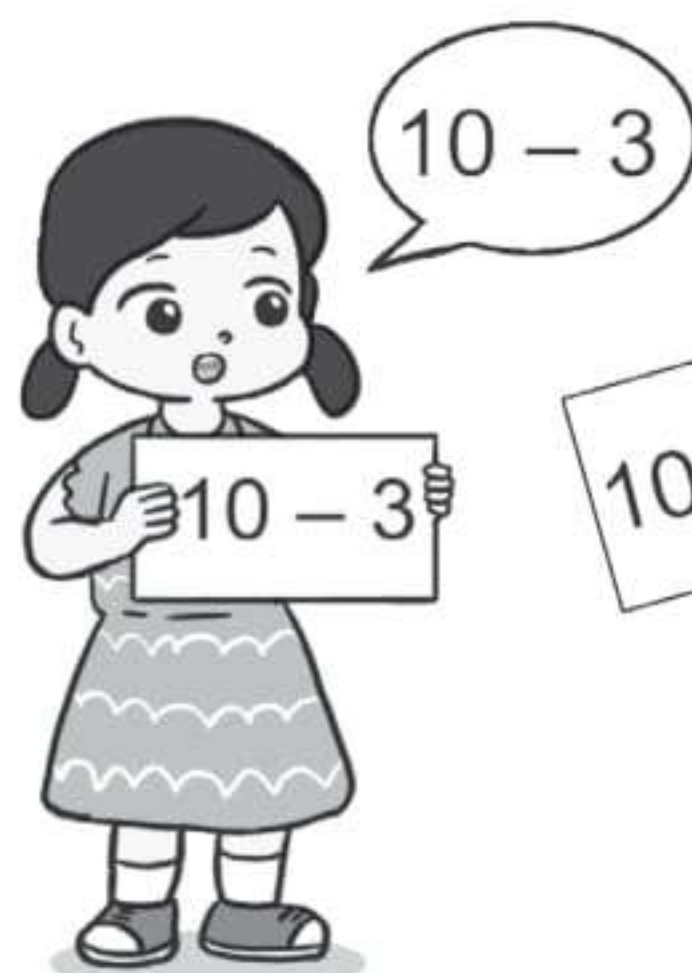
Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Hai hàng có tất cả $\square$ bạn.

Bài 15

LUYỆN TẬP PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1 Viết kết quả của mỗi phép tính:



2 a) Tính:

$$12 - 2 = \dots\dots$$

$$16 - 6 = \dots\dots$$

$$15 - 5 = \dots\dots$$

$$17 - 7 = \dots\dots$$

$$18 - 8 = \dots\dots$$

$$19 - 9 = \dots\dots$$

b) Số ?

$$10 = 15 - \square$$

$$10 = 19 - \square$$

$$10 = 17 - \square$$

3 Tính nhẩm:

$$10 - 2 = \dots\dots$$

$$10 - 5 = \dots\dots$$

$$10 - 6 = \dots\dots$$

$$14 - 4 - 2 = \dots\dots$$

$$13 - 3 - 5 = \dots\dots$$

$$11 - 1 - 6 = \dots\dots$$

4 Viết các phép trừ có kết quả bằng 10 (theo mẫu):

$$14 - 4 = 10 \quad \dots\dots\dots \quad \dots\dots\dots \quad \dots\dots\dots$$

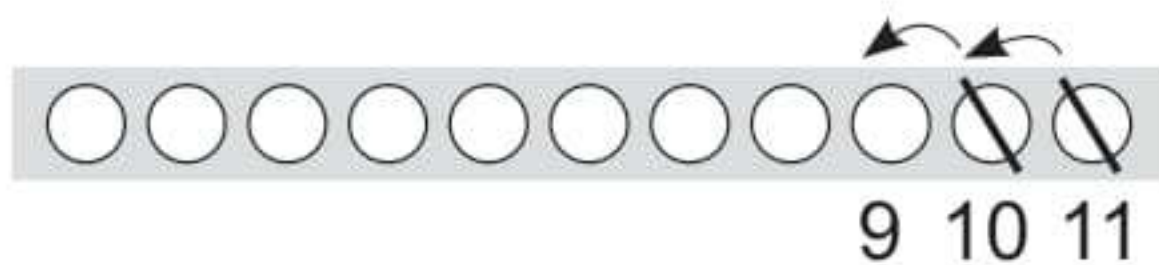
$$12 - 2 = 10 \quad \dots\dots\dots \quad \dots\dots\dots \quad \dots\dots\dots$$

$$\dots\dots\dots$$

Bài 16

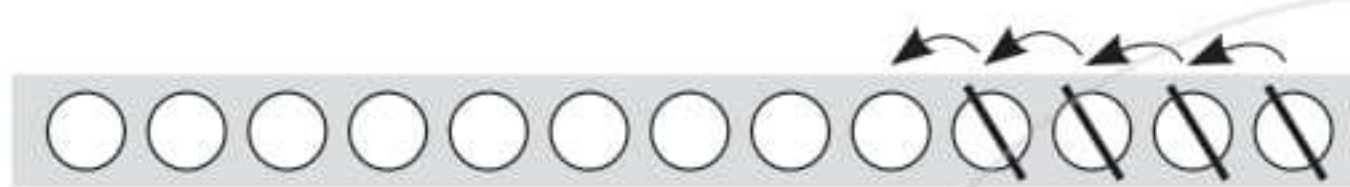
PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1 Tính:

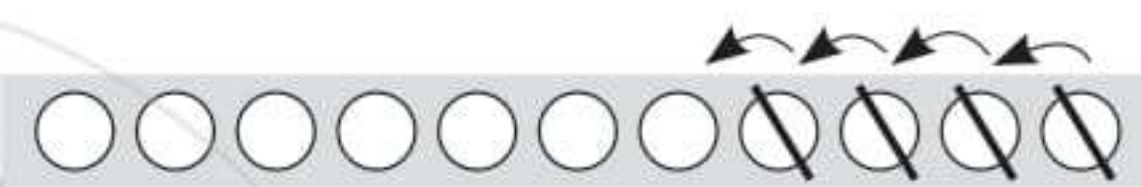


Đếm bớt 2
bắt đầu từ 11

$$11 - 2 = \square$$



$$13 - 4 = \square$$



$$11 - 4 = \square$$

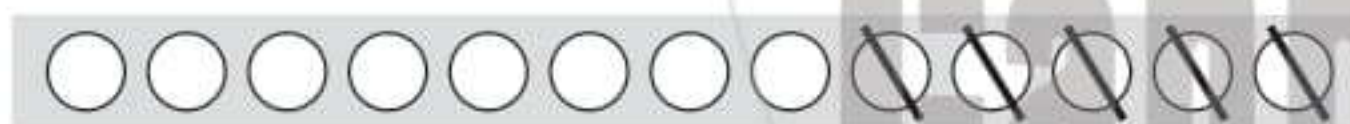
2 Tính:



$$11 - 3 = \square$$



$$12 - 4 = \square$$



$$13 - 5 = \square$$



$$14 - 7 = \square$$

3

Tính: $11 - 5 = \dots\dots$

$12 - 5 = \dots\dots$

$14 - 5 = \dots\dots$

$11 - 6 = \dots\dots$

$12 - 6 = \dots\dots$

$13 - 6 = \dots\dots$

4

Giải bóng đá nhi đồng năm nay có 11 đội tham gia. Vào tới trận chung kết chỉ còn 2 đội. Hỏi để vào đến trận chung kết có mấy đội đã bị loại?

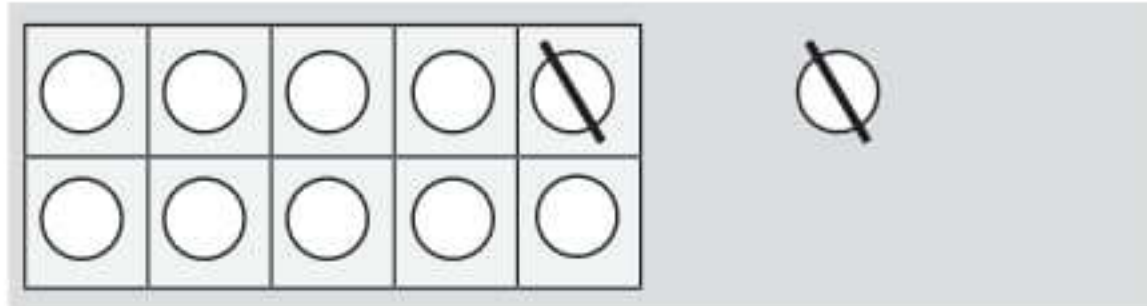
Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Để vào đến trận chung kết có $\square$ đội đã bị loại.

Bài 17

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20 (tiếp theo)

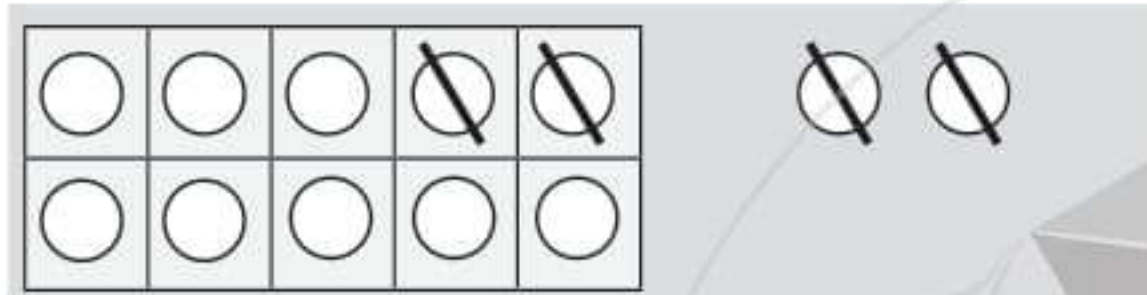
1 Tính:



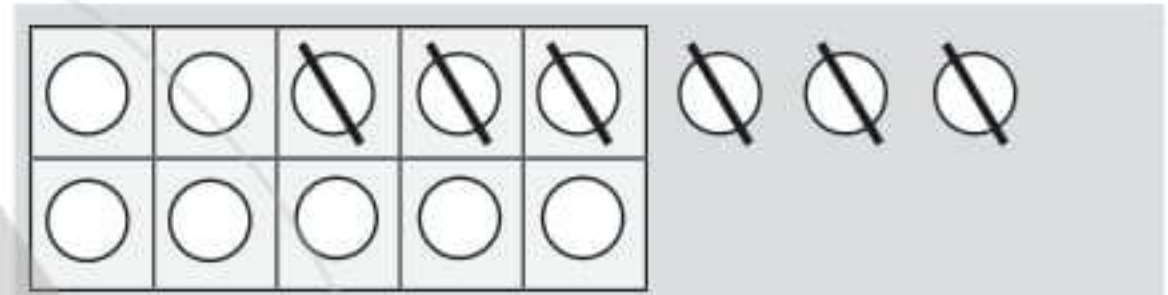
$$11 - 2 = \square$$

11 trừ bằng 10

10 trừ bằng

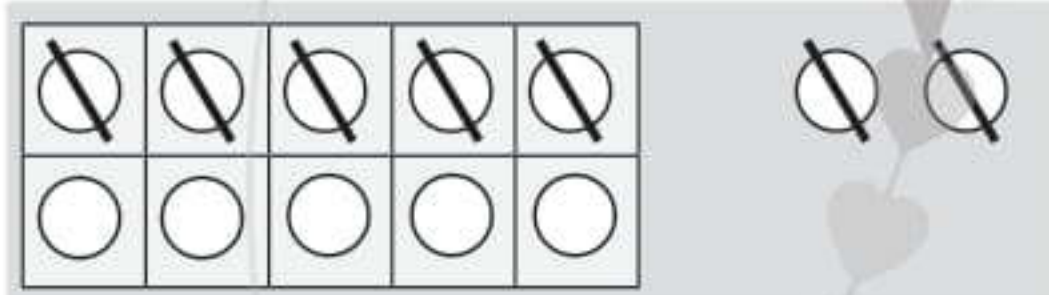


$$12 - 4 = \square$$

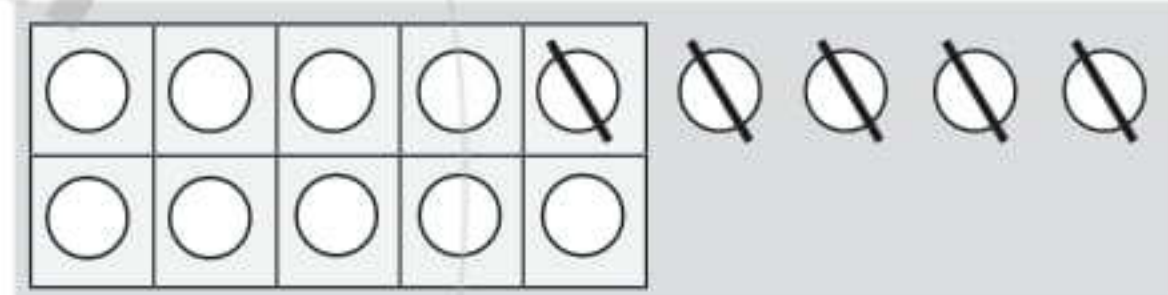


$$13 - 6 = \square$$

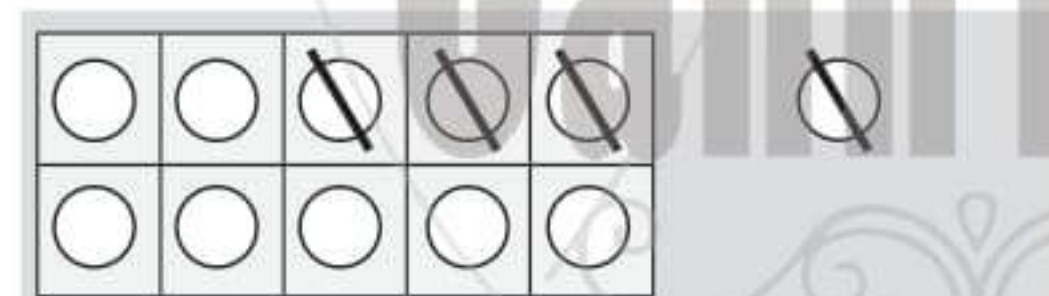
2 Tính:



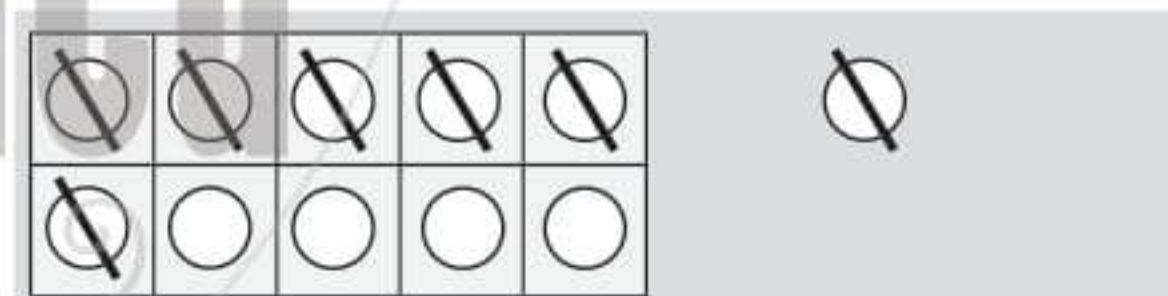
$$12 - 7 = \square$$



$$14 - 5 = \square$$



$$11 - 4 = \square$$



$$11 - 7 = \square$$

3 Tính:

$$13 - 5 = \dots\dots$$

$$14 - 6 = \dots\dots$$

$$15 - 8 = \dots\dots$$

$$13 - 7 = \dots\dots$$

$$14 - 9 = \dots\dots$$

$$15 - 6 = \dots\dots$$

4

Cửa hàng có 11 bộ đồ chơi lắp ghép hình, cửa hàng bán đi 3 bộ. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu bộ đồ chơi lắp ghép hình?

Phép tính:

Trả lời: Cửa hàng còn lại bộ đồ chơi lắp ghép hình.

Bài 18 LUYỆN TẬP

1 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



$$11 - 2$$



$$12 - 4$$



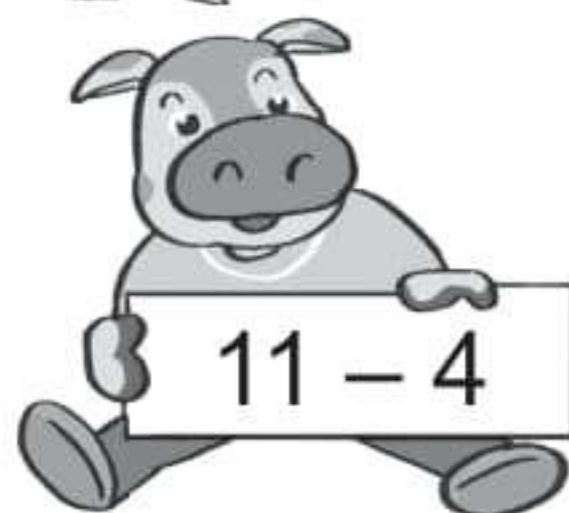
$$14 - 6$$

$$13 - 6$$

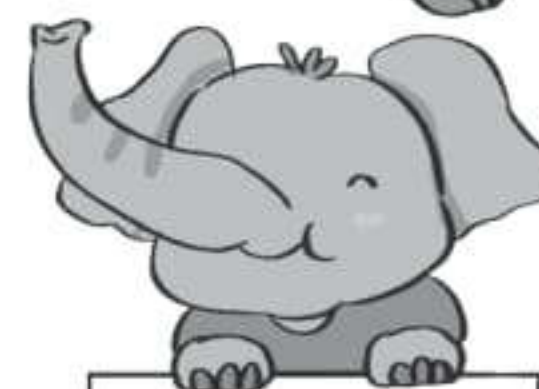


$$12 - 6$$

$$11 - 5$$



$$11 - 4$$



$$12 - 3$$



2 Tính nhẩm:

$$15 - 5 - 2 = \dots\dots$$

$$15 - 7 = \dots\dots$$

$$16 - 6 - 2 = \dots\dots$$

$$16 - 8 = \dots\dots$$

$$18 - 8 - 1 = \dots\dots$$

$$18 - 9 = \dots\dots$$

3 Tính:

$$9 + 4 = \dots\dots$$

$$13 - 4 = \dots\dots$$

$$8 + 5 = \dots\dots$$

$$13 - 5 = \dots\dots$$

$$7 + 7 = \dots\dots$$

$$14 - 7 = \dots\dots$$

- 4 Mẹ mua về 15 quả trứng, chị Trang lấy 8 quả trứng để làm bánh. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Mẹ còn lại $\square$ quả trứng.

- 5 a) Thảo luận cách tính của Hà và Ngọc. Em thích cách nào hơn?

$$13 - 5 = ?$$

$$13 - 3 = 10$$

$$10 - 2 = 8$$

$$\text{Vậy } 13 - 5 = 8$$

8 9 10 11 12 13

$$\text{Vậy } 13 - 5 = 8$$

Đếm bớt 5
bắt đầu từ 13



Hà



Ngọc

b) Thực hiện các phép tính sau theo cách em thích:

$$14 - 5 = \dots\dots$$

$$12 - 3 = \dots\dots$$

$$11 - 5 = \dots\dots$$

$$13 - 4 = \dots\dots$$

Bài 19

BẢNG TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 20

1) Tính:

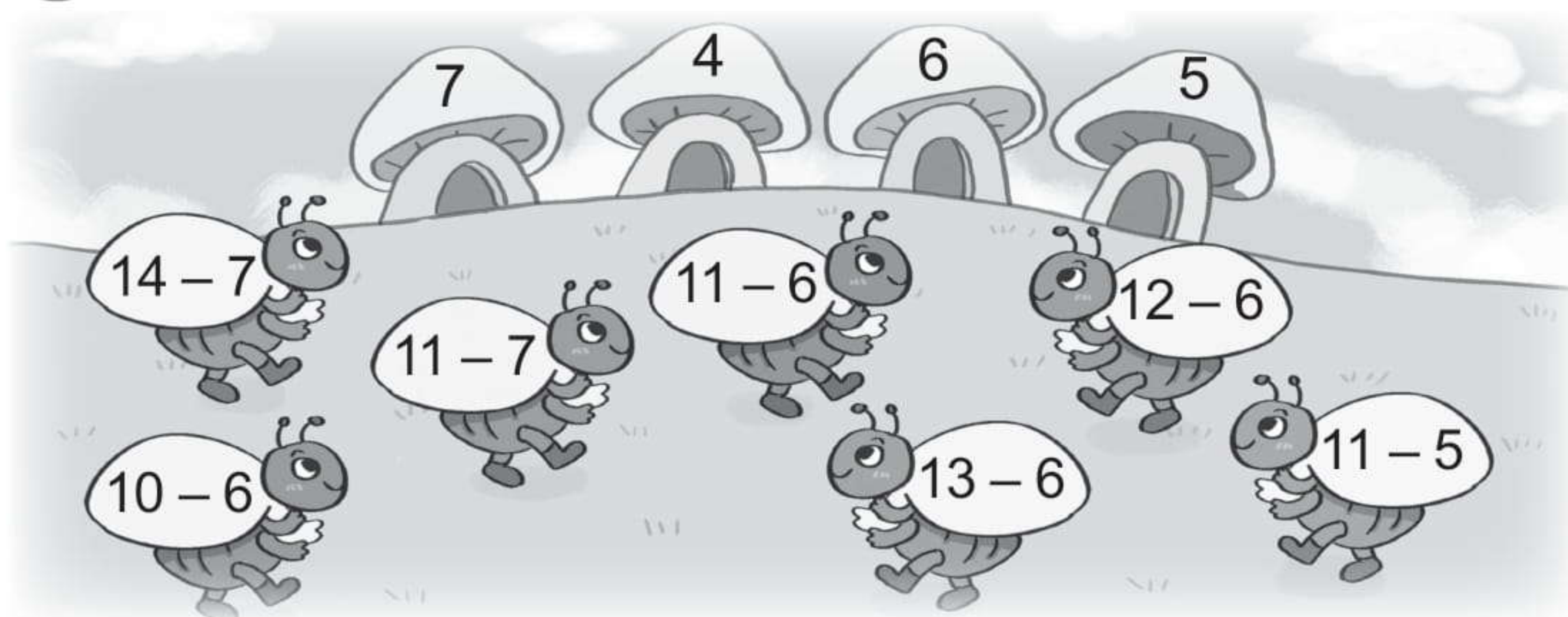
11-2=.....								
11-3=.....	12-3=.....							
11-4=.....	12-4=.....	13-4=.....						
11-5=.....	12-5=.....	13-5=.....	14-5=.....					
11-6=.....	12-6=.....	13-6=.....	14-6=.....	15-6=.....				
11-7=.....	12-7=.....	13-7=.....	14-7=.....	15-7=.....	16-7=.....			
11-8=.....	12-8=.....	13-8=.....	14-8=.....	15-8=.....	16-8=.....	17-8=.....		
11-9=.....	12-9=.....	13-9=.....	14-9=.....	15-9=.....	16-9=.....	17-9=.....	18-9=.....	

2) Tính nhẩm:

$14 - 5 = \dots\dots$ $15 - 6 = \dots\dots$ $11 - 4 = \dots\dots$ $11 - 3 = \dots\dots$

$13 - 7 = \dots\dots$ $16 - 8 = \dots\dots$ $18 - 9 = \dots\dots$ $14 - 8 = \dots\dots$

3) Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



- 4** Xem Bảng trừ rồi viết các phép tính còn thiếu vào chỗ chấm:

9	
$11 - 2$	$13 - 4$
$15 - 6$	$16 - 7$
$12 - 3$	$17 - 8$
.....	

8	
$12 - 4$	$13 - 5$
$15 - 7$	
.....	$17 - 9$
.....	

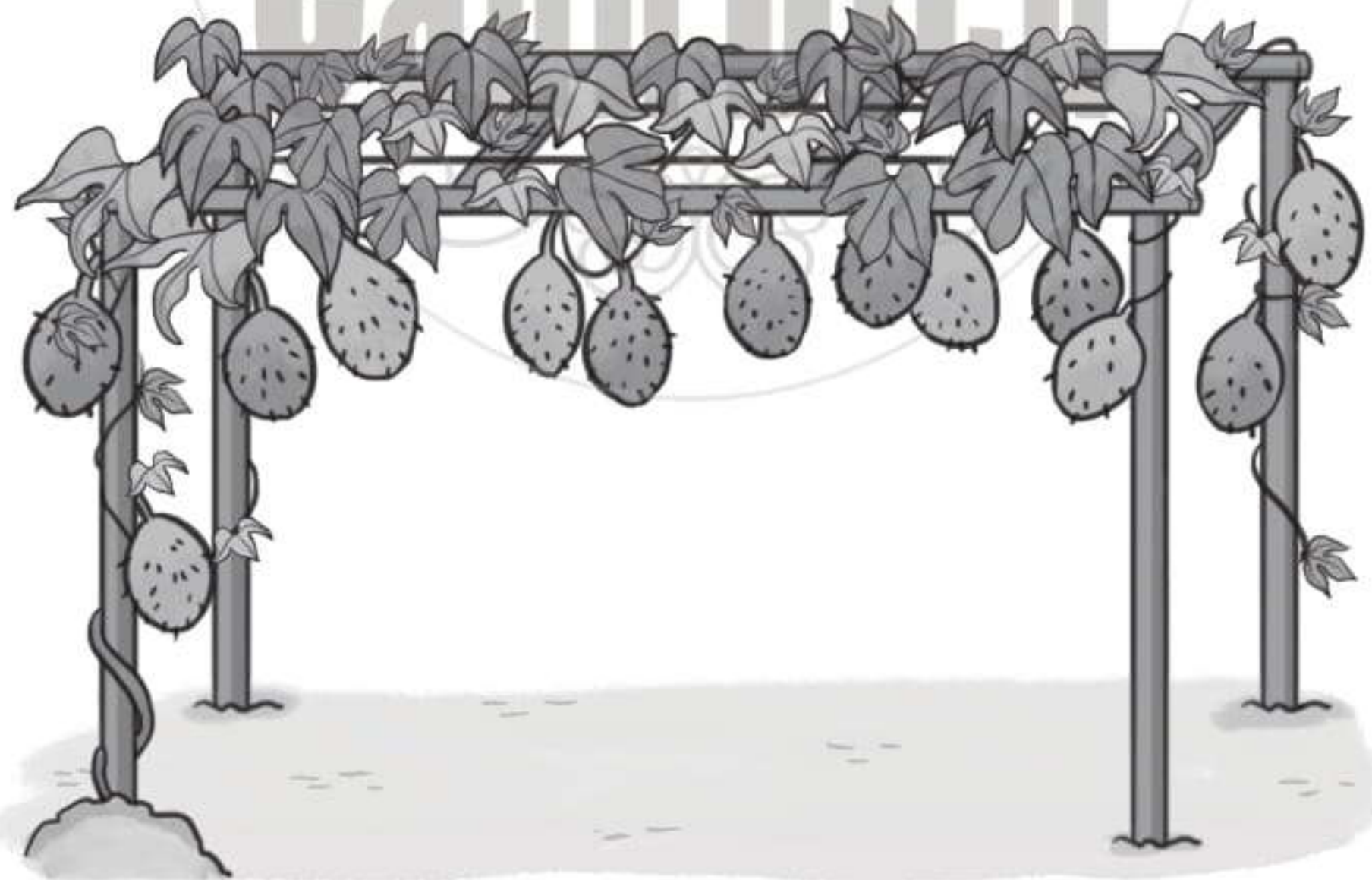
7	
$13 - 6$	
.....	$14 - 7$
.....	

6	
$13 - 7$	
.....	
.....	

5	
$14 - 9$	
.....	

4	
$11 - 7$	
.....	

- 5** Giàn gấc nhà bà Nga có tất cả 13 quả, trong đó có 7 quả đã chín. Hỏi giàn gấc nhà bà Nga còn mấy quả chưa chín?



Phép tính: =

Trả lời: Giàn gấc nhà bà Nga còn quả chưa chín.

Bài 20 LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm:

$$\begin{aligned} 8 + 3 &= \\ 11 - 8 &= \\ 11 - 3 &= \end{aligned}$$

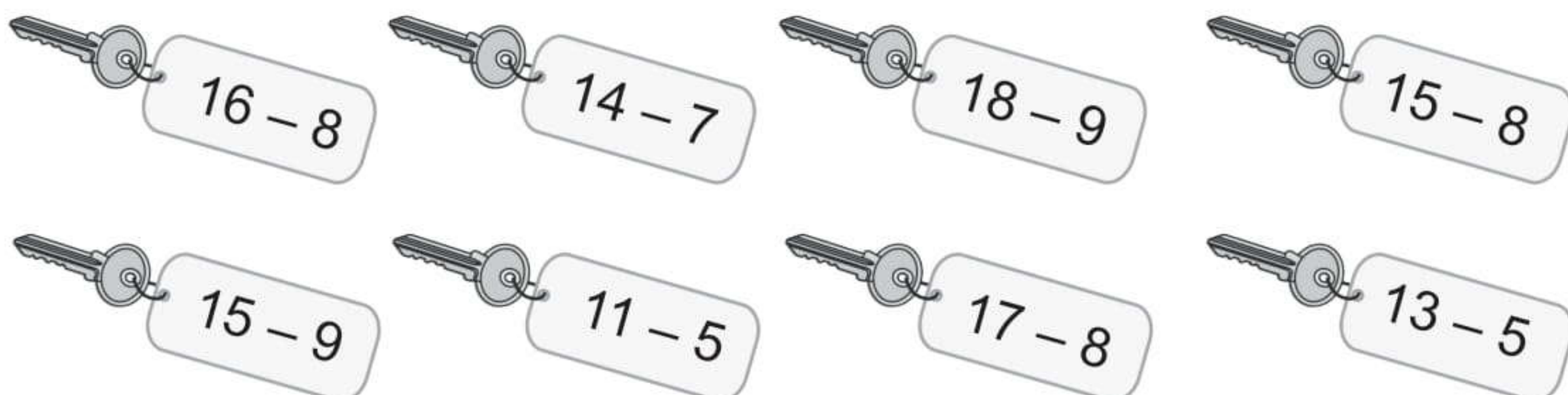
$$\begin{aligned} 5 + 7 &= \\ 12 - 5 &= \\ 12 - 7 &= \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} 3 + 9 &= \\ 12 - 3 &= \\ 12 - 9 &= \end{aligned}$$

2 Số ?



3 a) Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



b) Tính: $11 - 3 - 1 = \dots\dots$

$17 - 2 - 6 = \dots\dots$

$15 - 4 - 2 = \dots\dots$

$14 - 7 - 5 = \dots\dots$

4 Chọn số trừ trong các số đã cho và tính hiệu (theo mẫu):



$11 - 4 = 7$

$11 - \dots = \dots\dots$

$\dots\dots$

$\dots\dots$

$\dots\dots$



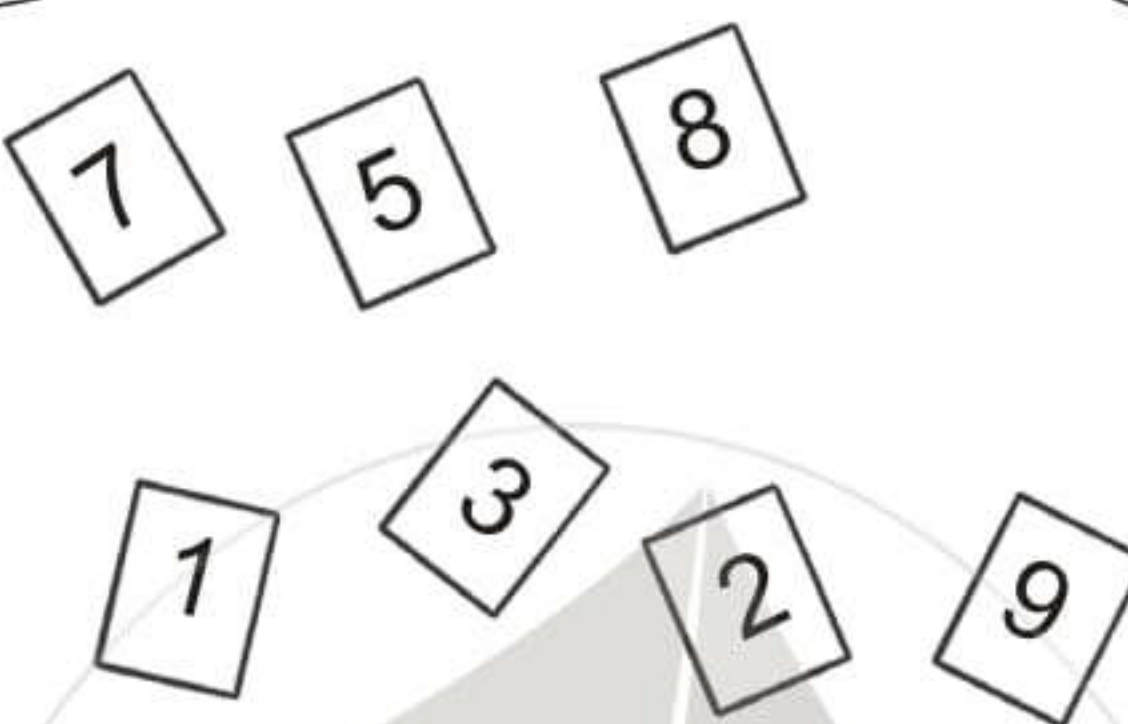
$12 - 6 = 6$

$12 - \dots = \dots\dots$

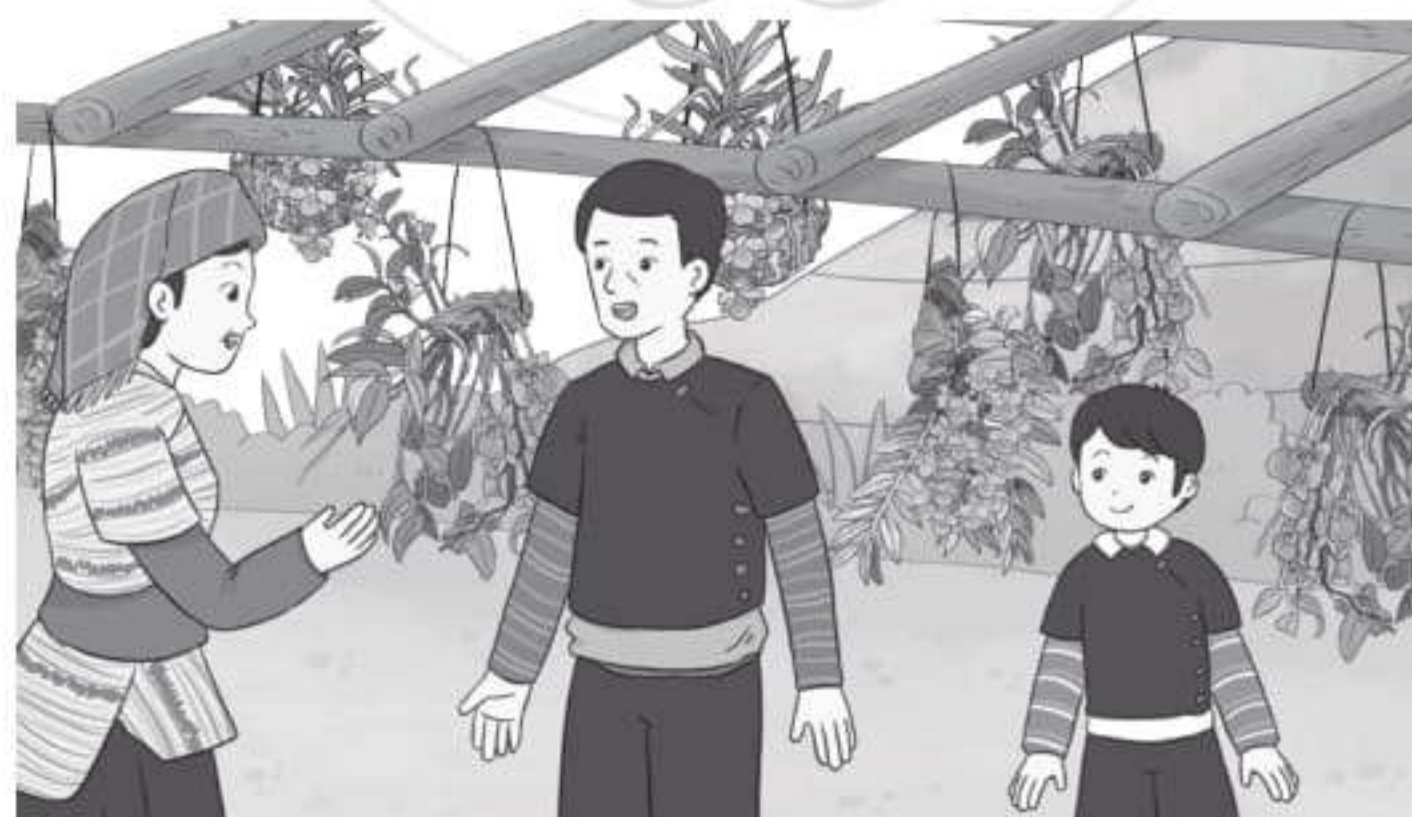
$\dots\dots$

$\dots\dots$

$\dots\dots$



5 Bác Súa có 15 giò phong lan, bác đã bán đi 7 giò. Hỏi bác Súa còn lại bao nhiêu giò phong lan?



Phép tính: =

Trả lời: Bác Súa còn lại giò phong lan.

Bài 21 LUYỆN TẬP CHUNG

1 Tính:

$14 - 7 = \dots\dots$

$7 + 9 = \dots\dots$

$5 + 9 = \dots\dots$

$5 + 6 = \dots\dots$

$11 - 8 = \dots\dots$

$4 + 8 = \dots\dots$

$12 - 8 = \dots\dots$

$4 + 7 = \dots\dots$

$12 - 4 = \dots\dots$

2 Tính nhẩm:

$9 + 6 = \dots\dots$

$9 + 8 = \dots\dots$

$8 + 5 = \dots\dots$

$6 + 9 = \dots\dots$

$8 + 9 = \dots\dots$

$5 + 8 = \dots\dots$

$15 - 9 = \dots\dots$

$17 - 8 = \dots\dots$

$13 - 5 = \dots\dots$

$15 - 6 = \dots\dots$

$17 - 9 = \dots\dots$

$13 - 8 = \dots\dots$

3 Viết các phép tính thích hợp (theo mẫu):

12 5 7

$5 + 7 = 12$

$7 + 5 = 12$

$12 - 7 = 5$

$12 - 5 = 7$

14 8 6

$\square + \square = \square$

$\square + \square = \square$

$\square - \square = \square$

$\square - \square = \square$

9 7 16

$\square + \square = \square$

$\square + \square = \square$

$\square - \square = \square$

$\square - \square = \square$

4 Tính:

$9 + 1 + 8 = \dots\dots$

$11 - 1 - 3 = \dots\dots$

$7 + 3 - 4 = \dots\dots$

$8 + 2 + 5 = \dots\dots$

$14 - 4 - 1 = \dots\dots$

$15 - 5 + 7 = \dots\dots$

$4 + 6 + 7 = \dots\dots$

$19 - 9 - 6 = \dots\dots$

$13 - 3 + 8 = \dots\dots$

5 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$7 + 5 \bigcirc 11$

$9 + 6 \bigcirc 5 + 9$

$6 + 7 \bigcirc 7 + 6$

$13 - 4 \bigcirc 10$

$15 - 8 \bigcirc 5 + 8$

$14 - 9 \bigcirc 5 + 9$

- 6** Hiền làm được 12 chiếc chong chóng, Hiền cho các em 9 chiếc. Hỏi Hiền còn lại mấy chiếc chong chóng?



Phép tính: $\square \bigcirc \square = \square$

Trả lời: Hiền còn lại $\square$ chiếc chong chóng.

Bài 22

BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

- 1 Long có 10 chiếc bút màu, Bảo có 9 chiếc. Hỏi hai bạn có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu?

Bài giải

Hai bạn có tất cả số chiếc bút màu là:

..... (chiếc)

Đáp số: chiếc bút màu.

- 2 Trong phòng máy có 9 bộ máy tính, người ta mang thêm vào 3 bộ nữa. Hỏi trong phòng đó có tất cả bao nhiêu bộ máy tính?

Bài giải

Trong phòng đó có tất cả số bộ máy tính là:

..... (bộ)

Đáp số: bộ máy tính.

- 3 Nam có 16 quyển truyện, Nam cho Hoa 5 quyển. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu quyển truyện?

Bài giải

Nam còn lại số quyển truyện là:

..... (quyển)

Đáp số: quyển truyện.

- 4 Trên sân bay có 11 chiếc máy bay, sau đó có 2 chiếc bay đi. Hỏi trên sân bay còn lại bao nhiêu chiếc máy bay?

Bài giải

Trên sân bay còn lại số chiếc máy bay là:

..... (chiếc)

Đáp số: chiếc máy bay.

- 1 Lúc đầu trên sân có 6 bạn đang chơi, sau đó có thêm 5 bạn đi đến. Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu bạn?



Bài giải

Trên sân có tất cả số bạn là:
..... (bạn)

Đáp số: bạn.

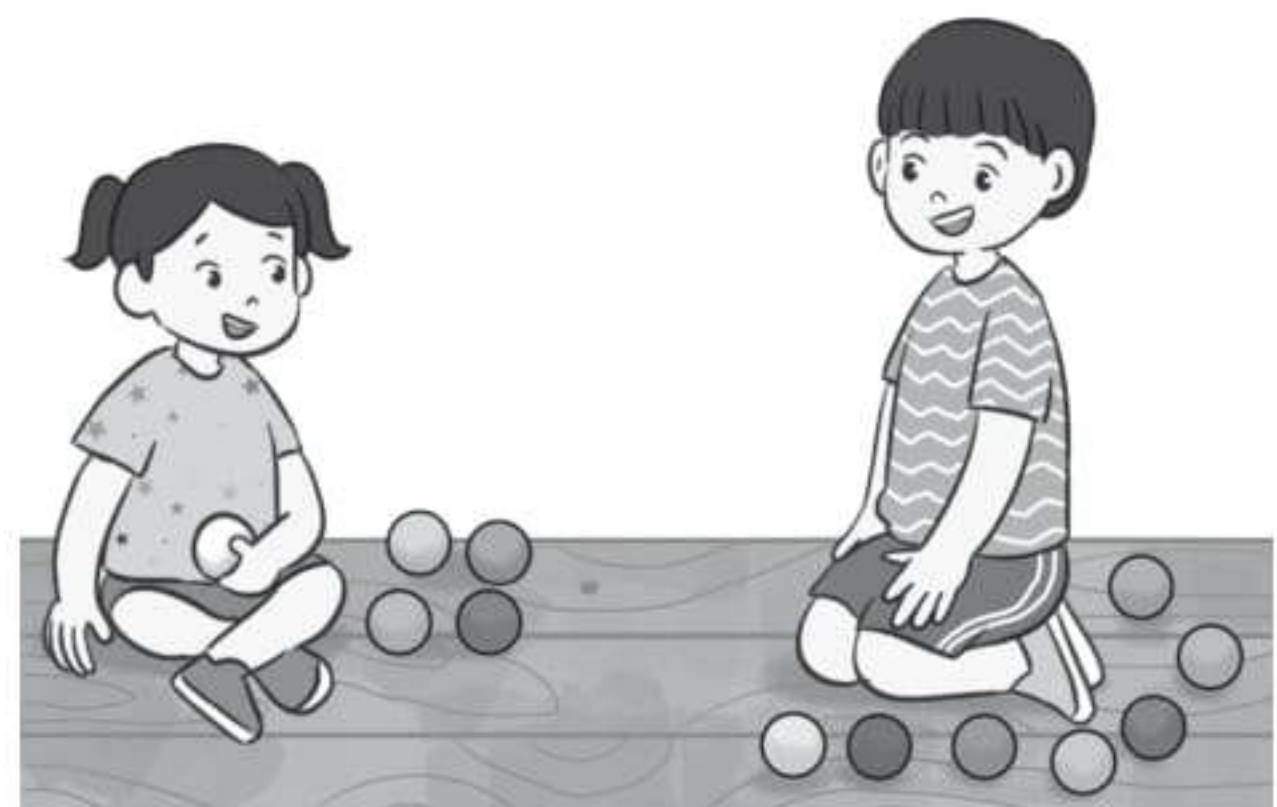
- 2 Cường có 12 quả bóng, Cường cho em 5 quả. Hỏi Cường còn lại bao nhiêu quả bóng?

Bài giải

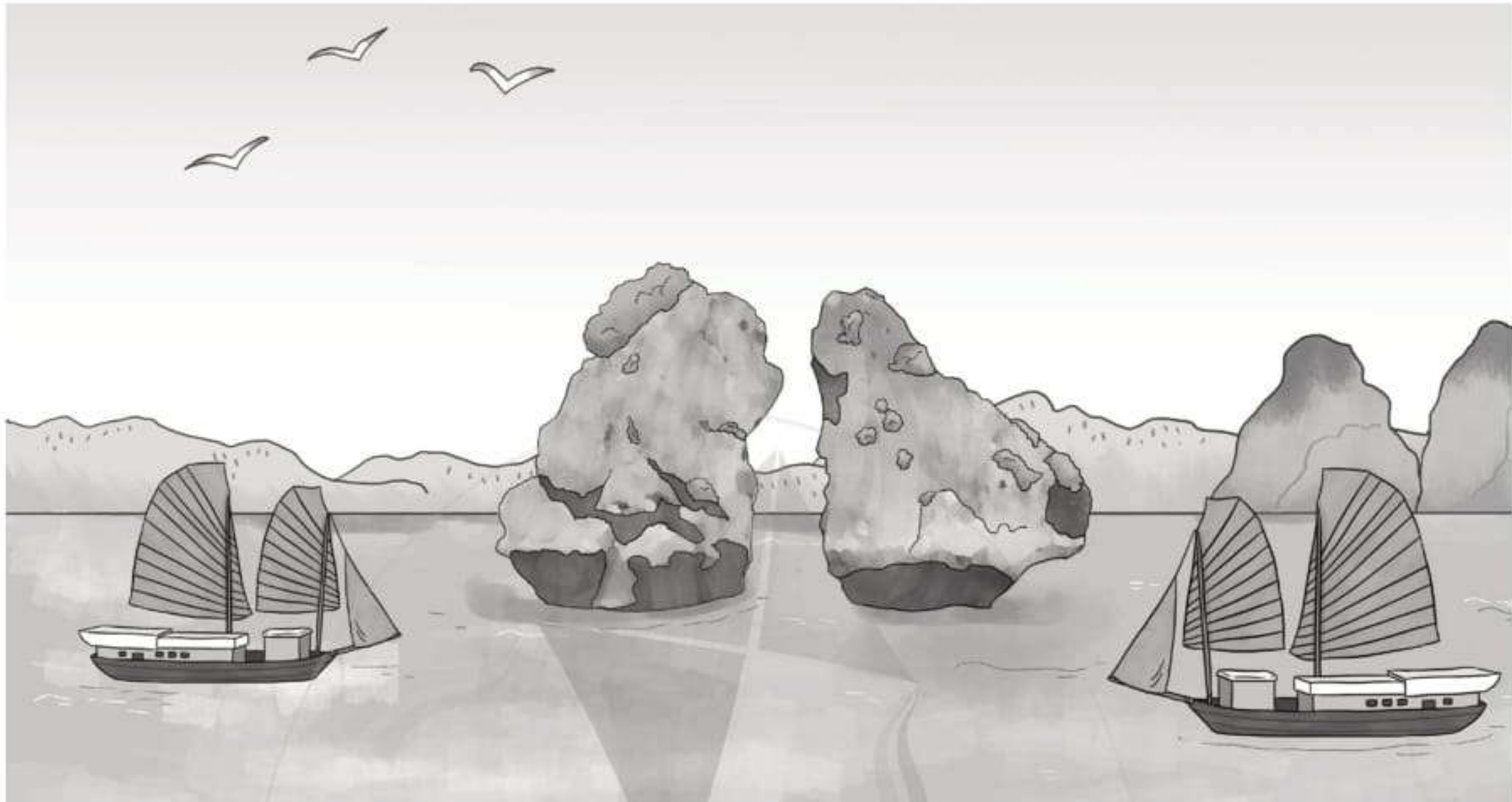
Cường còn lại số quả bóng là:

..... (quả)

Đáp số: quả bóng.



- 3 Tham dự cuộc thi viết về chủ đề “Em yêu biển đảo Việt Nam”, đội Hải Âu có 25 bài dự thi, đội Chim én có 30 bài dự thi. Hỏi hai đội có tất cả bao nhiêu bài dự thi?



Bài giải

Cánh Diều

- 4 Lớp 2B trồng 12 khóm hoa, trong đó có 3 khóm đã nở hoa. Hỏi còn bao nhiêu khóm chưa nở hoa?

Bài giải

Bài 24

BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (tiếp theo)

- 1 Mai gấp được 7 chiếc thuyền giấy, Toàn gấp được nhiều hơn Mai 5 chiếc. Hỏi Toàn gấp được bao nhiêu chiếc thuyền giấy?

Bài giải

Toàn gấp được số chiếc thuyền giấy là:

..... (chiếc)

Đáp số: chiếc thuyền giấy.

- 2 Sợi dây lụa màu xanh dài 35 cm, sợi dây lụa màu đỏ dài hơn sợi dây lụa màu xanh 20 cm. Hỏi sợi dây lụa màu đỏ dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

Sợi dây lụa màu đỏ dài số xăng-ti-mét là:

..... (cm)

Đáp số: cm.

- 3 Ngăn thứ nhất có 9 quyển sách, ngăn thứ hai ít hơn ngăn thứ nhất 4 quyển. Hỏi ngăn thứ hai có mấy quyển sách?

Bài giải

Ngăn thứ hai có số quyển sách là:

..... (quyển)

Đáp số: quyển sách.

- 4 Năm nay anh Nam 16 tuổi, Dũng ít hơn anh Nam 9 tuổi. Hỏi năm nay Dũng bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Năm nay Dũng có số tuổi là:

..... (tuổi)

Đáp số: tuổi.

Bài 25 LUYỆN TẬP

- 1 Phương có 12 con thú nhồi bông, Tú có nhiều hơn Phương 3 con. Hỏi Tú có mấy con thú nhồi bông?



Bài giải

Tú có số con thú nhồi bông là:

..... (con)

Đáp số: con thú nhồi bông.

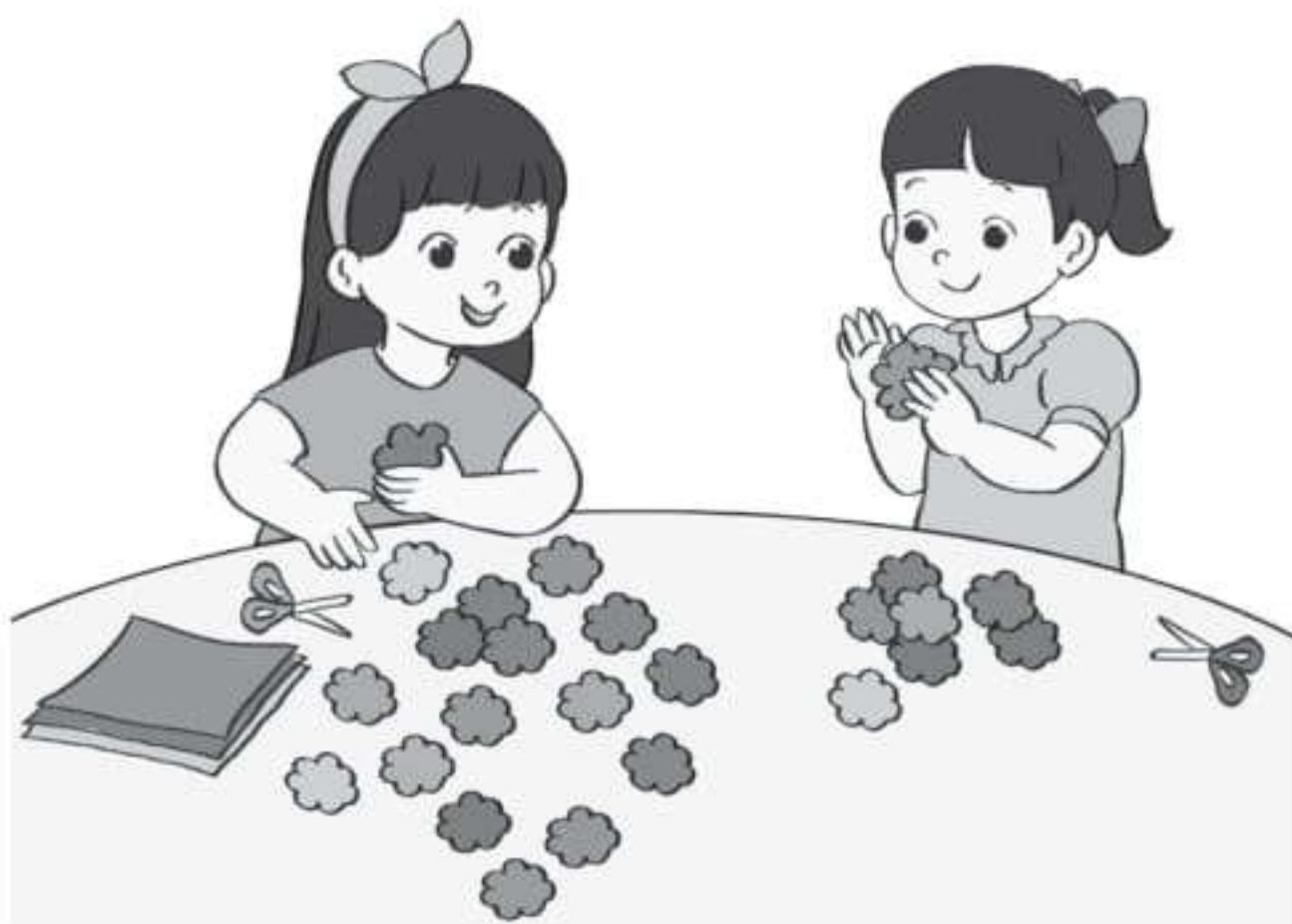
- 2 Huyền cắt được 17 bông hoa, Thủy cắt được ít hơn Huyền 9 bông. Hỏi Thủy cắt được bao nhiêu bông hoa?

Bài giải

Thủy cắt được số bông hoa là:

..... (bông)

Đáp số: bông hoa.

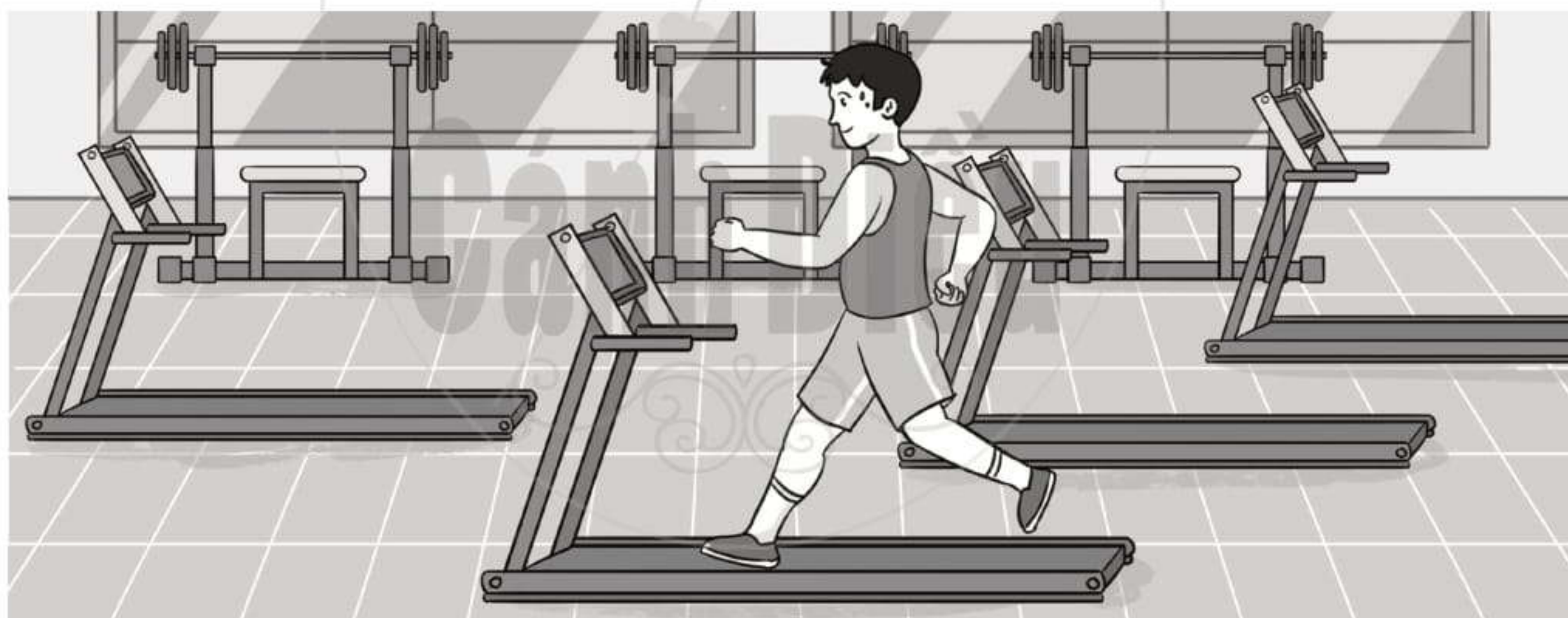


- 3 Minh có 24 bưu ảnh, Tuấn có nhiều hơn Minh 10 bưu ảnh.
Hỏi Tuấn có bao nhiêu bưu ảnh?

Bài giải

A large grid of graph paper with a faint watermark of a mountain peak in the center. The grid is composed of 20 columns and 10 rows of squares. The watermark is a light gray silhouette of a mountain peak with a small triangle at its base, centered horizontally and vertically within the grid.

- 4 Trong phòng tập thể dục có 11 chiếc máy chạy bộ, số ghế nằm đẩy tạ ít hơn số máy chạy bộ là 4 chiếc ghế. Hỏi phòng tập thể dục có bao nhiêu chiếc ghế nằm đẩy tạ?



Bài giải

LUYỆN TẬP CHUNG

- 1** Một rạp xiếc thú có 8 diễn viên thú, người ta vừa huấn luyện thêm được 5 diễn viên thú nữa. Hỏi rạp xiếc đó có tất cả bao nhiêu diễn viên thú?

Bài giải

- 2 Để sơn lại các phòng học, bác thợ sơn đã dùng 9 thùng sơn trắng và 8 thùng sơn vàng. Hỏi bác thợ sơn đã dùng tất cả bao nhiêu thùng sơn?

Bài giải

Cánh Diều

- 3** Buổi sáng siêu thị bán được 30 thùng táo, buổi chiều siêu thị bán được nhiều hơn buổi sáng 10 thùng. Hỏi buổi chiều siêu thị bán được bao nhiêu thùng táo?

Bài giải

A large grid of graph paper with 10 columns and 10 rows. The grid is divided into four quadrants by a central vertical line and a central horizontal line. Each quadrant is 5 columns wide and 5 rows high. The grid is composed of small squares, with the central lines being slightly thicker than the other grid lines.

- 4 Mẹ mua cho Phú 12 chiếc bút chì, Phú đã dùng hết 6 chiếc. Hỏi Phú còn lại bao nhiêu chiếc bút chì?

Bài giải

- 5) Lớp 2C có 28 bạn, sau khi được bác sĩ kiểm tra mắt thì có 5 bạn bị cận thị. Hỏi lớp 2C có bao nhiêu bạn không bị cận thị?

Bài giải

Cánh Diều

- 6 Trong cùng một toà nhà, gia đình Khánh ở tầng 15, gia đình Vân ở vị trí thấp hơn gia đình Khánh 4 tầng. Hỏi gia đình Vân ở tầng bao nhiêu?

Bài giải

A blank sheet of graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 10 rows, creating a total of 200 square units. The lines are thin and gray, set against a white background. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 27

EM ÔN LẠI NHỮNG GÌ ĐÃ HỌC

1 Tính nhẩm:

$$9 + 4 = \dots\dots$$

$$4 + 9 = \dots\dots$$

$$13 - 9 = \dots\dots$$

$$13 - 4 = \dots\dots$$

$$8 + 6 = \dots\dots$$

$$6 + 8 = \dots\dots$$

$$14 - 8 = \dots\dots$$

$$14 - 6 = \dots\dots$$

$$7 + 9 = \dots\dots$$

$$9 + 7 = \dots\dots$$

$$16 - 7 = \dots\dots$$

$$16 - 9 = \dots\dots$$

2 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



7

12

16

8

13

9



3 Số ? a)

Số hạng	44	53	3	6
Số hạng	25	5	8	9
Tổng				

b)

Số bị trừ	68	77	15	12
Số trừ	52	6	7	8
Hiệu				

4 Tính: $9 - 3 + 6 = \dots\dots$

$$35 + 10 - 30 = \dots\dots$$

$$8 + 6 - 7 = \dots\dots$$

$$87 - 7 + 14 = \dots\dots$$

5 Có 98 bao xi măng cần được chở đến công trường, xe tải đã chở được 34 bao. Hỏi còn bao nhiêu bao xi măng chưa được chở?

Bài giải

6 a) Năm nay bà 67 tuổi, mẹ ít hơn bà 30 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi?

Bài giải

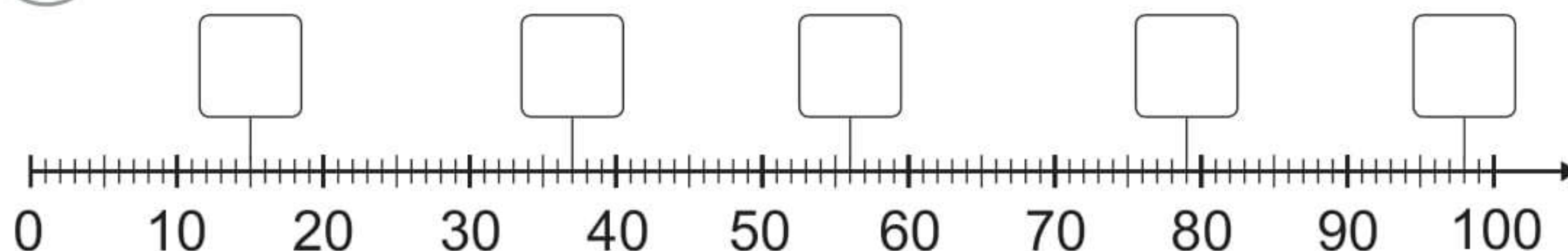
Cánh Diều

b) Năm nay anh Hải 10 tuổi, bố nhiều hơn anh Hải 32 tuổi. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi?

Bài giải

Bài 28 BÀI KIỂM TRA SỐ 1

1 Quan sát tia số, viết số thích hợp vào ô trống:



2 Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
.....	9	
.....	43	
.....	70	
.....	91	

3 Tính:

$$7 + 5 = \dots\dots$$

$$3 + 9 = \dots\dots$$

$$13 - 6 = \dots\dots$$

$$12 - 8 = \dots\dots$$

$$7 + 9 = \dots\dots$$

$$15 - 7 = \dots\dots$$

4 Tính:

$$7 + 5 + 5 = \dots\dots$$

$$17 - 3 - 7 = \dots\dots$$

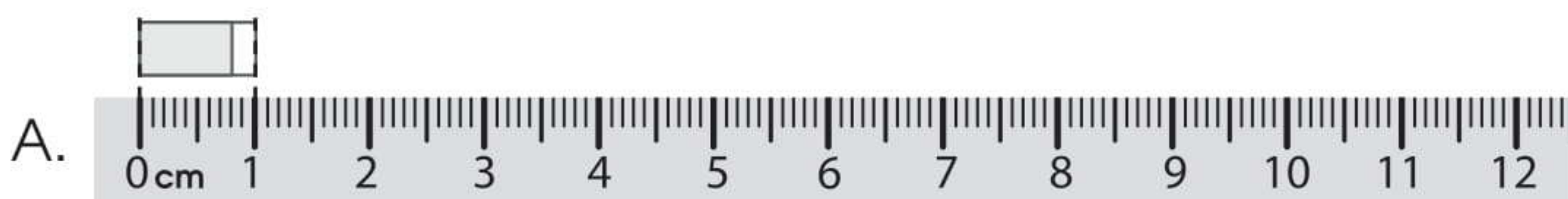
$$13 - 5 + 8 = \dots\dots$$

$$8 + 4 + 7 = \dots\dots$$

$$14 - 5 - 2 = \dots\dots$$

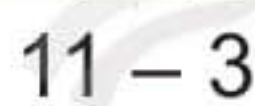
$$9 + 9 - 6 = \dots\dots$$

5 Khoanh vào chữ đặt trước đồ vật dài 1 dm:





- 6



- 7

Bài giải

A large grid of graph paper. It consists of 20 columns and 10 rows of small squares. A single horizontal line runs across the middle, separating the top 5 rows from the bottom 5 rows. A single vertical line runs down the middle, separating the left 10 columns from the right 10 columns. This division creates four equal 5x5 quadrants. The grid is intended for graphing or drawing.

Bài 29

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$$

• • • • •

$$\begin{array}{r} 15 \\ + 38 \\ \hline \end{array}$$

• • • • •

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 47 \\ \hline \end{array}$$

• • • • •

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$$

• • • • •

2

Đặt tính rồi tính:

$19 + 43$

.....

[illegible]

$58 + 26$

.....

Abstract

$47 + 14$

.....

.....

$66 + 25$

[illegible]

.....

3

Tìm lỗi sai trong mỗi phép tính sau rồi sửa lại cho đúng:

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 47 \\ \hline 66 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 54 \\ \hline 81 \end{array}$$

$\begin{array}{r} 42 \\ + 36 \\ \hline 88 \end{array}$	
--	-------------------------

4

Một trang trại có 28 con dê đen và 14 con dê trắng. Hỏi trang trại đó có tất cả bao nhiêu con dê?

Bài giải

[illegible]

Bài 30

PHÉP CỘNG (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100 (tiếp theo)

1) Tính:

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 58 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

2) Đặt tính rồi tính:

$37 + 4$	$29 + 9$	$46 + 5$	$66 + 7$	$89 + 6$	$53 + 8$
.....					
.....					
.....					

3) SỐ ?

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 7 \\ \hline \square 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7\boxed{} \\ + \quad 2 \\ \hline 78 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square 6 \\ + 5 \\ \hline 21 \end{array}$$

4) Nhi bật xa được 87 cm, Khôi bật xa hơn Nhi 5 cm. Hỏi Khôi bật xa được bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài giải

[illegible]

Bài 33

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ) TRONG PHẠM VI 100

1) Tính:

$$\begin{array}{r} 31 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 44 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$$

2) Đặt tính rồi tính:

71 - 48

52-36

43 - 17

64 – 29

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3 SỐ ?

$$\begin{array}{r} 3 \square \\ - 18 \\ \hline 13 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 95 \\ - \square 8 \\ \hline 57 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ - 1\boxed{} \\ \hline 29 \end{array}$$

4 Kiên và Mai giúp bà nhặt trứng gà, Kiên nhặt được 35 quả, Mai nhặt được ít hơn Kiên 16 quả. Hỏi Mai nhặt được bao nhiêu quả trứng gà?

Bài giải

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by thin gray lines. There are four horizontal lines and four vertical lines visible, creating a 3x3 grid of larger squares. The background is white.

Bài 34

PHÉP TRỪ (CÓ NHỚ)

TRONG PHẠM VI 100 (tiếp theo)

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 43 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 94 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■ ■

• • • • •

• • • • •

■ ■ ■ ■ ■

2

Đặt tính rồi tính:

41-5

23 - 4

34 - 9

96 – 8

• • • • •

.....

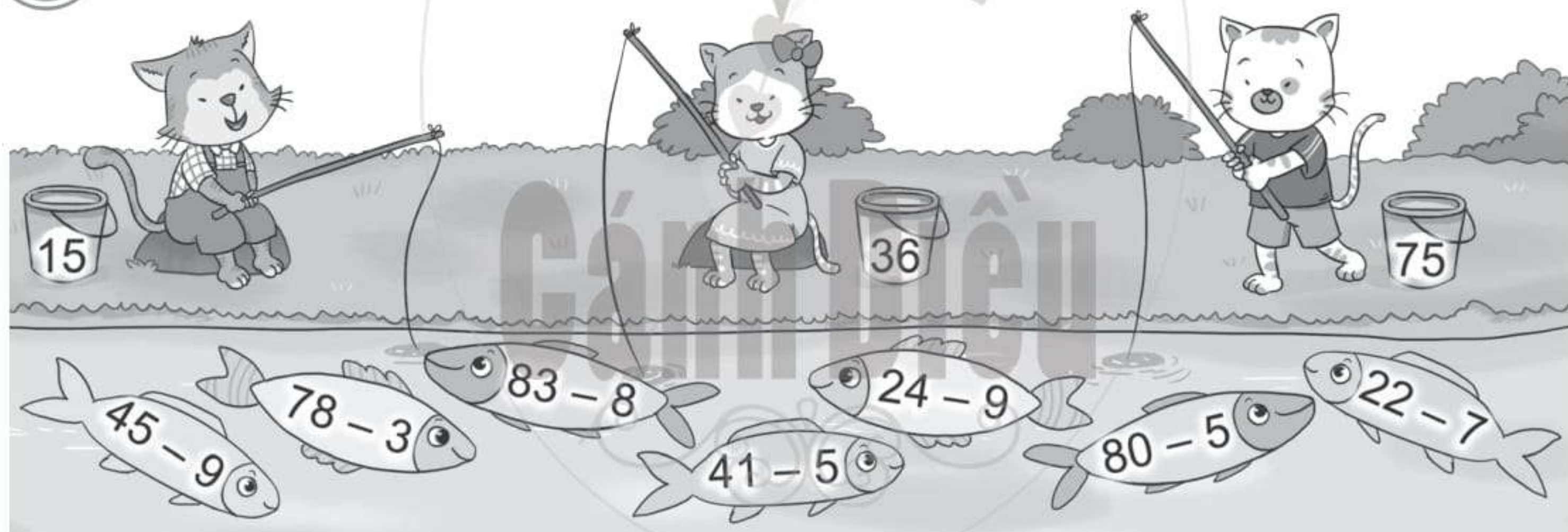
.....

.....

.....

3

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



4

Buổi sáng cửa hàng bán được 31 quả bóng, buổi chiều cửa hàng bán được ít hơn buổi sáng 6 quả. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu quả bóng?

Bài giải

[illegible]

Bài 35 LUYỆN TẬP

1

Tính: a)

$$\begin{array}{r} 33 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 76 \\ - 68 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 70 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 21 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

2

Đặt tính rồi tính:

a) $74 - 47$

.....
.....
.....
.....
.....

$93 - 88$

.....
.....
.....
.....
.....

$80 - 19$

.....
.....
.....
.....
.....

b) $34 - 6$

.....
.....
.....

$44 - 9$

.....
.....
.....

$50 - 7$

.....
.....
.....

3

Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

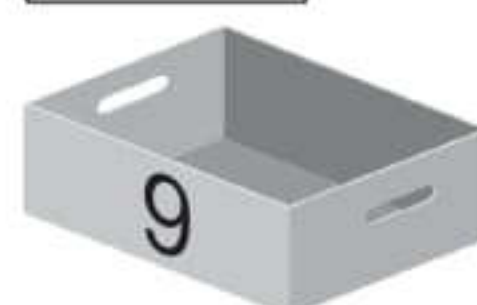
$$\begin{array}{r} 91 \\ - 84 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ - 31 \\ \hline \end{array}$$

$70 - 2$

$40 - 5$

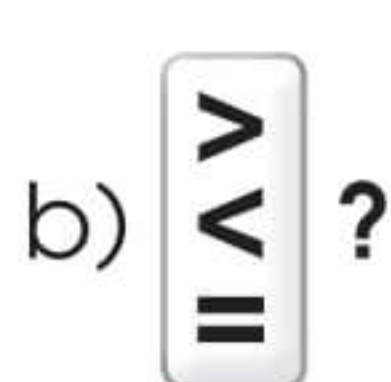


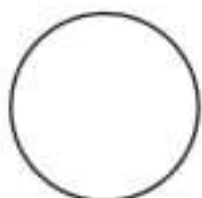
$90 - 81$

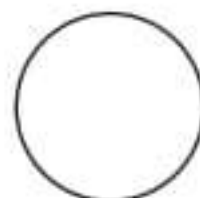
$30 - 23$

4 a) Tính: $60 - 8 - 20 = \dots\dots$

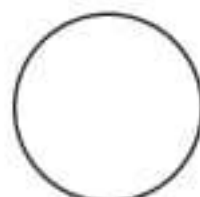
$70 - 12 + 10 = \dots\dots$



$40 - 4$  36

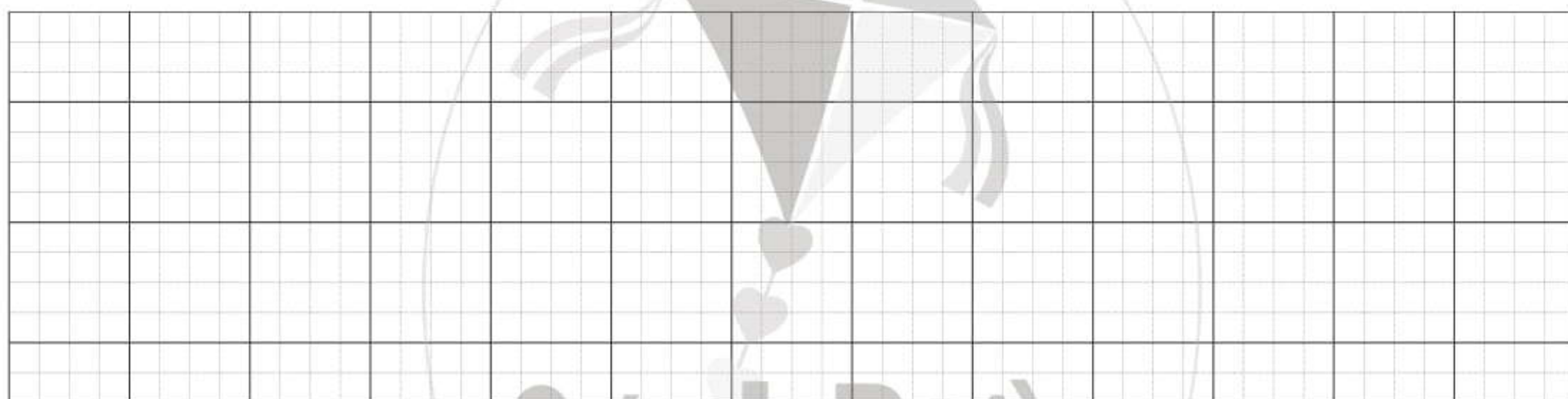
$68 - 40$  28

$80 - 37$  49

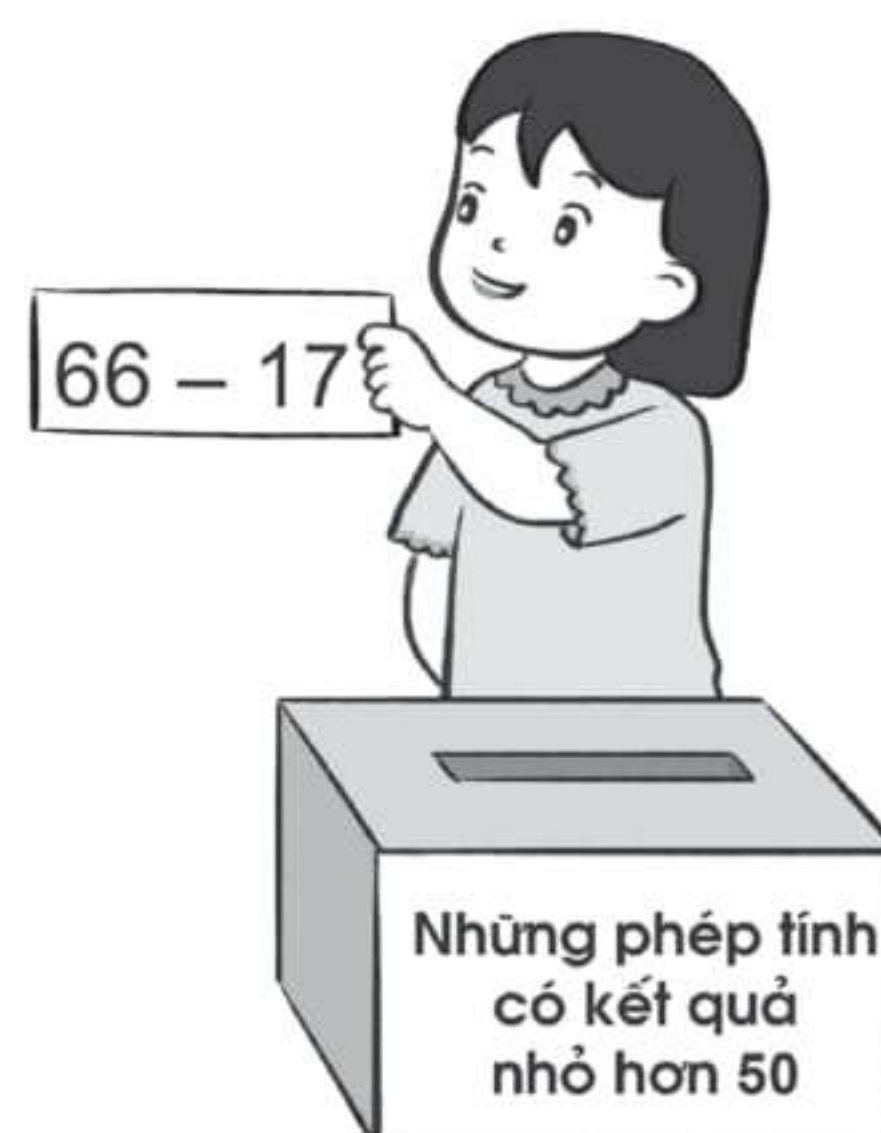
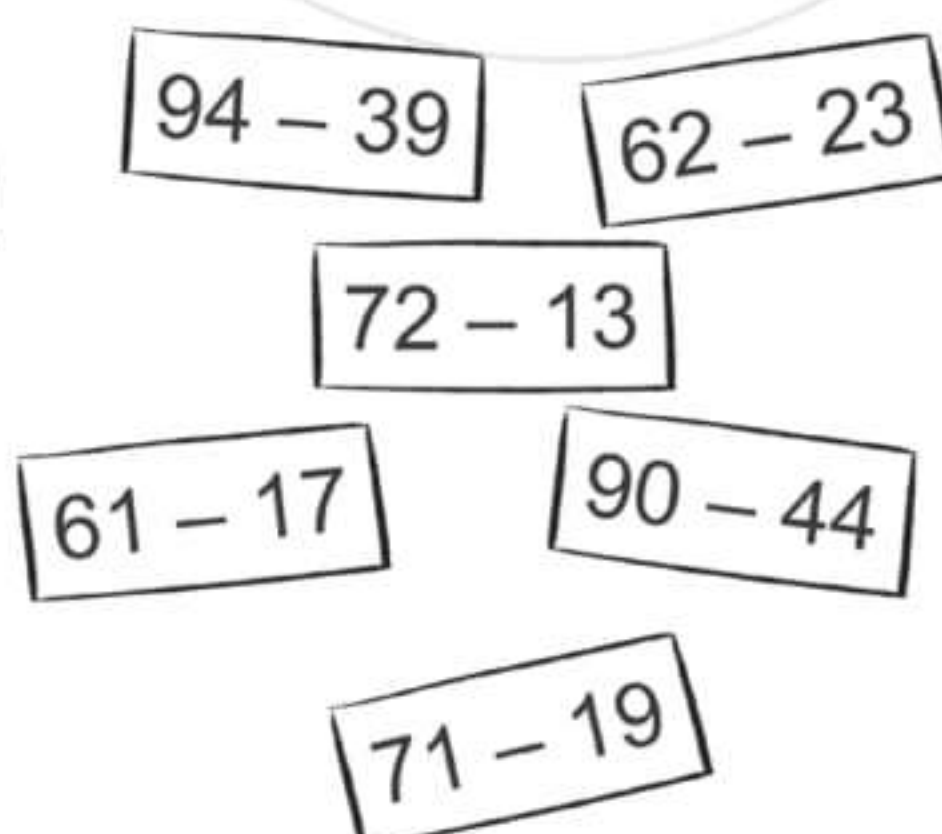
$94 - 5$  88

- 5 Một bến thuyền du lịch có 64 chiếc thuyền, trong đó có 39 chiếc thuyền đã rời bến. Hỏi ở bến còn lại bao nhiêu chiếc thuyền?

Bài giải



- 6 Nối mỗi thẻ ghi phép tính với hộp thích hợp:



Bài 36 LUYỆN TẬP (tiếp theo)

1 Đặt tính rồi tính:

$$63 - 38$$

.....

.....

.....

$$70 - 26$$

.....

.....

.....

$$54 - 9$$

.....

.....

.....

$$30 - 5$$

.....

.....

.....

2 Tính (theo mẫu):

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 27 \\ \hline 73 \end{array}$$

• 0 không trừ được 7, lấy 10 trừ 7 bằng 3, viết 3, nhớ 1

• 2 thêm 1 bằng 3, lấy 10 trừ 3 bằng 7, viết 7

Vậy $100 - 27 = 73$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 56 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$$

.....

3 a) Đặt tính rồi tính:

$$100 - 19$$

.....

.....

.....

$$100 - 66$$

.....

.....

.....

$$100 - 75$$

.....

.....

.....

$$100 - 94$$

.....

.....

.....

b) Tính nhẩm:

$$100 - 60 = \dots \quad 100 - 80 = \dots \quad 100 - 90 = \dots \quad 100 - 10 = \dots$$

$$100 - 30 = \dots \quad 100 - 50 = \dots \quad 100 - 70 = \dots \quad 100 - 40 = \dots$$

4

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 5 \\ \hline 95 \end{array}$$

- 0 không trừ được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5, viết 5, nhớ 1
- Lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9

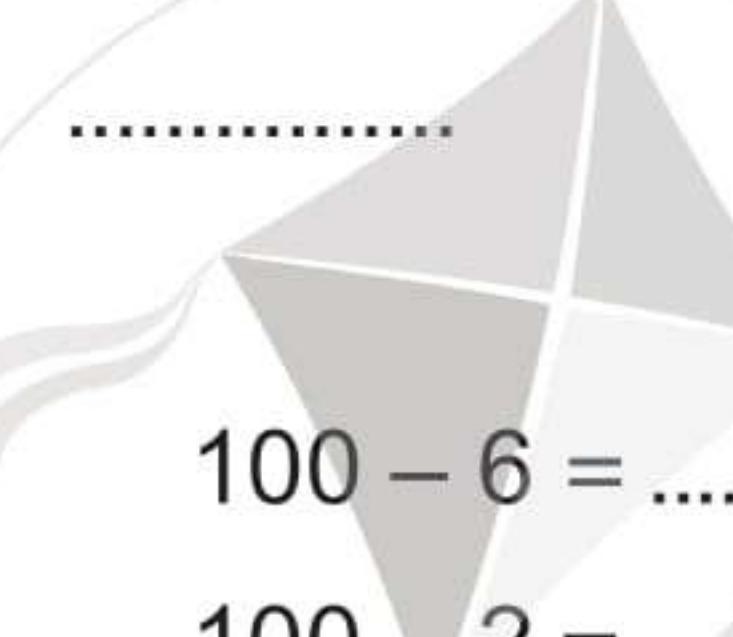
Vậy $100 - 5 = 95$

$100 - 7$

$100 - 8$

$100 - 4$

$100 - 9$



100 - 6 =

100 - 2 =

$$100 - 1 = \dots\dots$$

$100 - 6 = \dots\dots$

$$100 - 0 = \dots\dots$$

$100 - 3 = \dots\dots$

$$100 - 2 = \dots\dots$$

$$100 - 100 = \dots\dots$$

5

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 6 \\ \hline 40 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 38 \\ \hline 72 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ - 36 \\ \hline 52 \end{array}$$



Bài giải

A blank sheet of graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid is composed of thin gray lines forming a continuous pattern across the entire page. There are no margins, text, or other markings present.

1 Đặt tính rồi tính:

$$58 + 17$$

.....

.....

.....

$$31 + 69$$

.....

.....

.....

$$85 - 68$$

.....

.....

.....

$$100 - 24$$

.....

.....

.....

$$49 + 9$$

.....

.....

.....

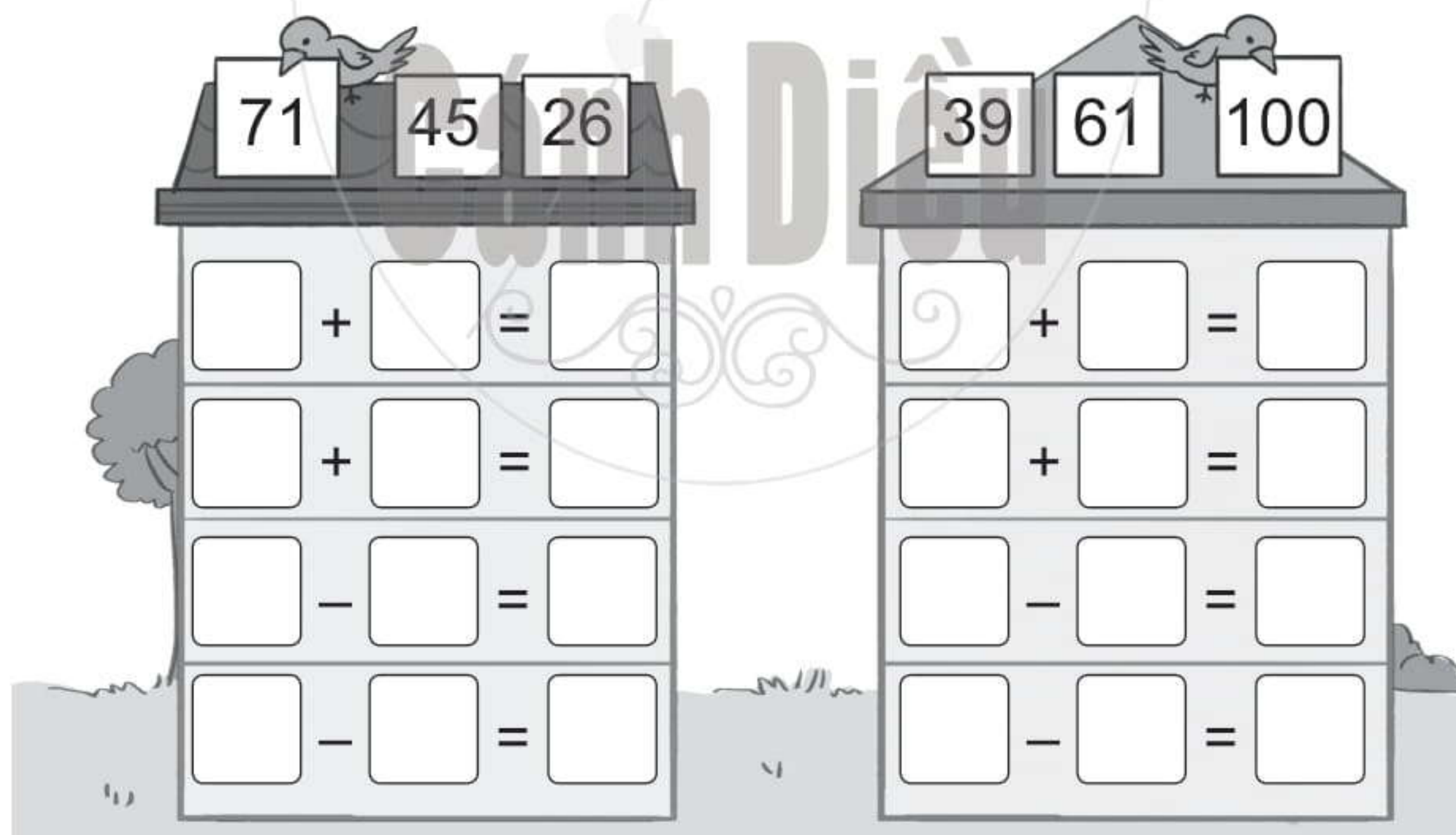
$$72 - 6$$

.....

.....

.....

2 Viết số thích hợp vào ô trống:



3 a) Tính:

$$20 + 30 + 50 = \dots\dots$$

$$100 - 8 - 10 = \dots\dots$$

$$11 + 22 + 66 = \dots\dots$$

$$100 - 30 - 40 = \dots\dots$$

$$44 + 6 + 50 = \dots\dots$$

$$73 - 14 + 20 = \dots\dots$$

b) Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:



$$25 + 6 + 20$$



$$100 - 40 - 6$$



$$68 + 5 - 20$$



$$27 + 27 - 2$$

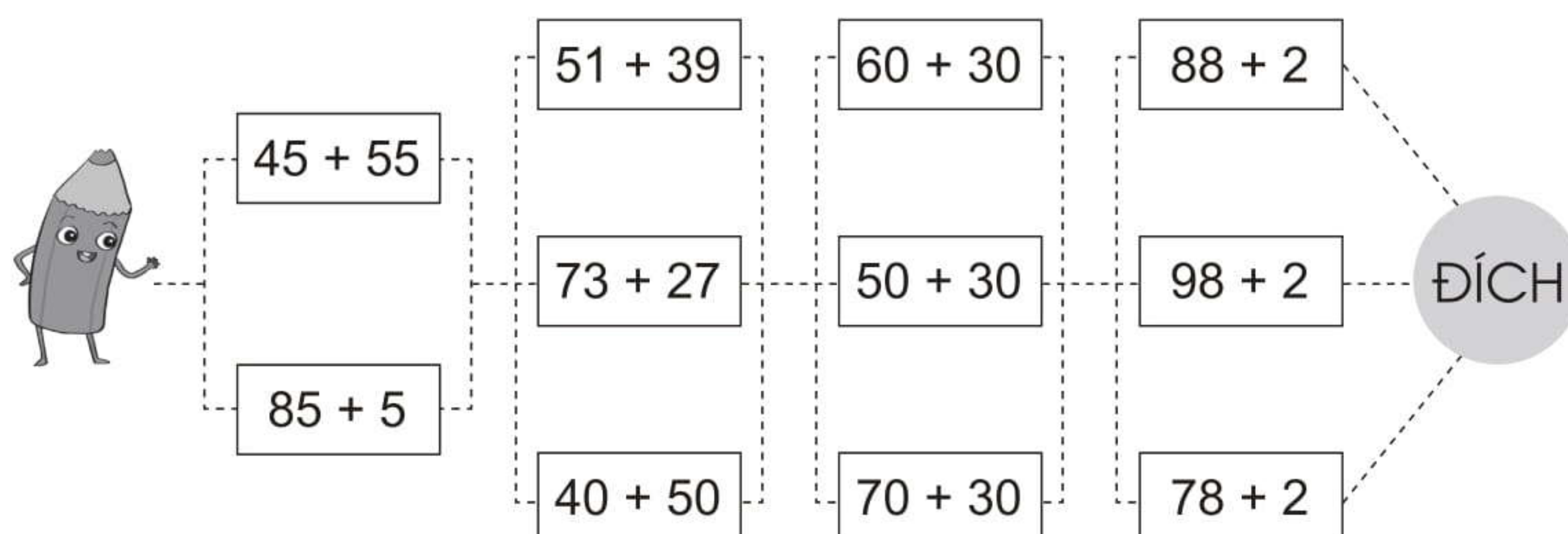


- 4 Sơn có 26 quả bóng, Hương có nhiều hơn Sơn 14 quả. Hỏi Hương có bao nhiêu quả bóng?

Bài giải

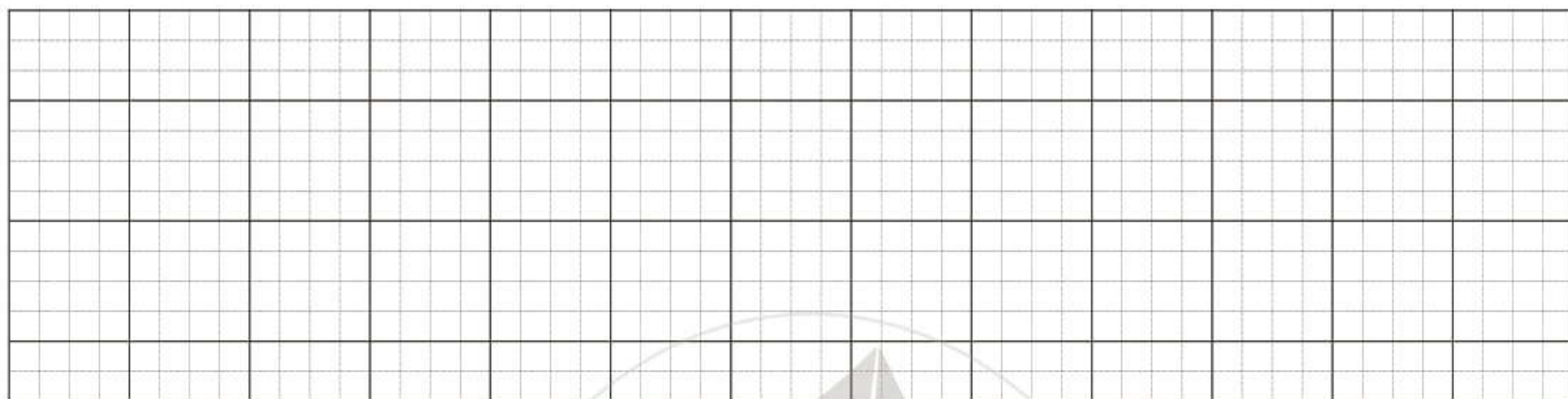


- 5 Để về đích, bạn bút chì phải vượt qua thử thách là tìm ra đường đi qua các ô chứa phép tính có kết quả bằng 100. Em hãy vẽ đường giúp bạn bút chì tìm đúng đường cần đi:



- 3 Bình xăng của một ô tô có 52 l xăng, ô tô đã đi một quãng đường hết 30 l xăng. Hỏi bình xăng của ô tô còn lại bao nhiêu lít xăng?

Bài giải



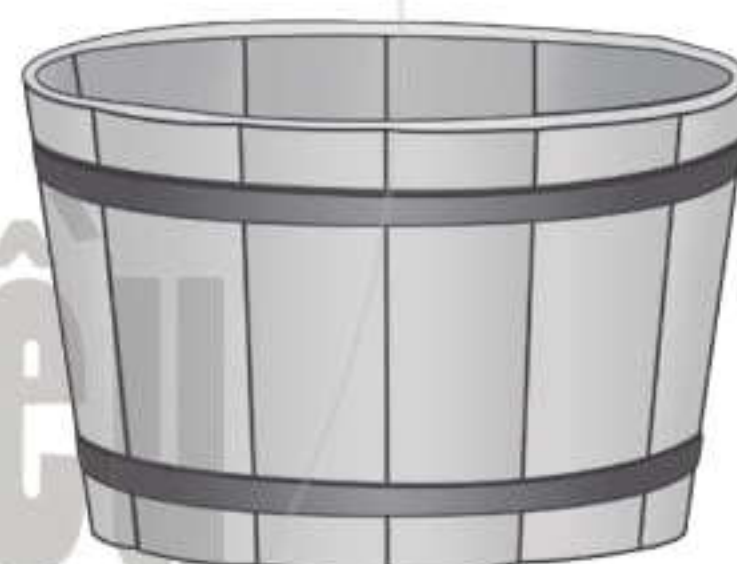
- 4 Nối thẻ ghi số lít thích hợp với mỗi đồ vật:

3 l

1 l

10 l

50 l



- 5 Thực hành: Đổ 1 l nước từ bình 1 l sang các cốc như nhau.



Bài 40

LUYỆN TẬP CHUNG

1 Số ?

a)

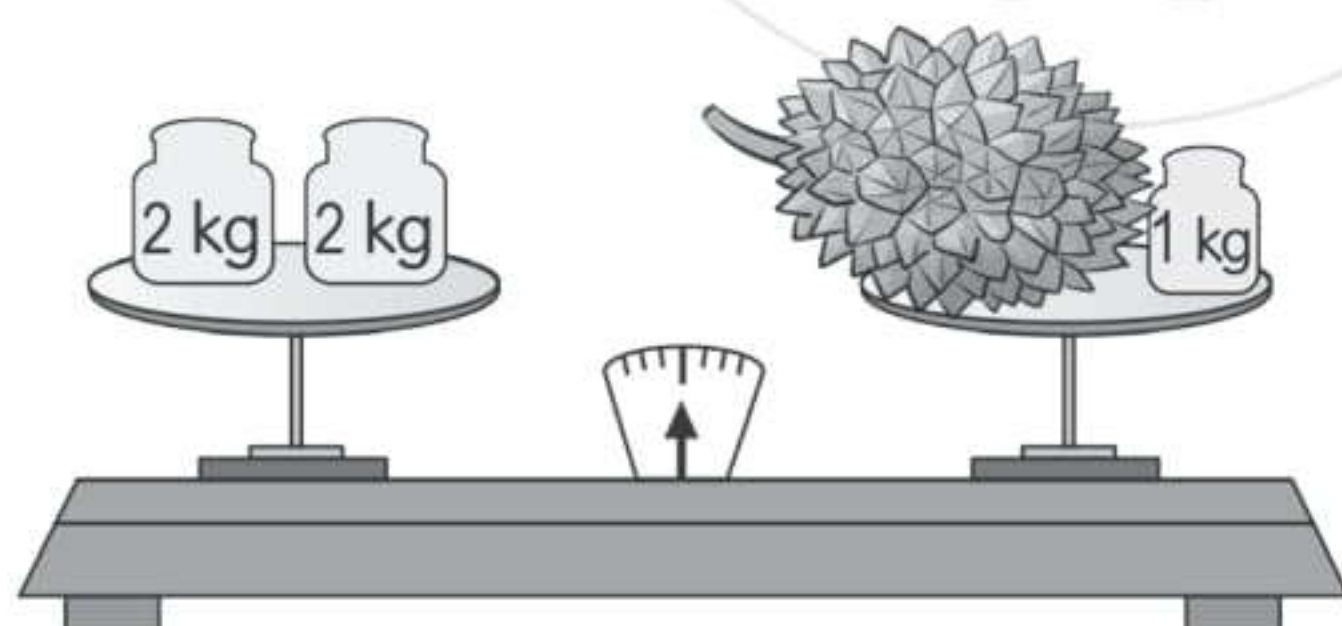


Túi gạo cân nặng kg. Bạn Lan cân nặng kg.

b)



2 a) Quả sầu riêng cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



Trả lời: Quả sầu riêng cân nặng kg.

b) Chiếc can đang đựng 5 l nước. Hỏi phải đổ thêm bao nhiêu lít nước nữa thì đầy can?

Trả lời: Phải đổ thêm l nước nữa thì đầy can.



- 3 Em hãy quan sát cân và cho biết em bé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam. Biết mẹ cân nặng 63 kg.

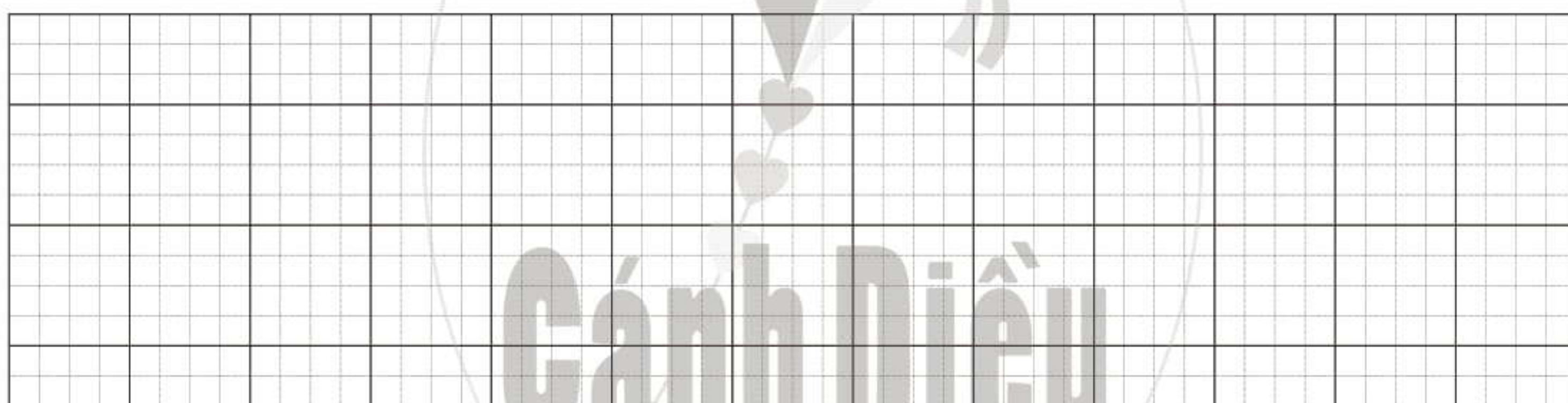
Trả lời:

Em bé cân nặng kg.



- 4 Buổi sáng cửa hàng bán được 35 l sữa, buổi chiều cửa hàng bán được nhiều hơn buổi sáng 15 l sữa. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít sữa?

Bài giải



- 5 Kể tên một số đồ vật trong thực tế có thể chứa đầy được 1 l, 2 l, 3 l, 10 l, 20 l.



.....

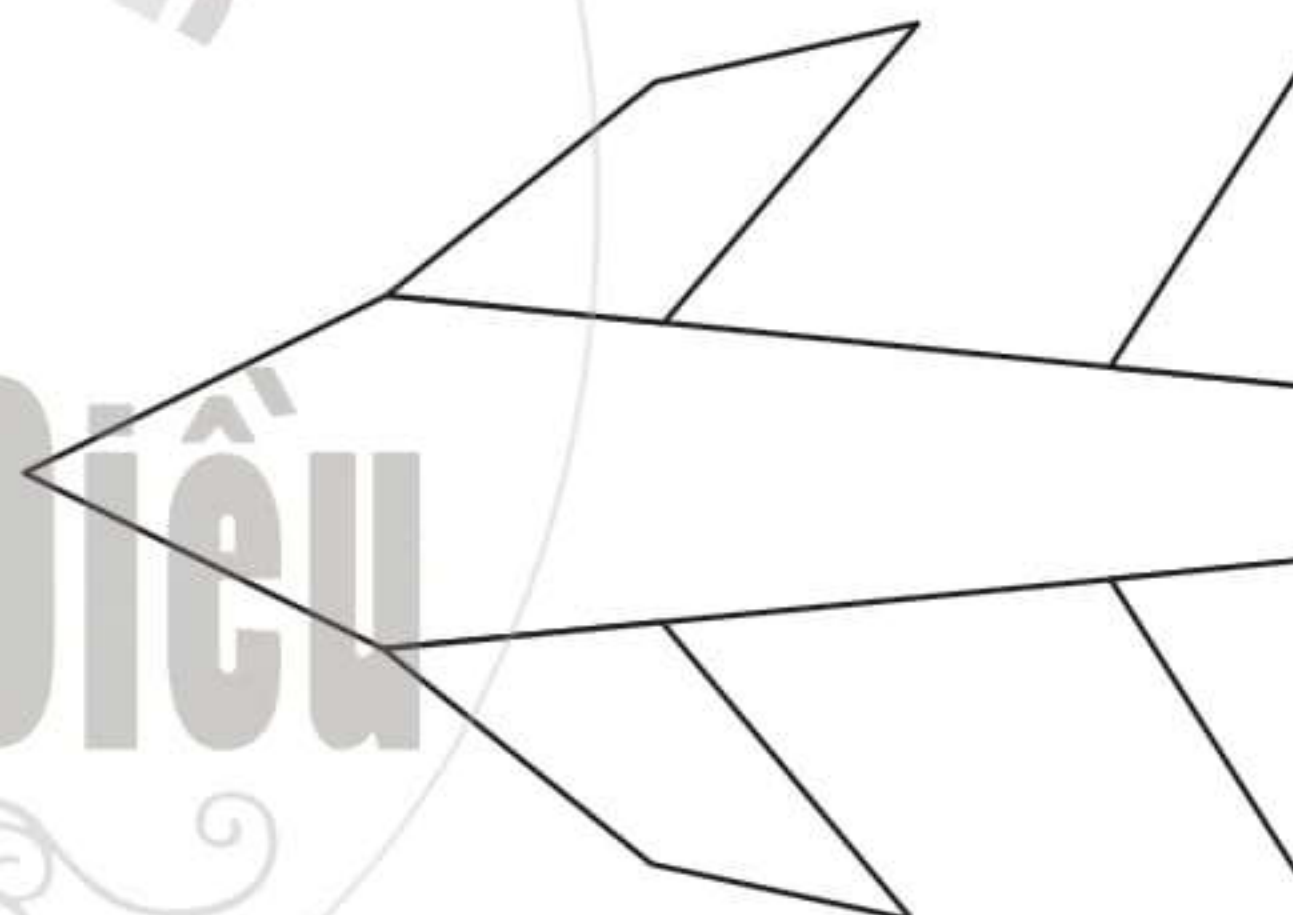
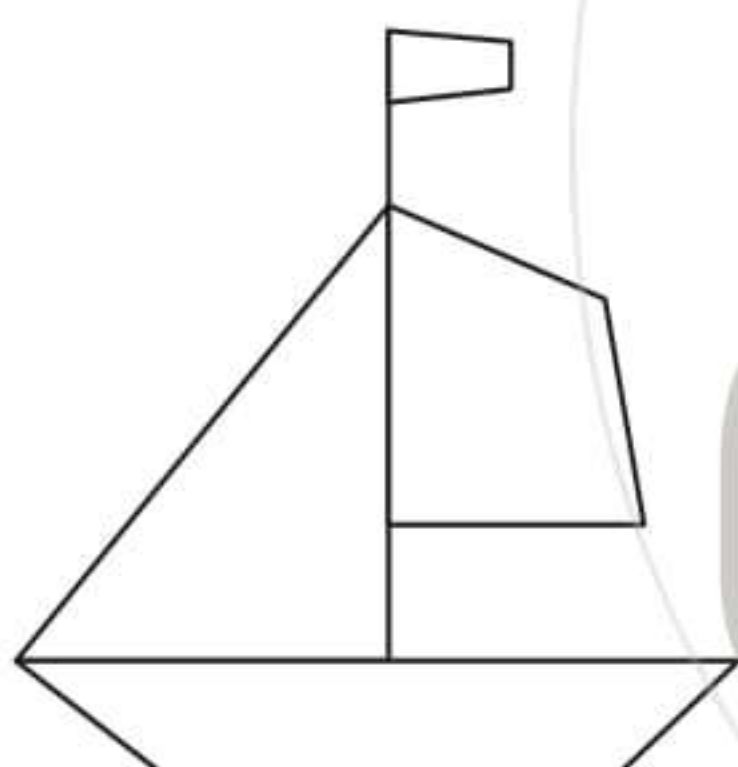
.....

Bài 41 HÌNH TỨ GIÁC

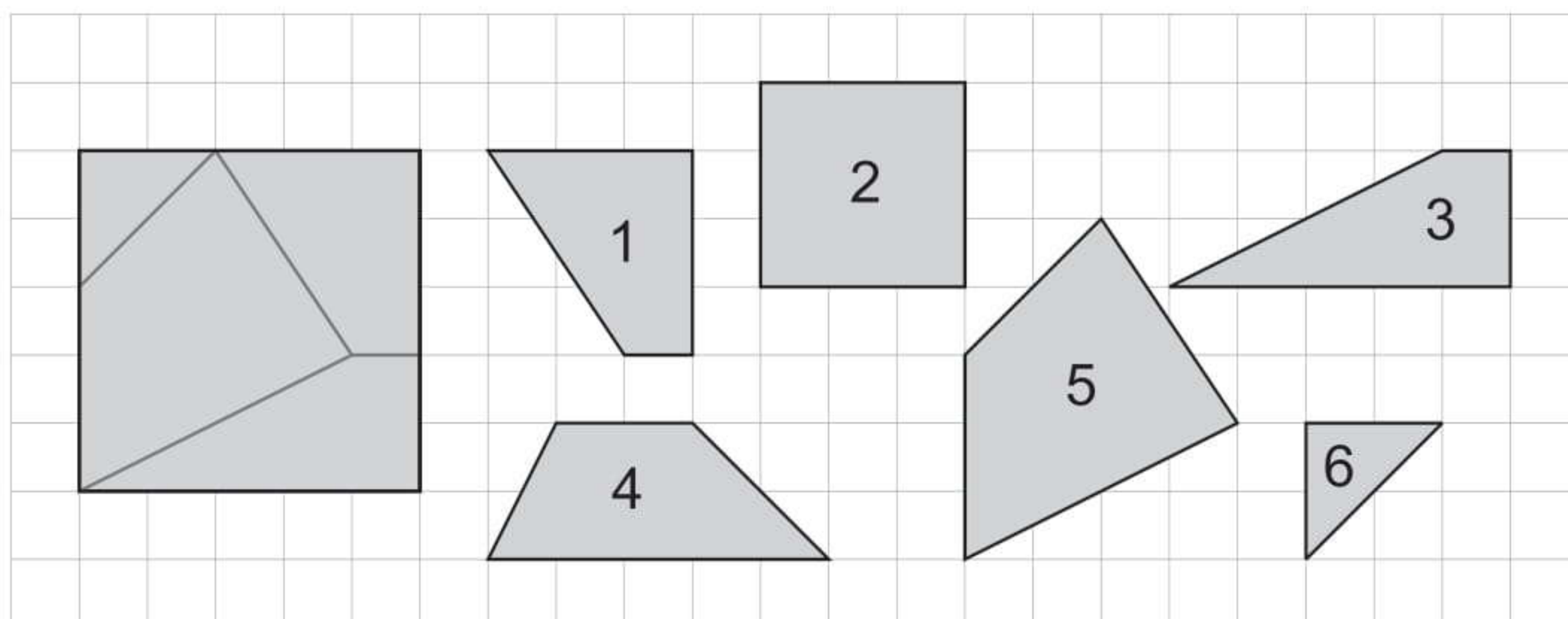
- 1 Đánh dấu ✓ vào ô trống đặt cạnh hình tứ giác trong mỗi hình sau:



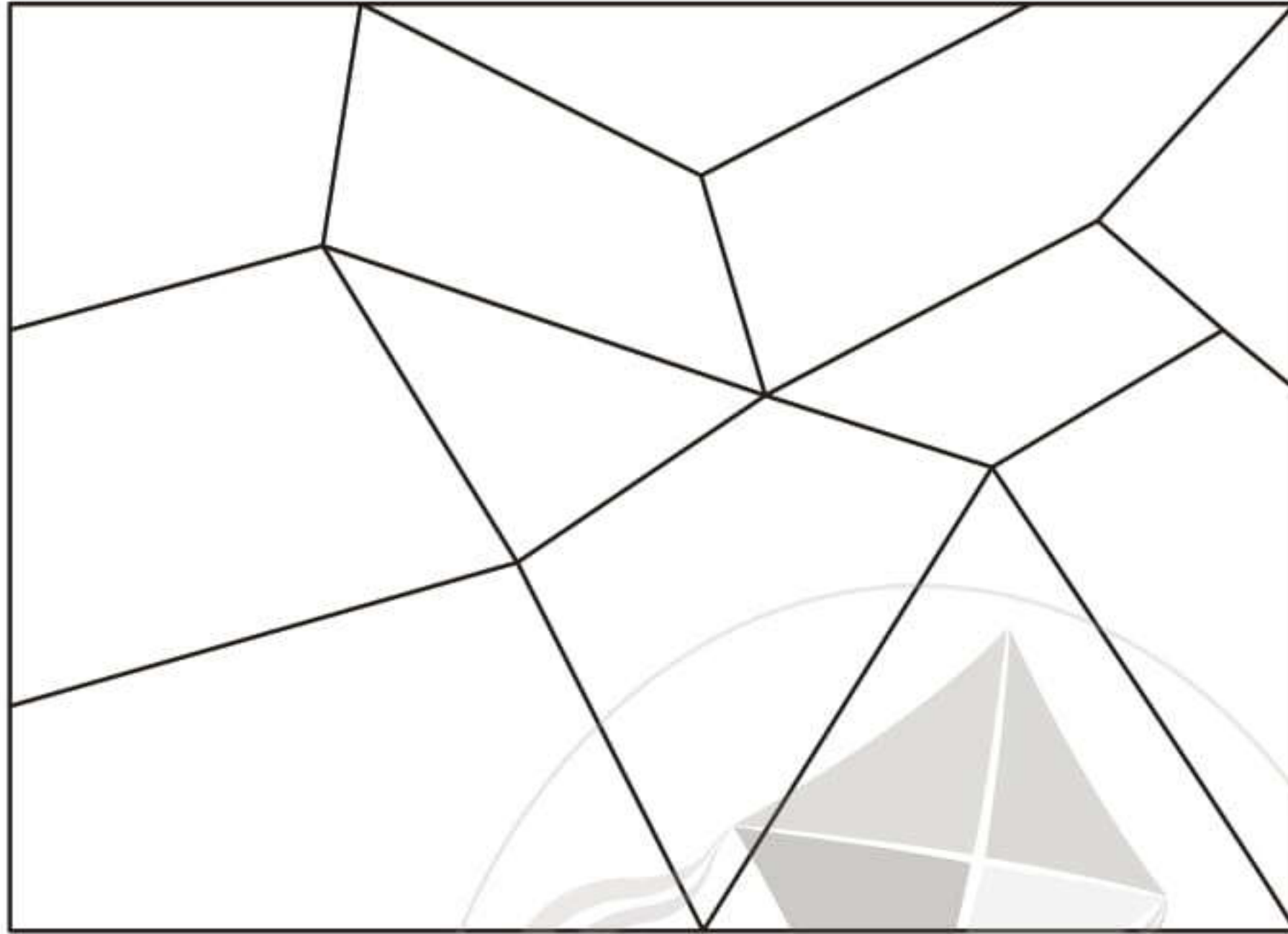
- 2 Tô màu vào những hình tứ giác em nhìn thấy trong mỗi hình sau:



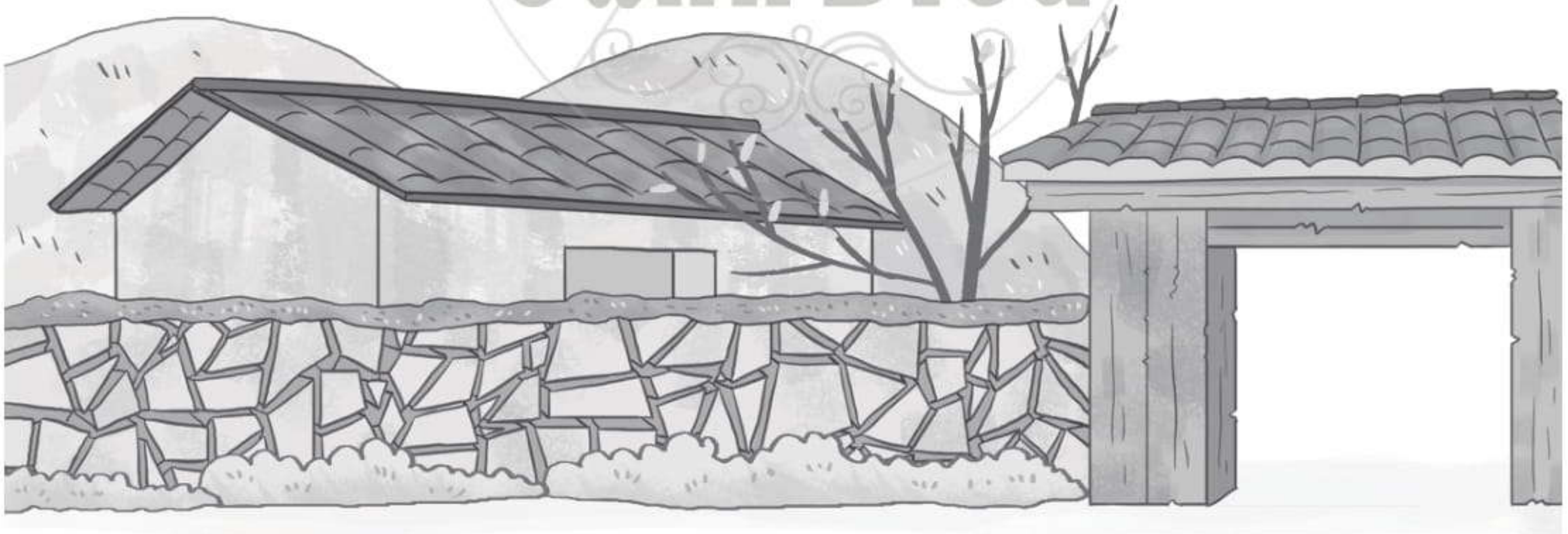
- 3 Hình vuông sau được ghép từ các mảnh bìa nào? Hãy nối các mảnh bìa đó vào vị trí thích hợp trên hình vuông:



- 4 Em hãy giúp bạn Voi tô màu xanh vào những mảnh ghép hình tứ giác trong hình dưới đây:



- 5 a) Người Mông thường sử dụng đá để làm tường rào xung quanh ngôi nhà của mình. Em hãy đánh dấu ✓ vào những hình tứ giác mà em nhìn thấy trên bức tường đá trong bức tranh sau:



- b) Tìm một số đồ vật trong thực tế có dạng hình tứ giác.

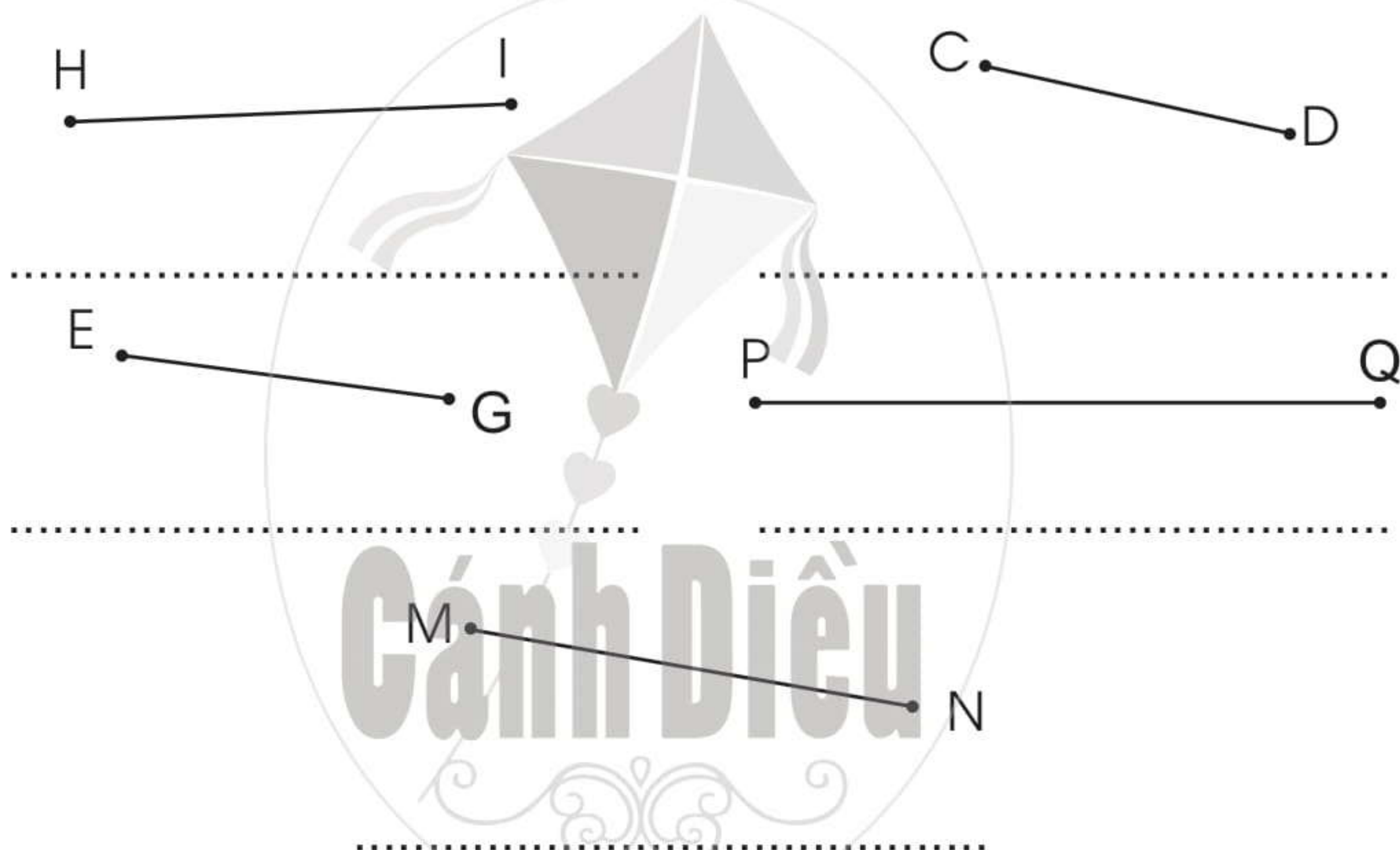
.....
.....

Bài 42

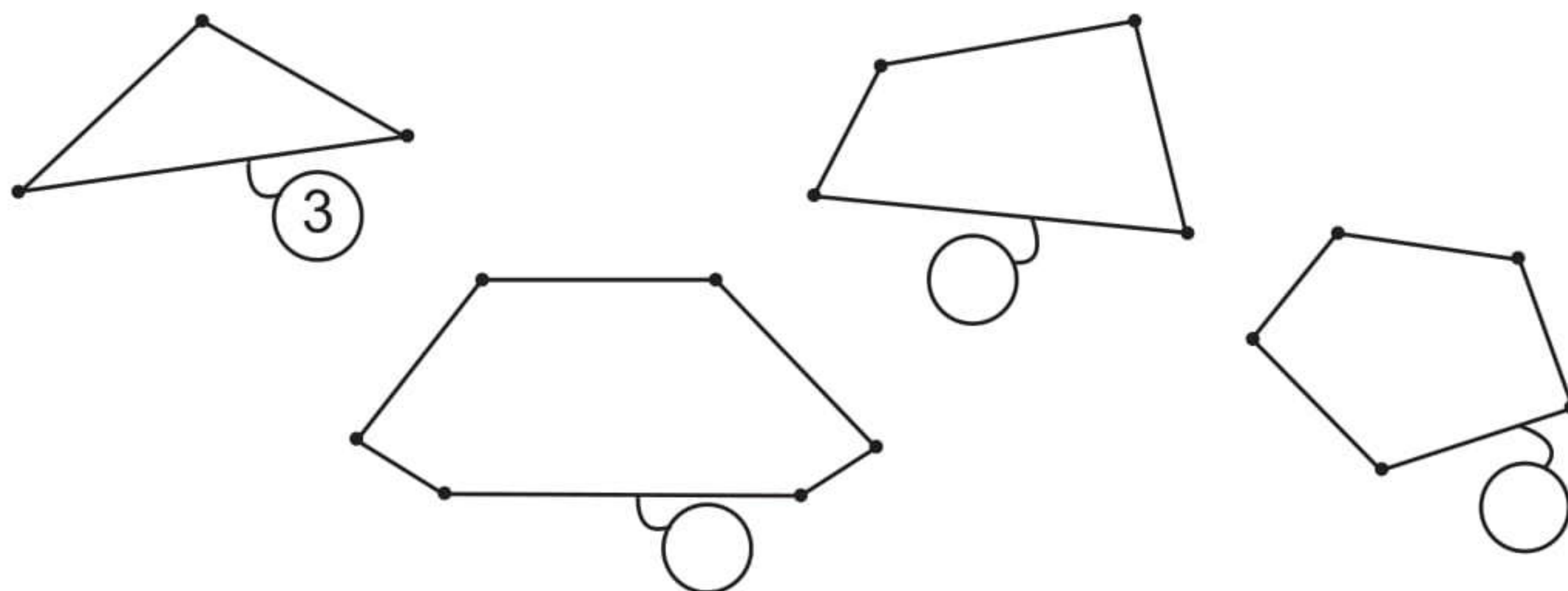
ĐIỂM – ĐOẠN THẲNG

- 1 Viết tên các điểm và các đoạn thẳng trong hình sau (theo mẫu):

Mẫu: A B Điểm A và B; đoạn thẳng AB



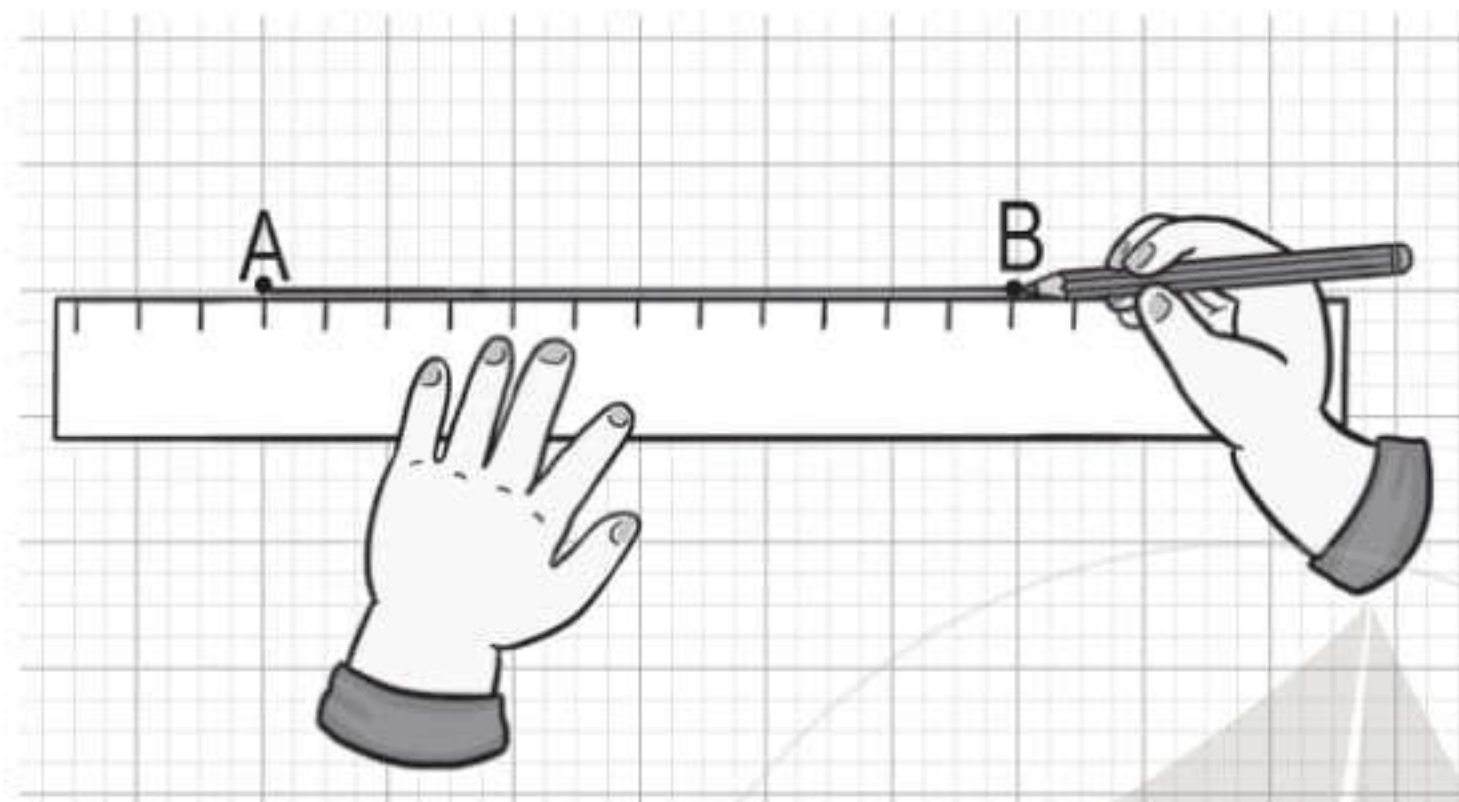
- 2 Điền số đoạn thẳng của mỗi hình sau vào ô trống (theo mẫu):



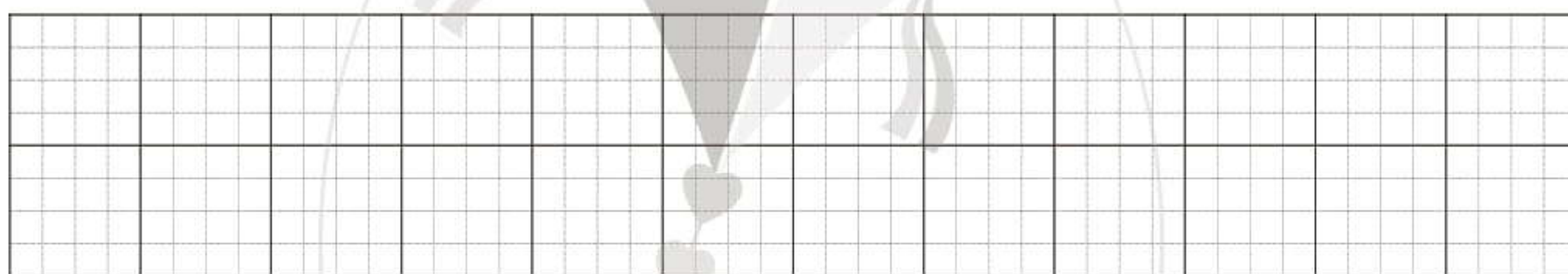
3 Vẽ đoạn thẳng trên giấy kẻ ô li (theo mẫu):

Mẫu: Vẽ đoạn thẳng AB

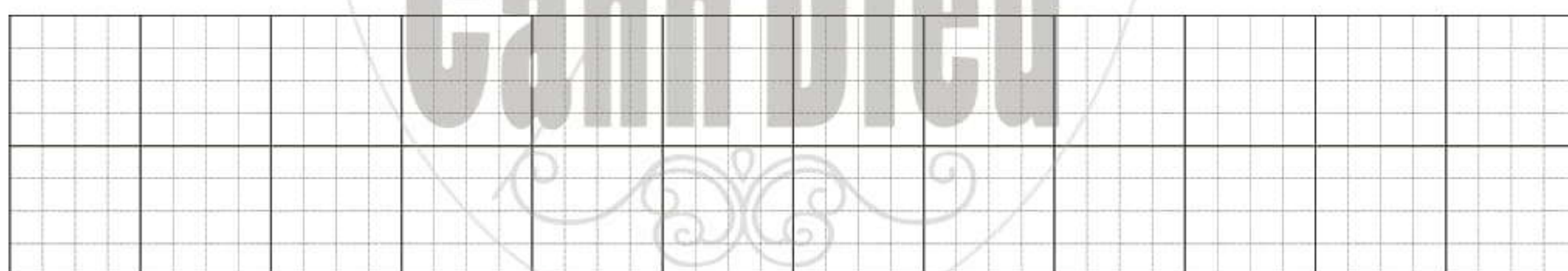
Đánh dấu hai điểm A, B. Dùng thước thẳng nối hai điểm A và B.



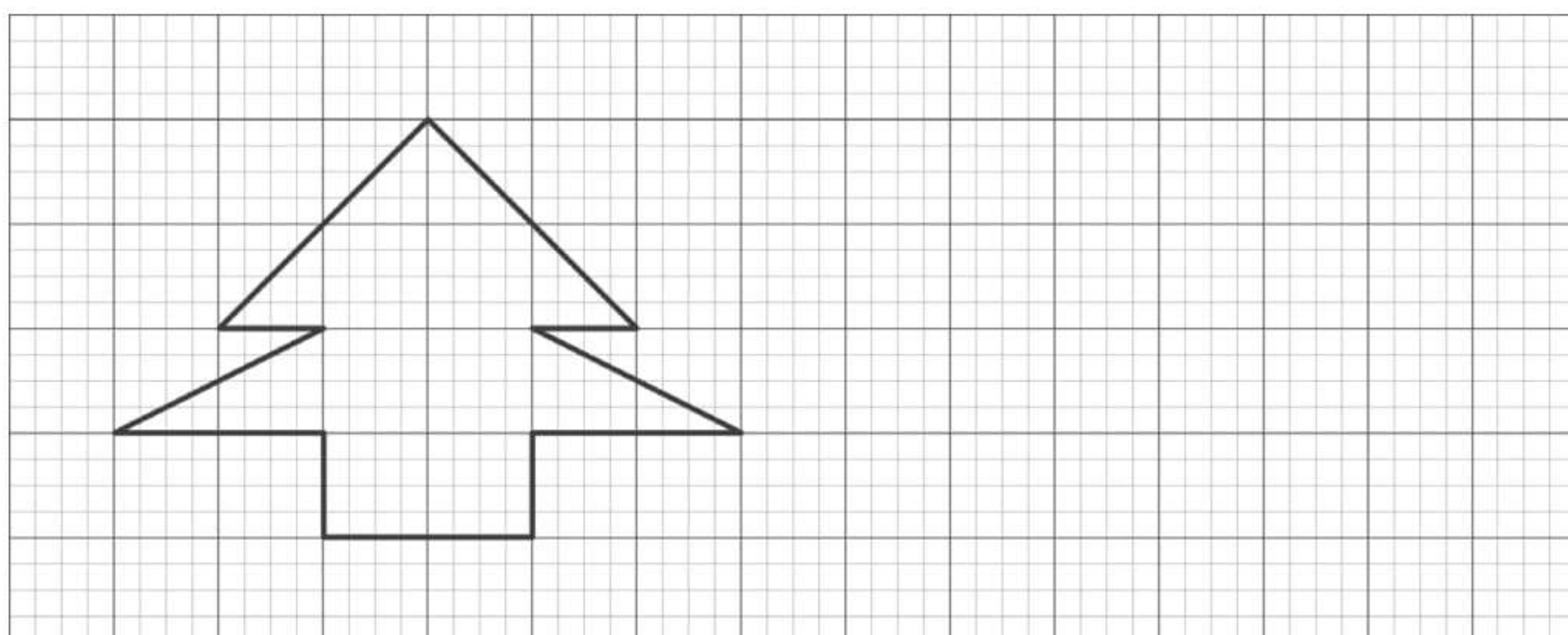
a) Vẽ đoạn thẳng MN.

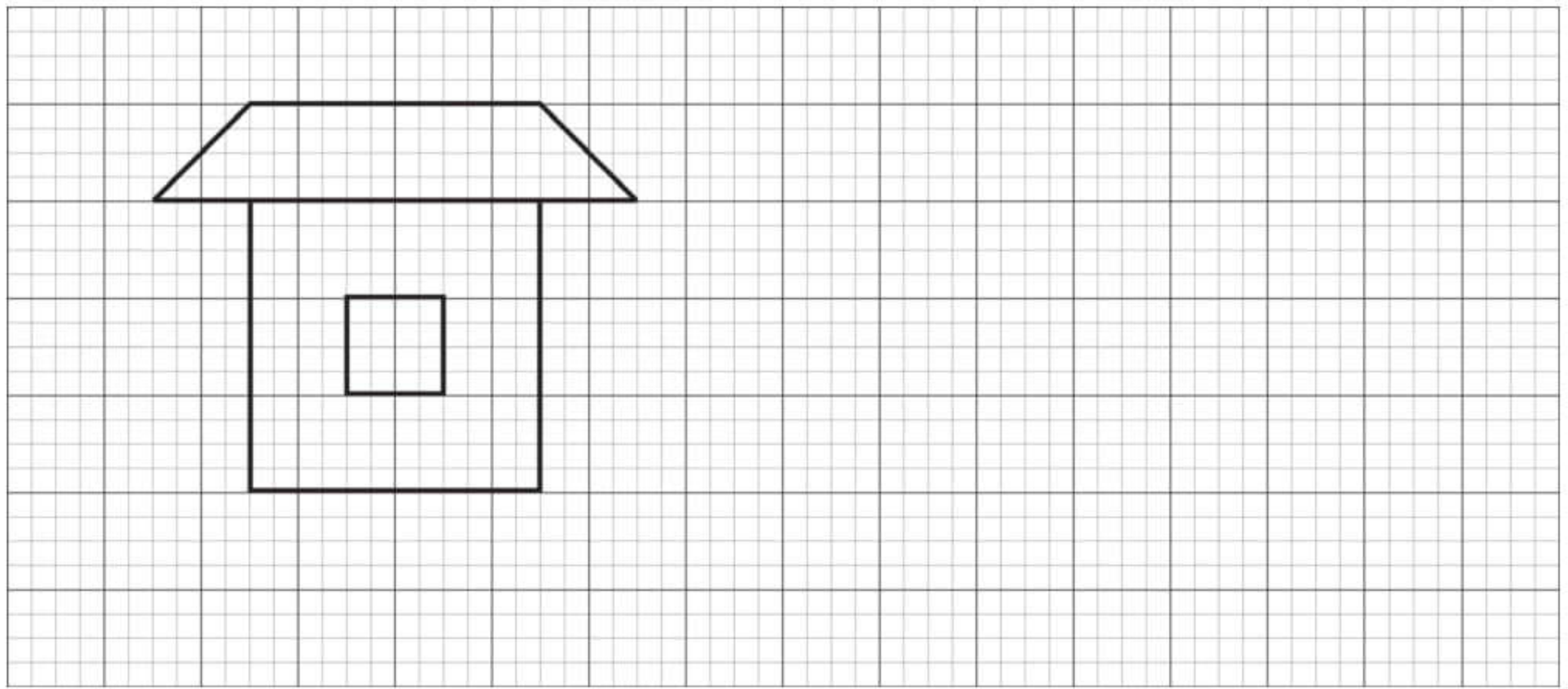


b) Vẽ đoạn thẳng PQ.

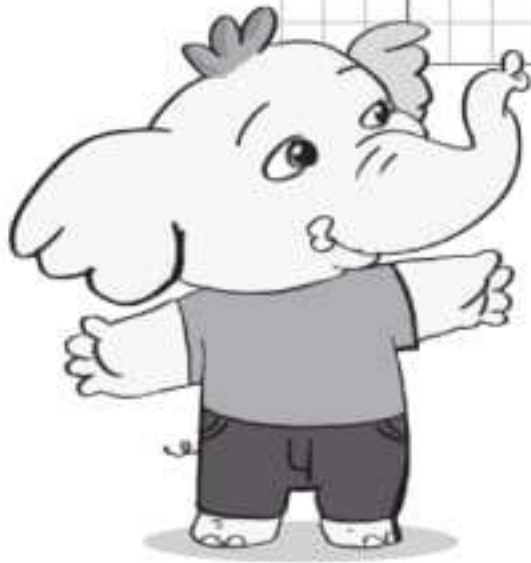
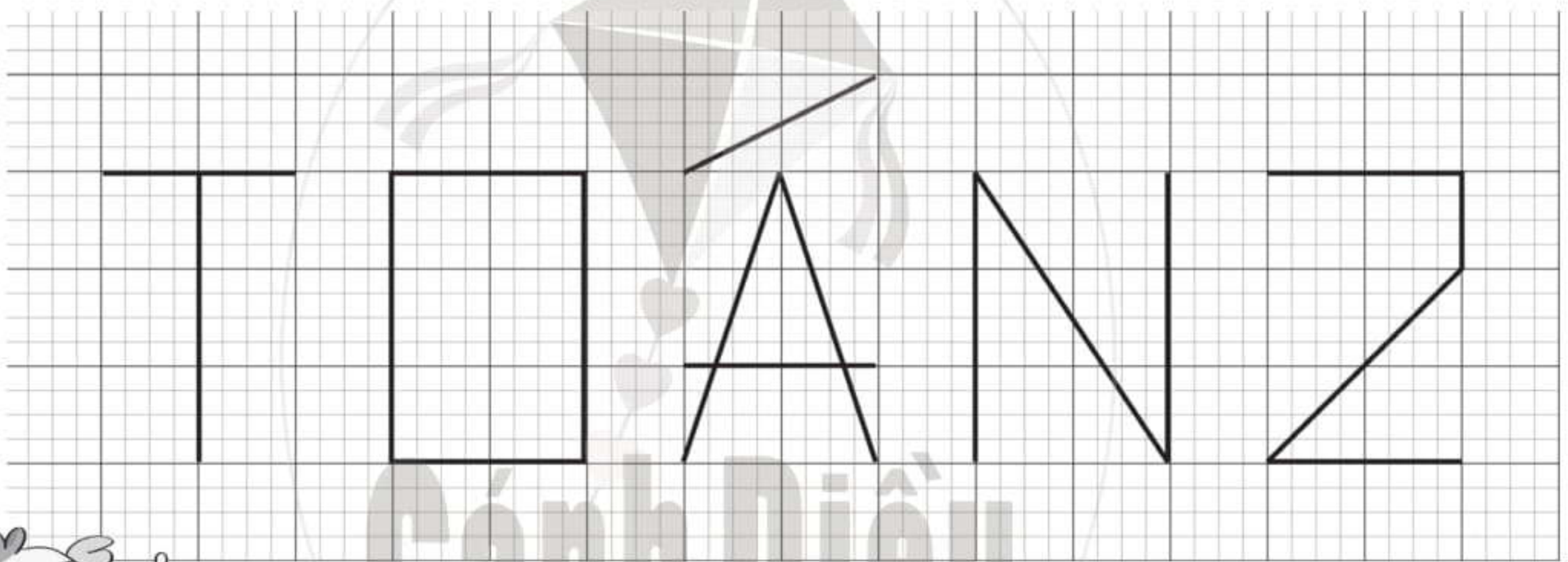


c) Vẽ hình (theo mẫu):

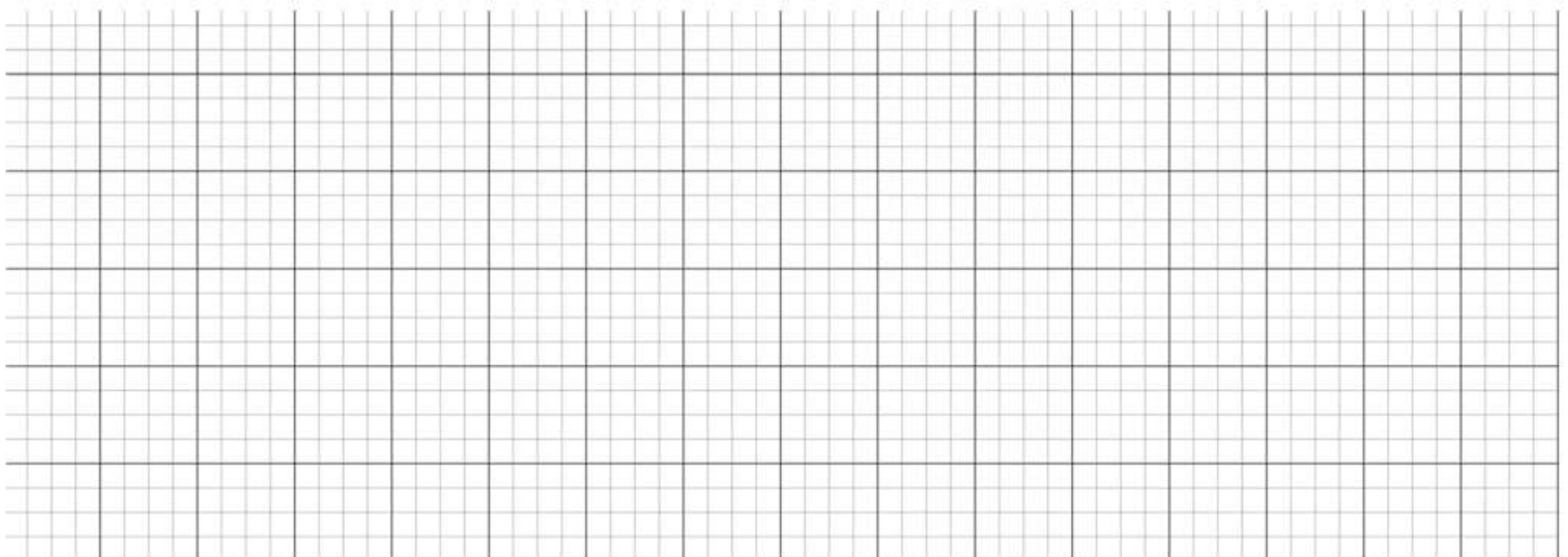




- 4 Bạn Voi thích dùng các đoạn thẳng để tạo hình các chữ cái và số như sau:



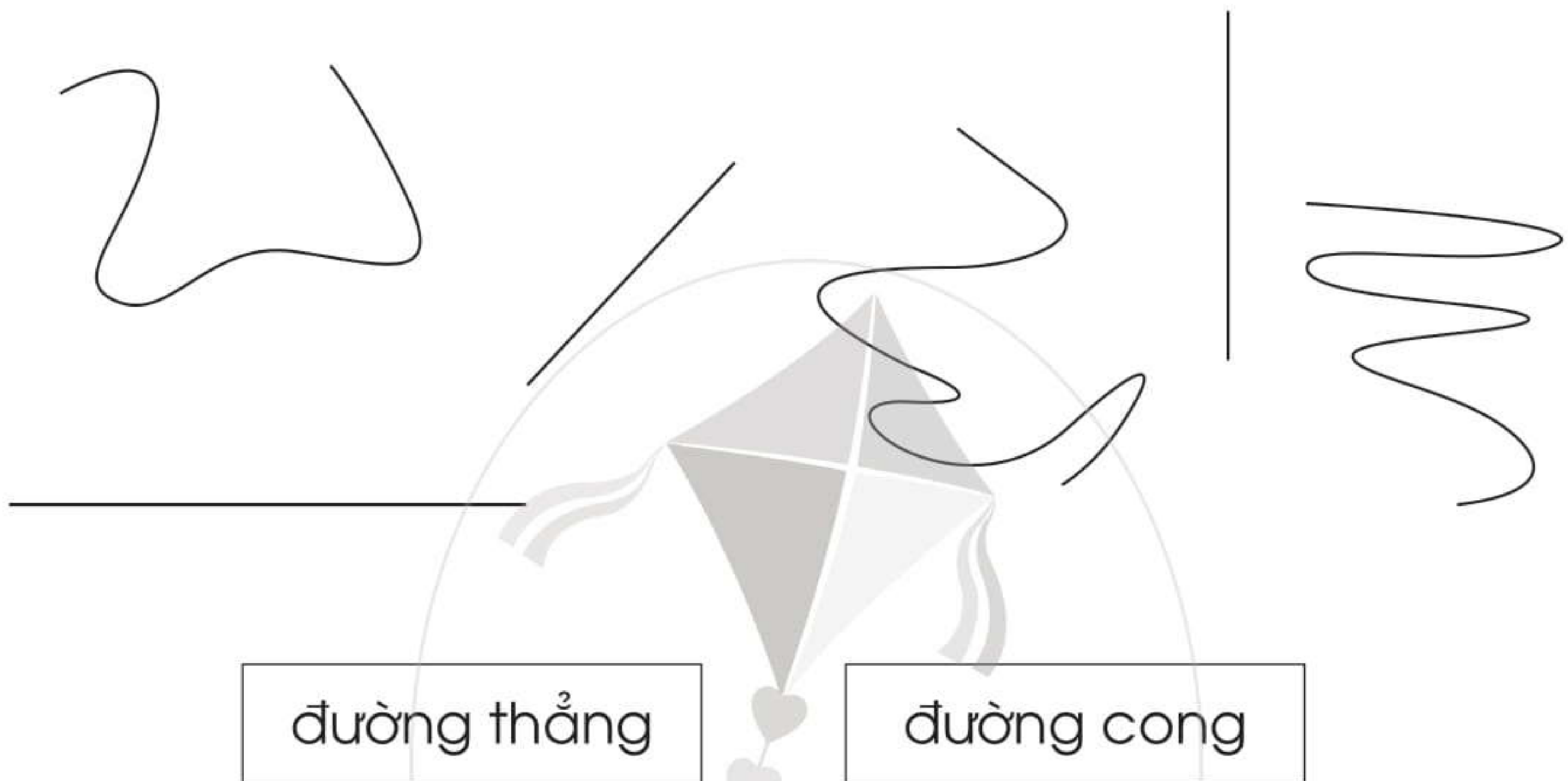
Em hãy dùng các đoạn thẳng để tạo hình tên của mình.



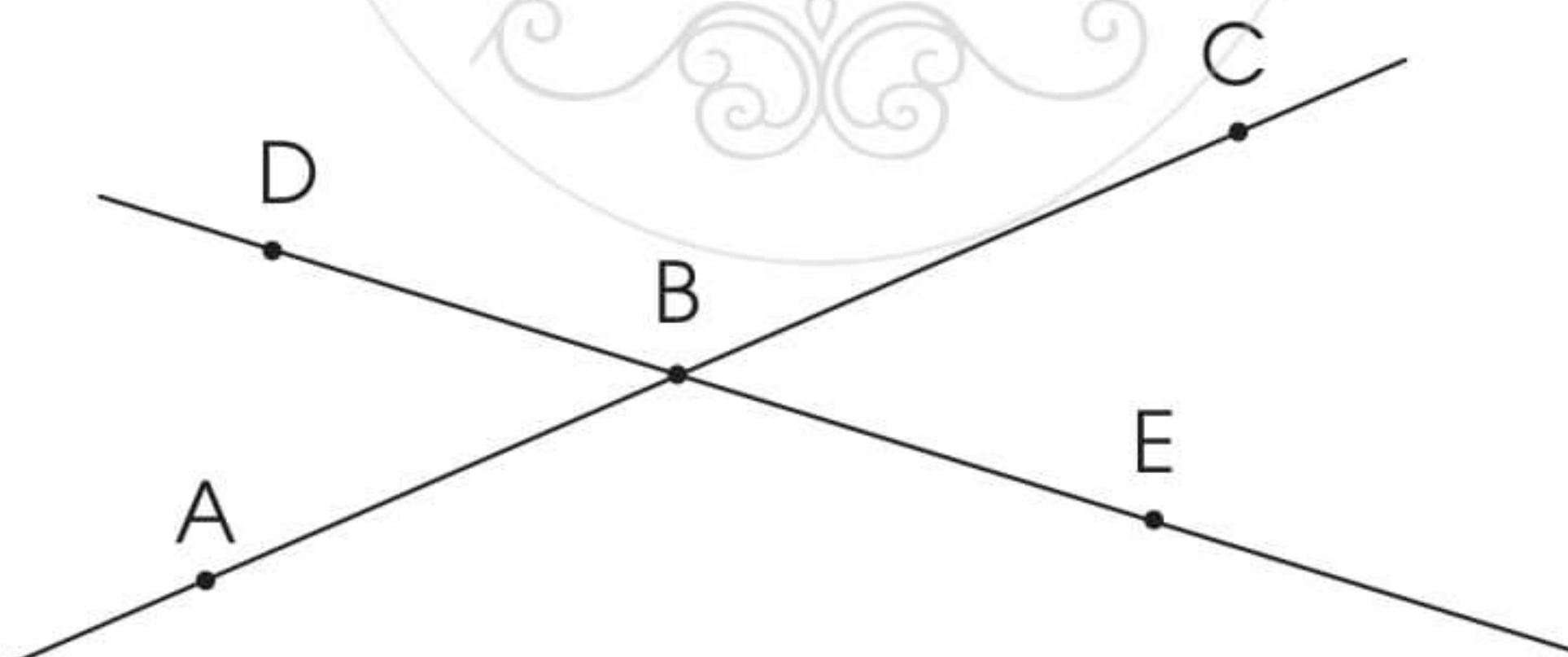
Bài 43

ĐƯỜNG THẲNG – ĐƯỜNG CONG ĐƯỜNG GẤP KHÚC

1 Nối mỗi hình với tên gọi thích hợp:



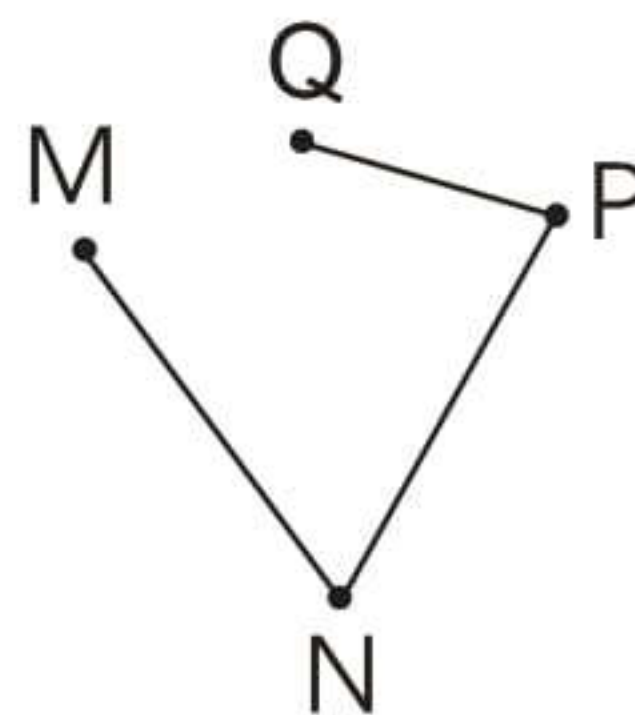
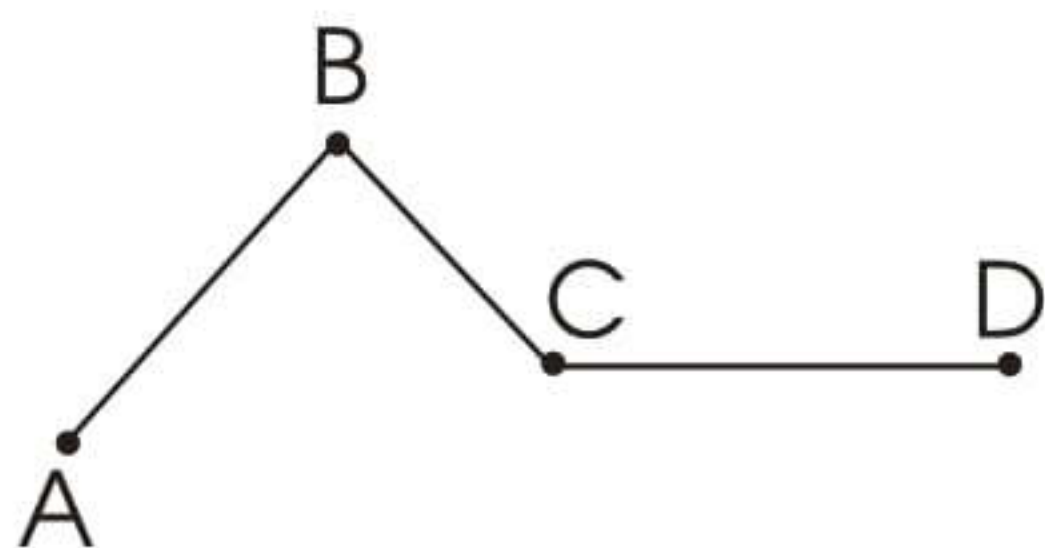
2 Viết tên ba điểm thẳng hàng trong hình sau vào chỗ chấm:



.....

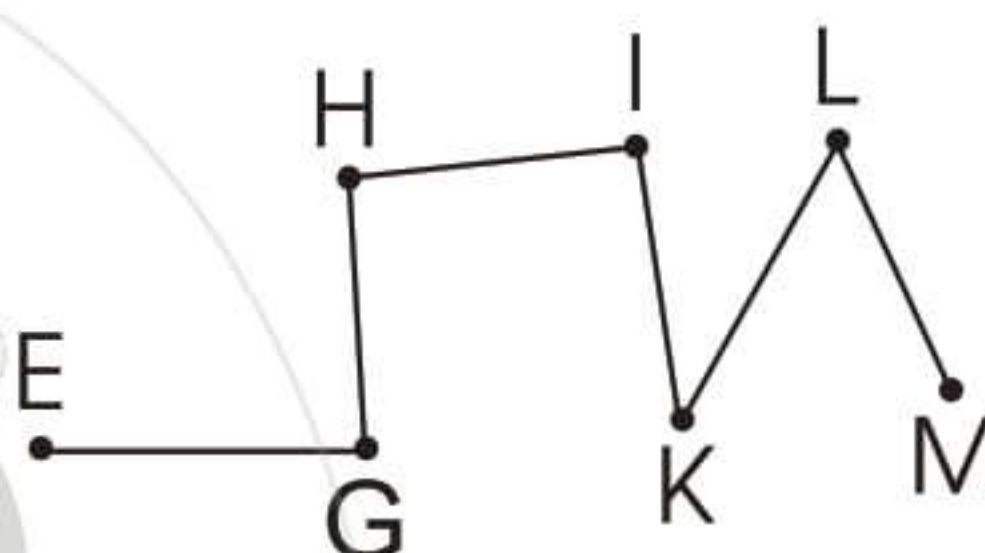
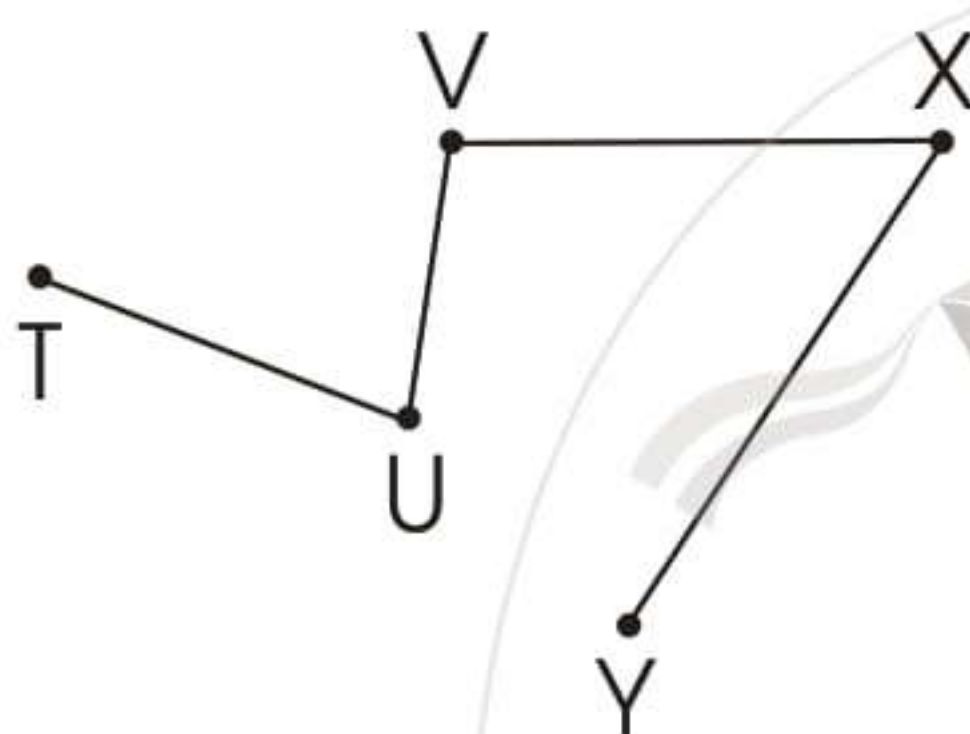
.....

- 3** Viết tên các đoạn thẳng của mỗi đường gấp khúc dưới đây vào chỗ chấm:



.....

.....



.....

.....

- 4** Tìm hai hình ảnh tạo bởi đường cong, đường gấp khúc trong bức tranh sau:



.....

.....

Bài 44

ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG ĐỘ DÀI ĐƯỜNG GẤP KHÚC

- ① Dùng thước có vạch chia xăng-ti-mét đo độ dài của các đoạn thẳng sau và viết kết quả vào ô trống:



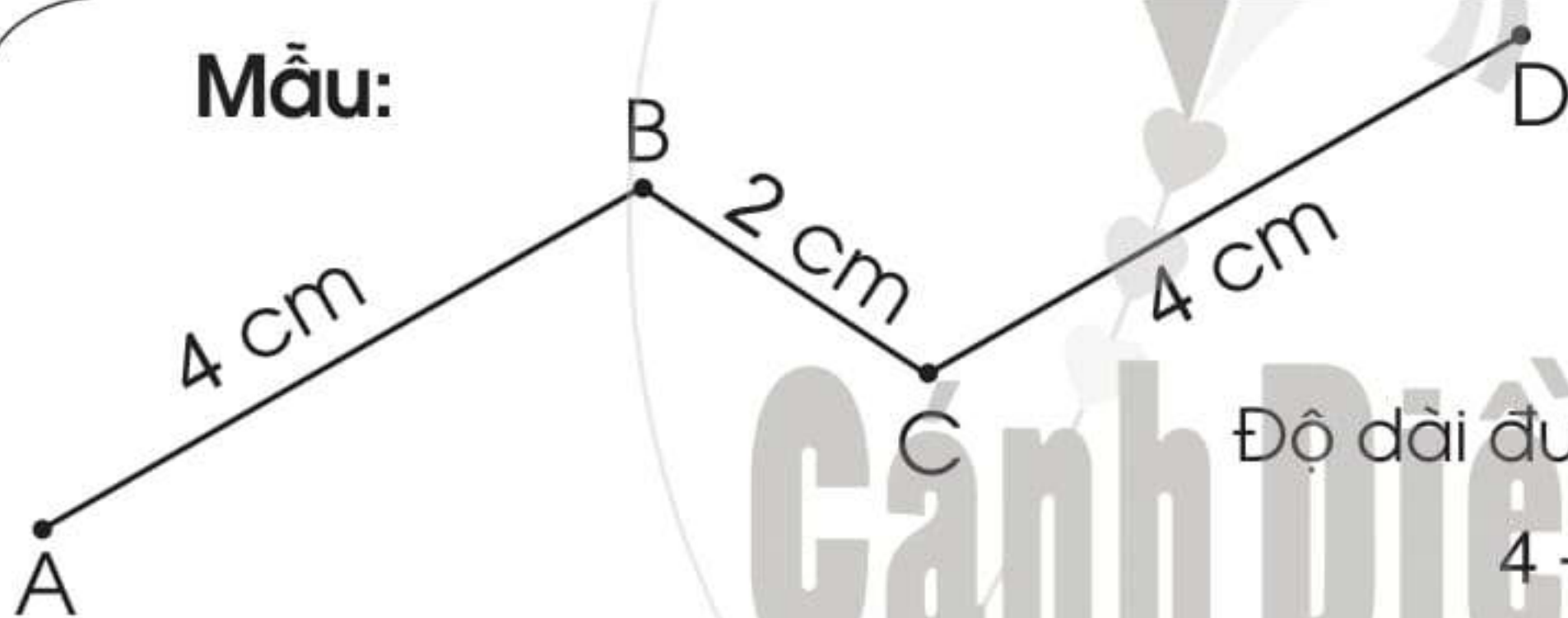
TE = cm

OA = cm

KM = cm

- ② Đo và tính độ dài đường gấp khúc sau (theo mẫu):

Mẫu:



Bài giải

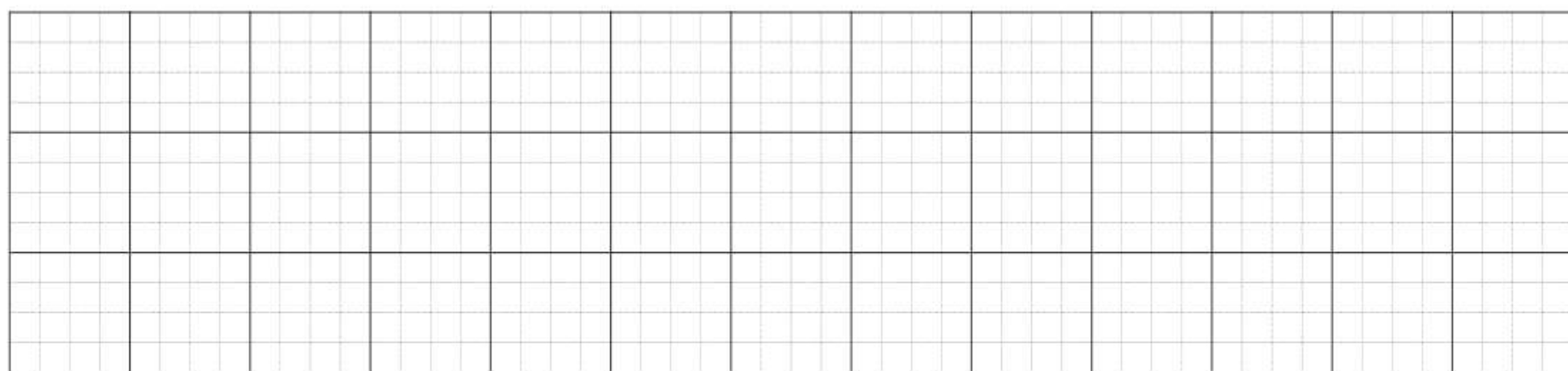
Độ dài đường gấp khúc ABCD là:

$$4 + 2 + 4 = 10 \text{ (cm)}$$

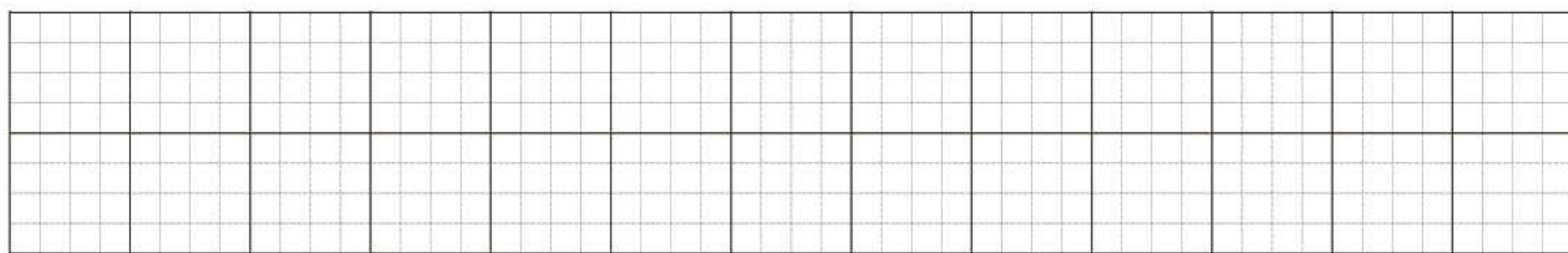
Đáp số: 10 cm.



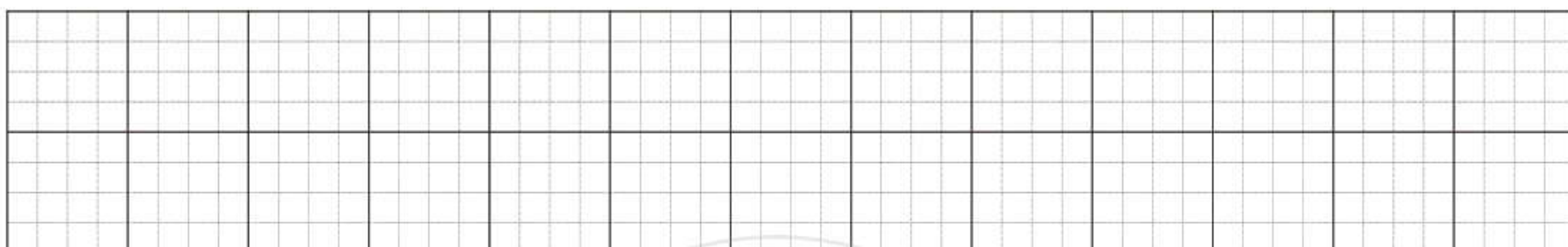
Bài giải



- 3 a) Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 4 cm.



- b) Vẽ đoạn thẳng CD có độ dài 7 cm.



- 4 a) Xem tranh rồi điền số thích hợp vào chỗ chấm:



- Bạn Nhím  đi quãng đường từ A đến B dài dm.
- Bạn Nhím  đi quãng đường từ A đến B dài dm.
- Bạn Nhím  đi quãng đường từ A đến B dài dm.

- b) Đánh dấu $\times$ vào ô trống cạnh bạn Nhím đi quãng đường ngắn nhất, đánh dấu $\checkmark$ vào ô trống cạnh bạn Nhím đi quãng đường dài nhất ở câu a.


☐

☐

☐

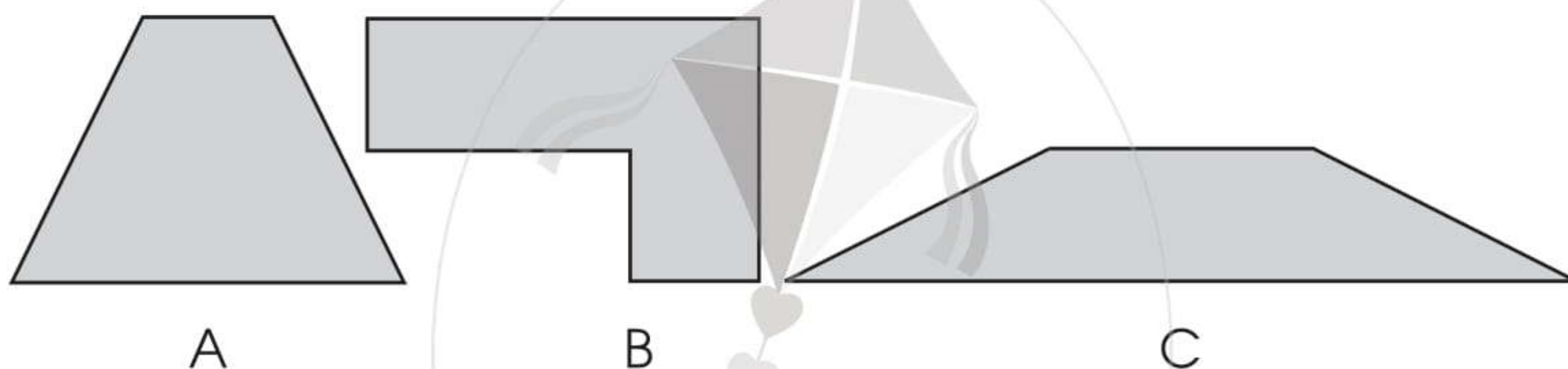
Bài 45

THỰC HÀNH LẮP GHÉP, XẾP HÌNH PHẪNG

- 1 a) Dùng các miếng bìa sau:



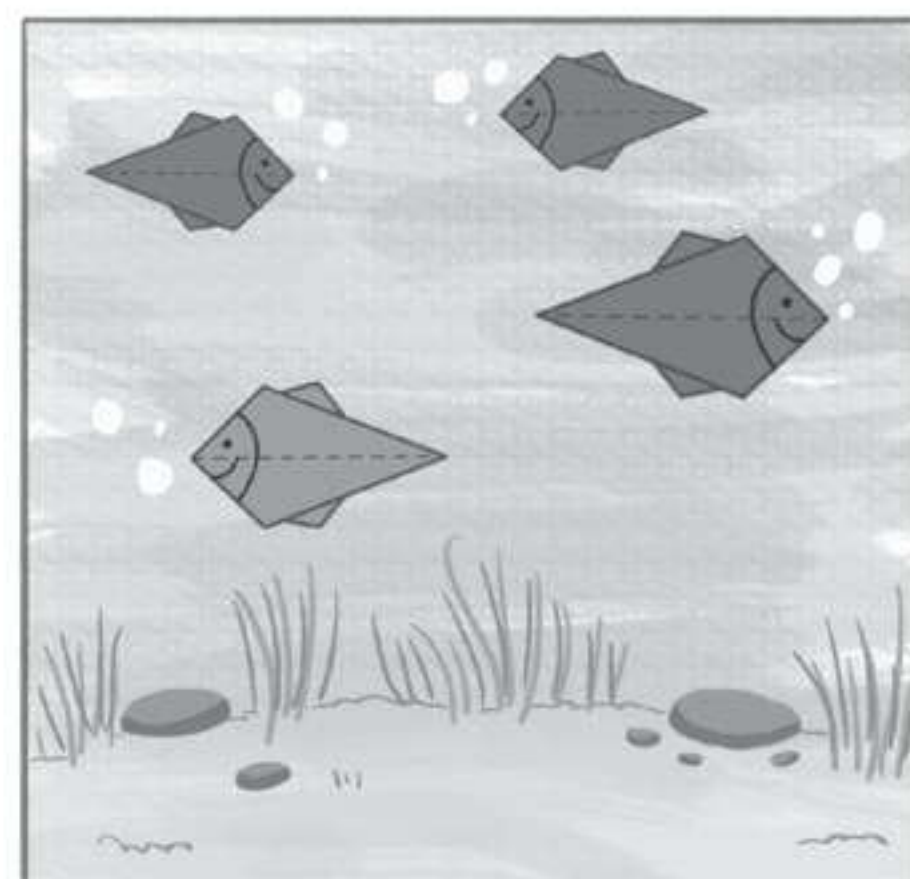
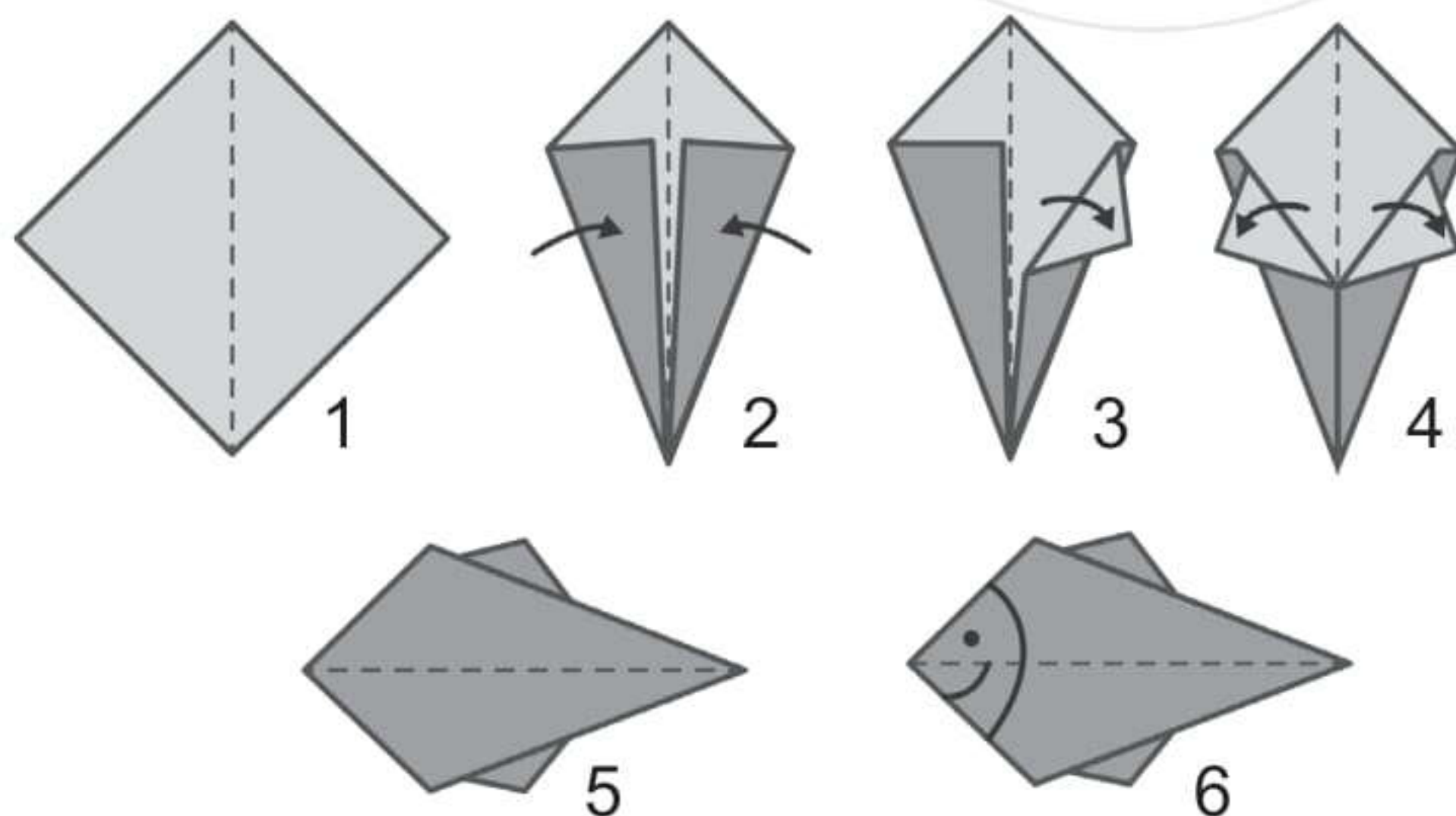
Lắp ghép thành các hình:



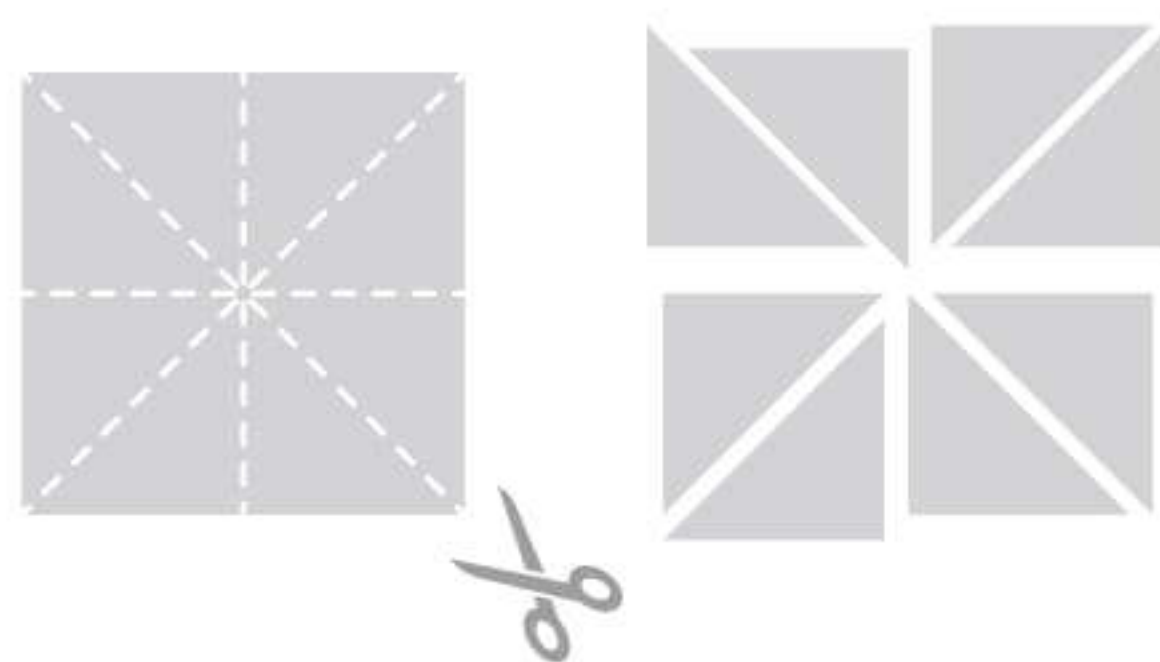
- b) Trong các hình ghép được, hình nào là hình tứ giác?

Trả lời:

- 2 Em hãy gấp các tờ giấy màu theo hướng dẫn ở hình sau để tạo thành hình những con cá nhiều màu sắc:



- 3** a) Chuẩn bị một tờ giấy hình vuông rồi gấp và cắt tờ giấy theo hướng dẫn ở hình bên để tạo thành 8 hình tam giác.



- b) Sử dụng các hình tam giác đó để tạo hình:



- 4** Sử dụng các đồ vật có sẵn để xếp hình tứ giác.



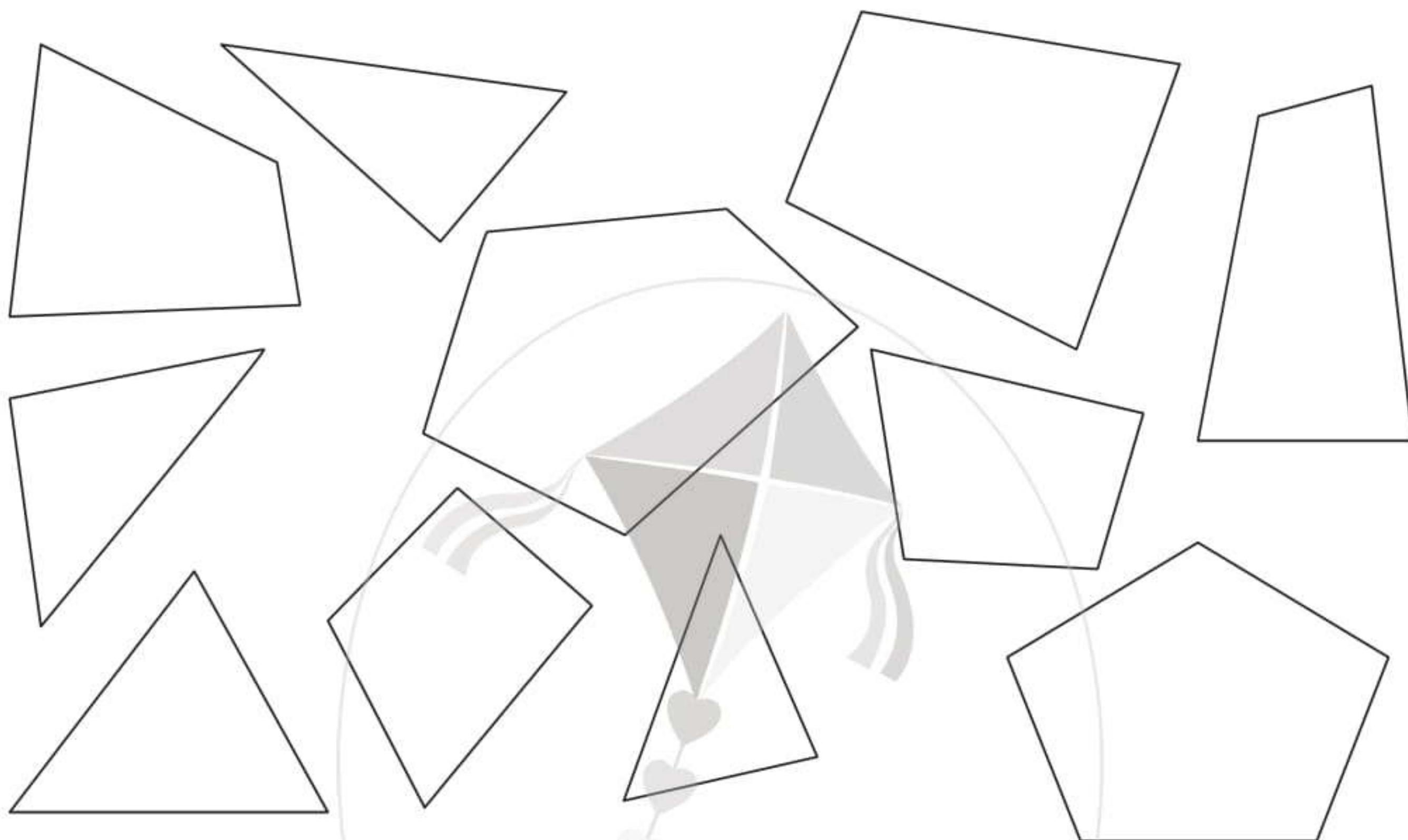
- 5** a) Tìm hình còn thiếu trong mỗi ô trống:

- b) Tương tự như trên em hãy xếp và đố bạn tìm hình còn thiếu.

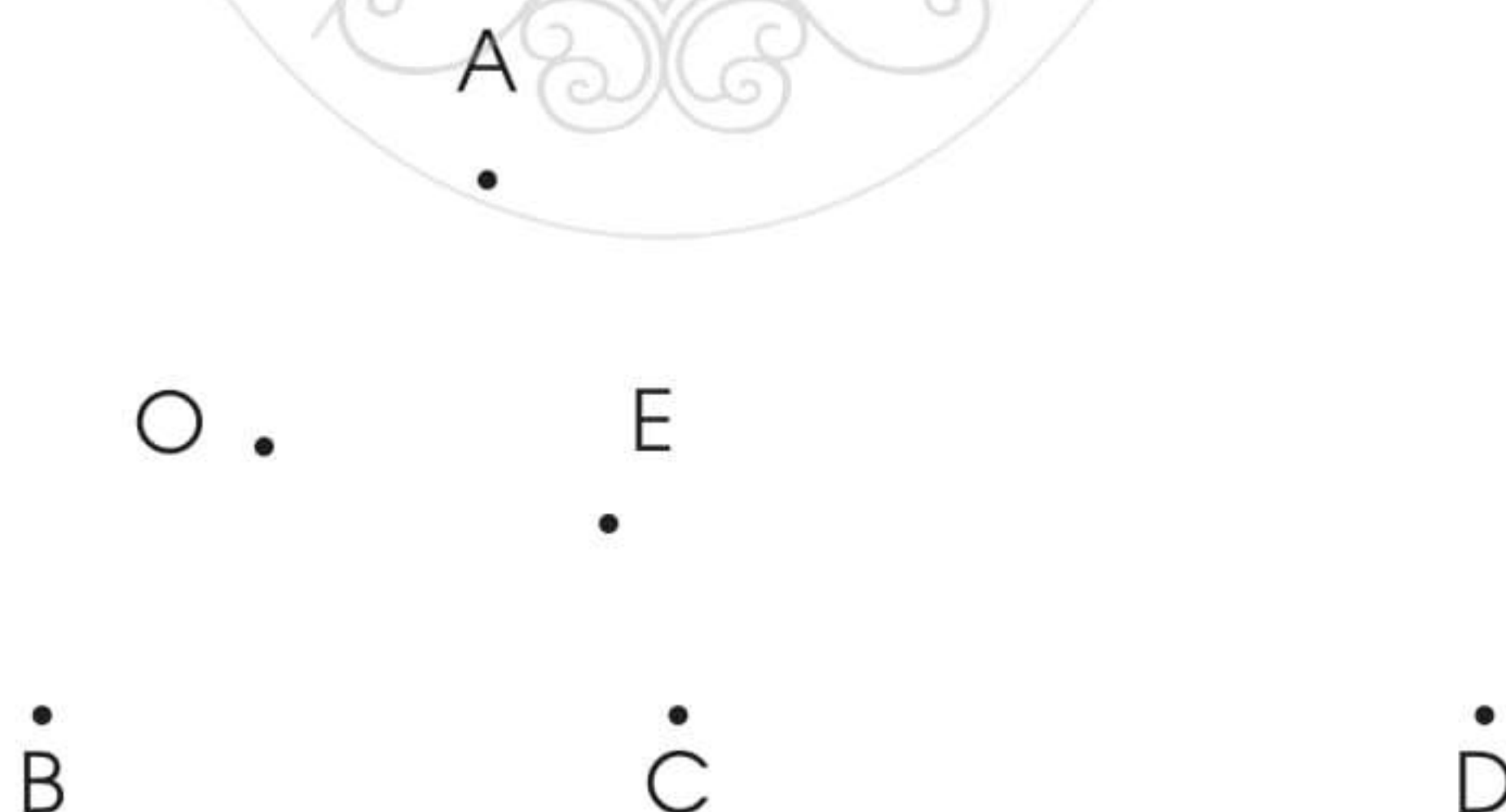
Bài 46

LUYỆN TẬP CHUNG

- 1 Tô màu các mảnh bìa hình tứ giác trong hình sau:



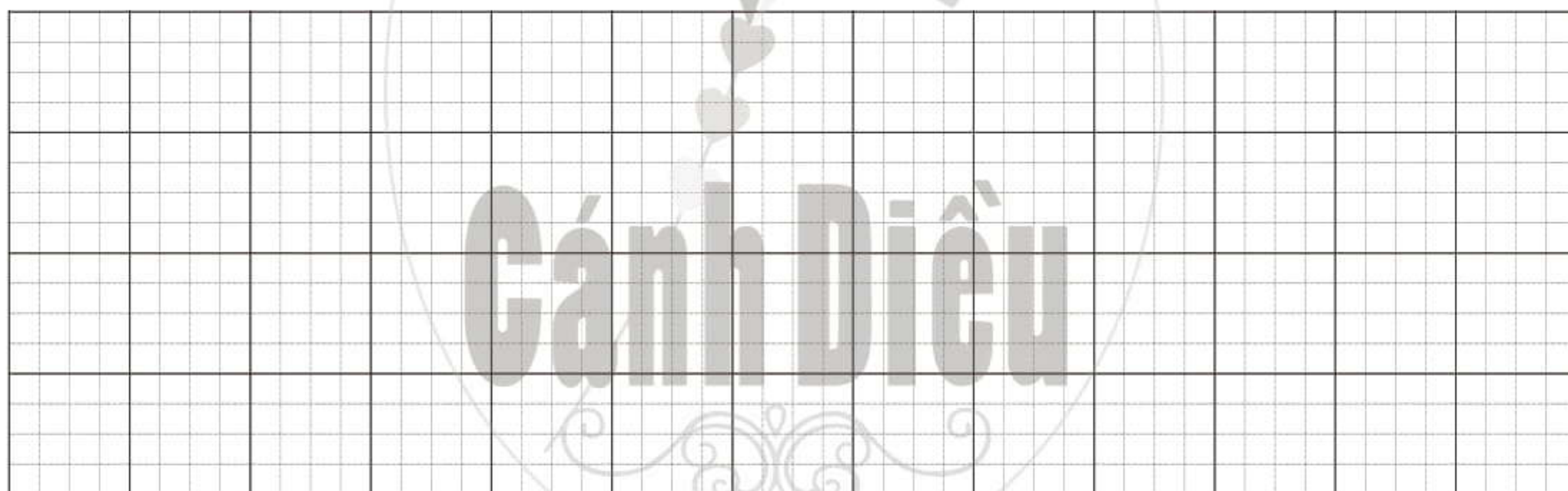
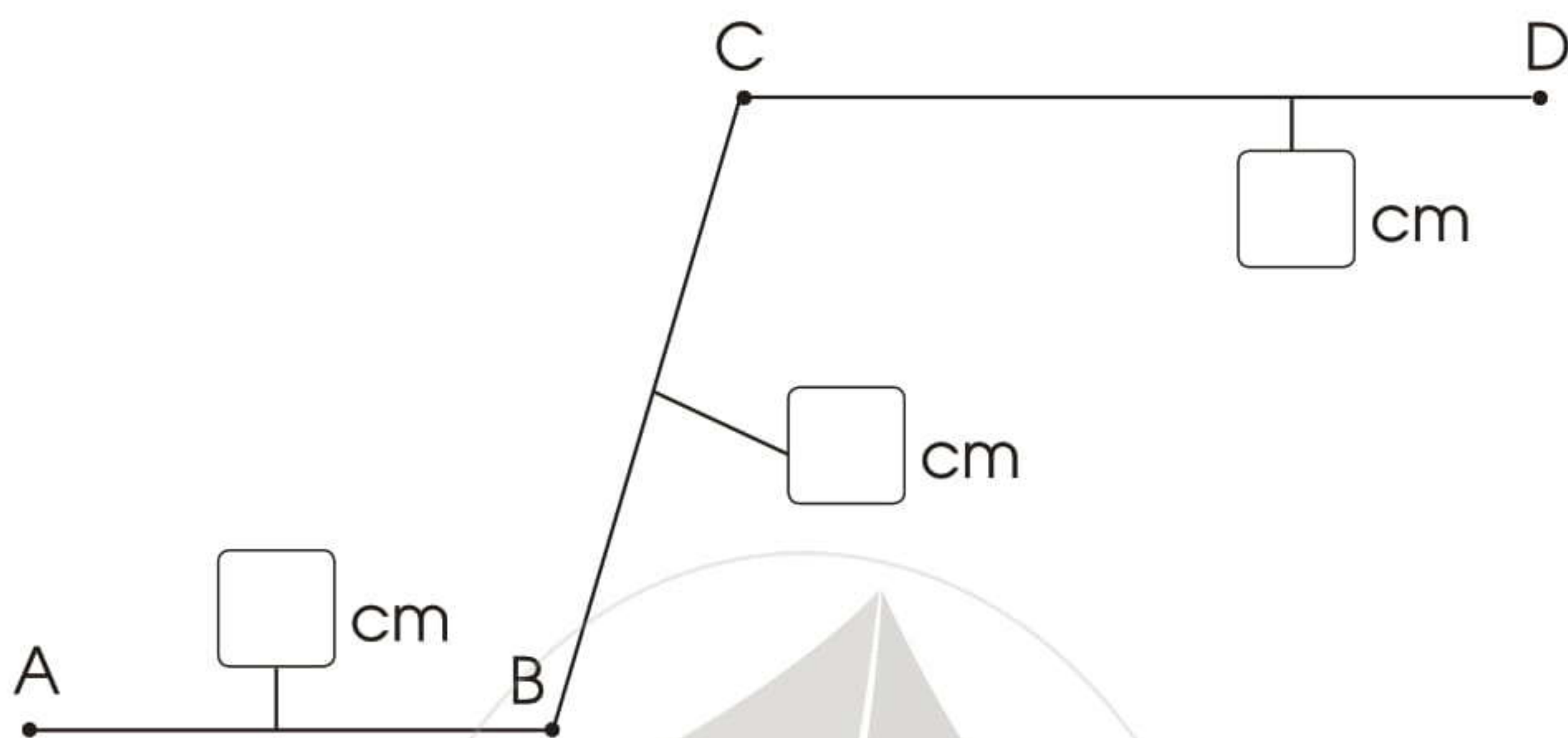
- 2 Viết tên ba điểm thẳng hàng trong hình sau (dùng thước thẳng để kiểm tra):



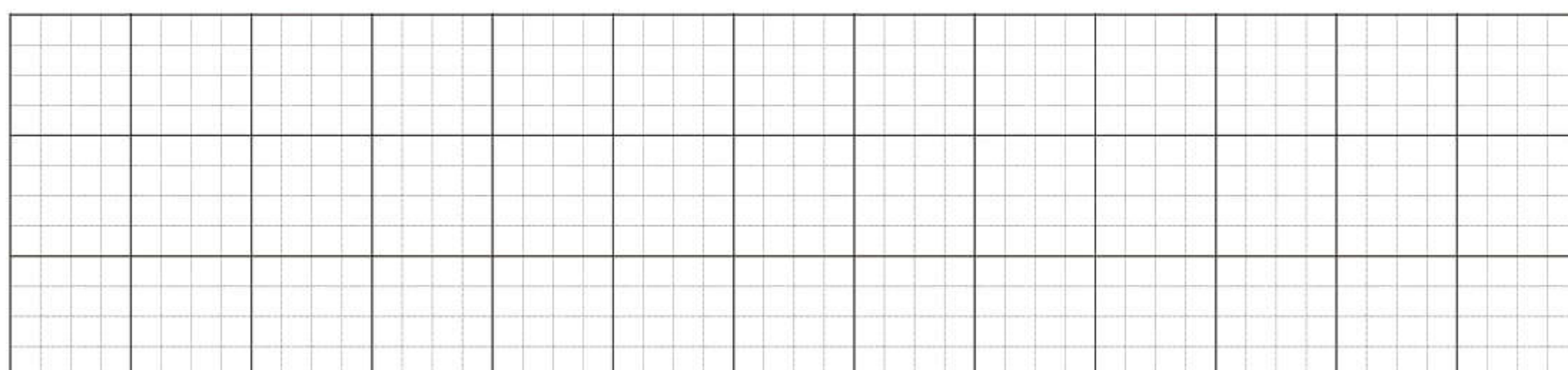
.....

.....

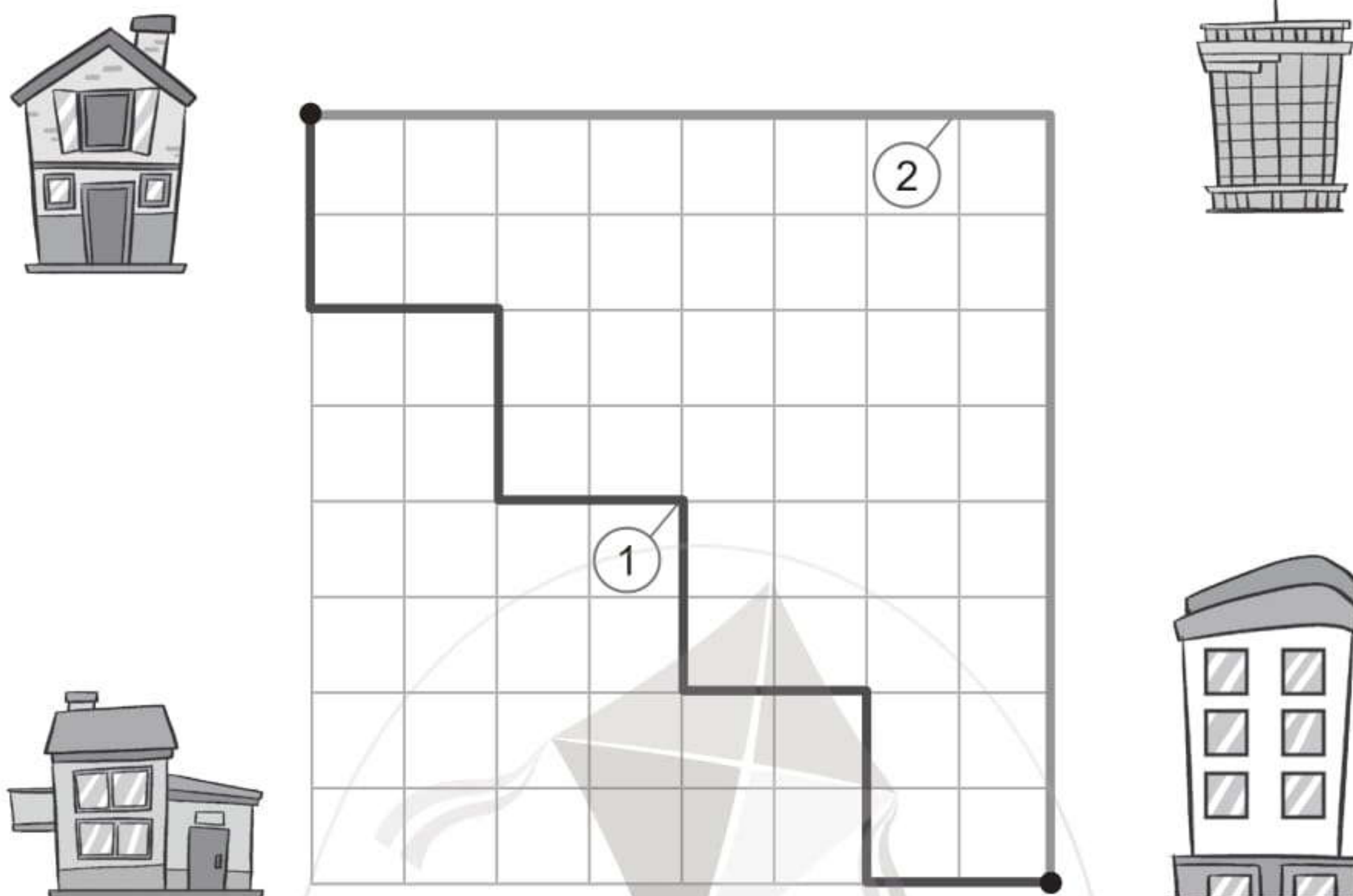
- 3 a) Đo và tính độ dài đường gấp khúc ABCD sau:



- b) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 8 cm.



- 4 So sánh độ dài con đường số ① và con đường số ② trong hình sau:



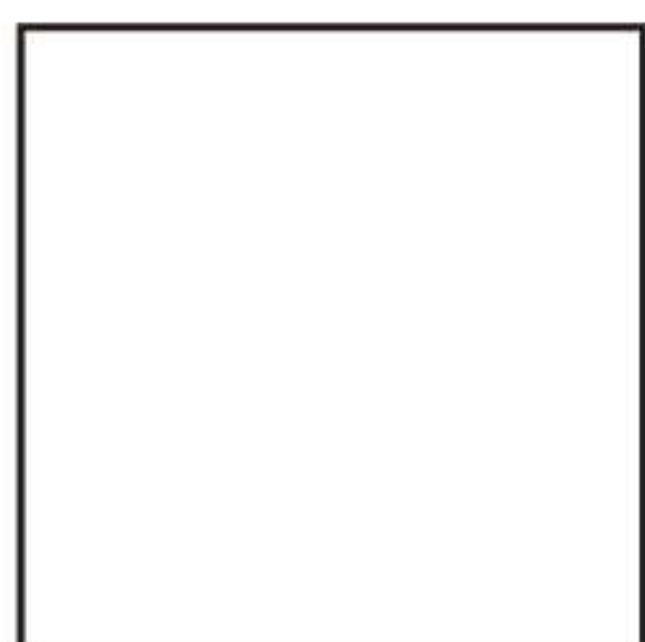
Trả lời:

.....

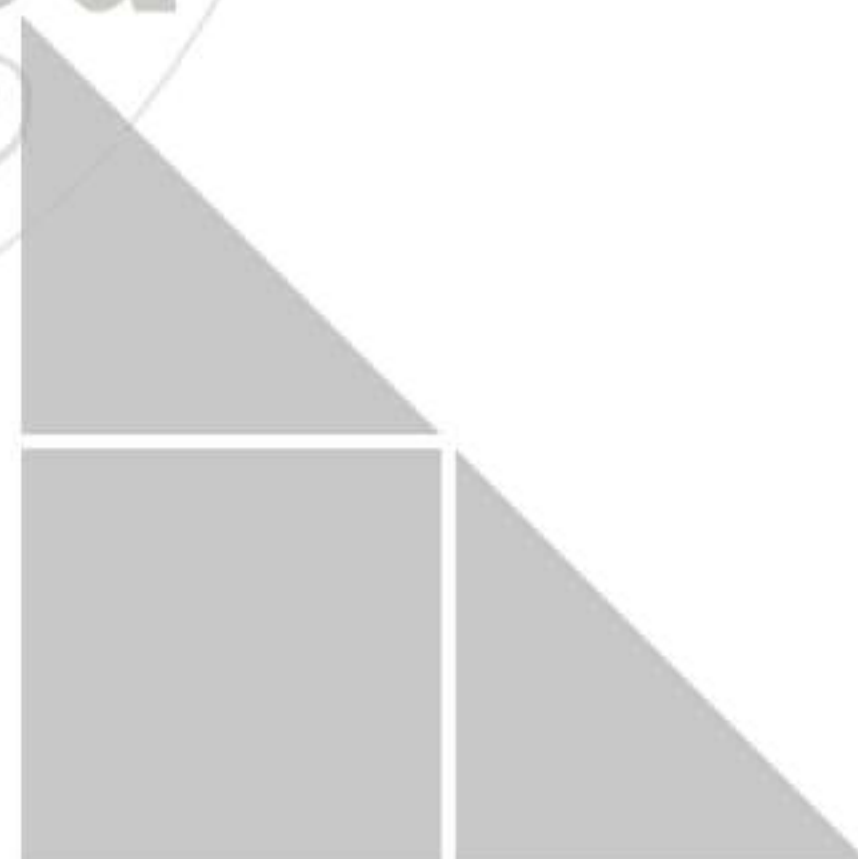
- 5 Ba mảnh bìa được tô màu dưới đây không thể ghép được hình nào trong các hình sau?



①



②



③

Trả lời:

Bài 47

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 20

1 Tính nhẩm:

$$9 + 3 = \dots\dots$$

$$3 + 9 = \dots\dots$$

$$12 - 9 = \dots\dots$$

$$12 - 3 = \dots\dots$$

$$7 + 8 = \dots\dots$$

$$8 + 7 = \dots\dots$$

$$15 - 7 = \dots\dots$$

$$15 - 8 = \dots\dots$$

$$6 + 5 = \dots\dots$$

$$5 + 6 = \dots\dots$$

$$11 - 6 = \dots\dots$$

$$11 - 5 = \dots\dots$$

2 Nối mỗi phép tính với kết quả thích hợp:

Chickens and their associated math problems/answers:

- Chicken 13: $3 + 8$
- Chicken 8: $11 + 2$
- Chicken 11: $9 + 4$
- Chicken 3: $17 - 9$
- Chicken 9: $7 + 6$
- Chicken 17: $12 - 4$
- Chicken 7: $7 + 4$
- Chicken 12: $19 - 8$
- Chicken 11: $16 - 8$

3



?

$$8 + 8 \bigcirc 8 + 5$$

$$9 + 7 \bigcirc 7 + 9$$

$$14 - 6 \bigcirc 14 - 7$$

$$17 - 8 \bigcirc 18 - 7$$

4

a) Tính:

$$6 + 6 + 4 = \square \quad \text{A}$$

$$16 - 8 + 8 = \square \quad \text{A}$$

$$7 + 7 + 3 = \square \quad \text{S}$$

$$18 - 9 - 2 = \square \quad \text{L}$$

$$5 + 9 - 4 = \square \quad \text{O}$$

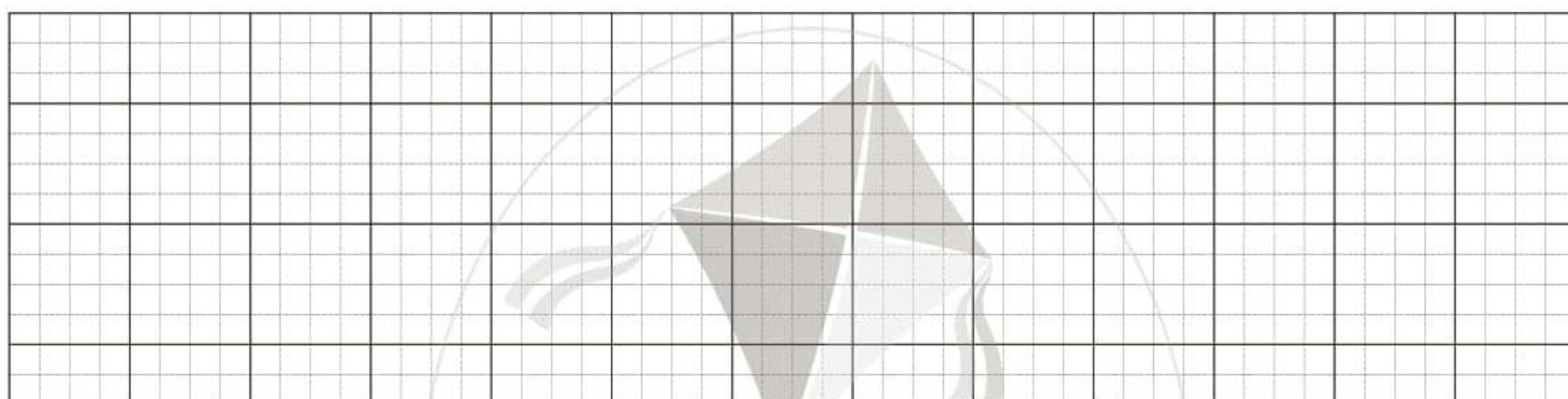


b) Xếp các chữ cái tương ứng với kết quả phép tính ở câu a vào các ô trống, em sẽ biết thêm tên một loài động vật trong sách đỏ Việt Nam.

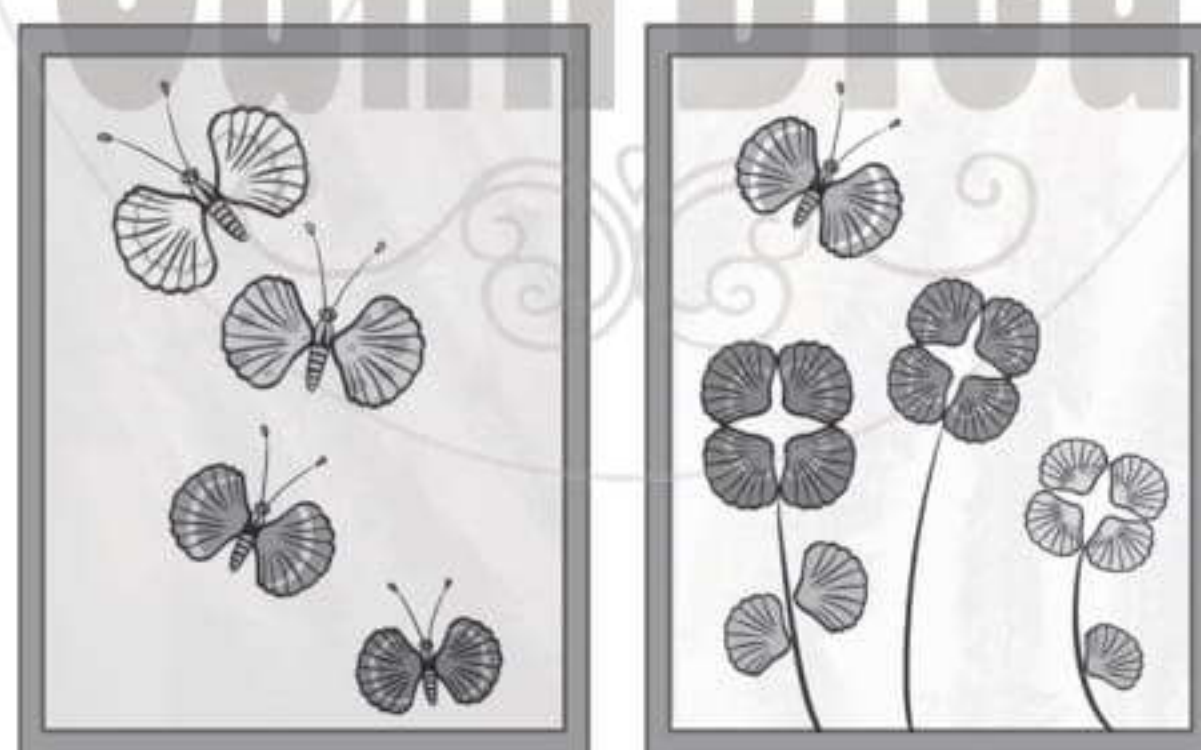
17	16	10	7	16

- 5** a) Dũng nhặt được 16 vỏ sò, Huyền nhặt được ít hơn Dũng 7 vỏ sò. Hỏi Huyền nhặt được bao nhiêu vỏ sò?

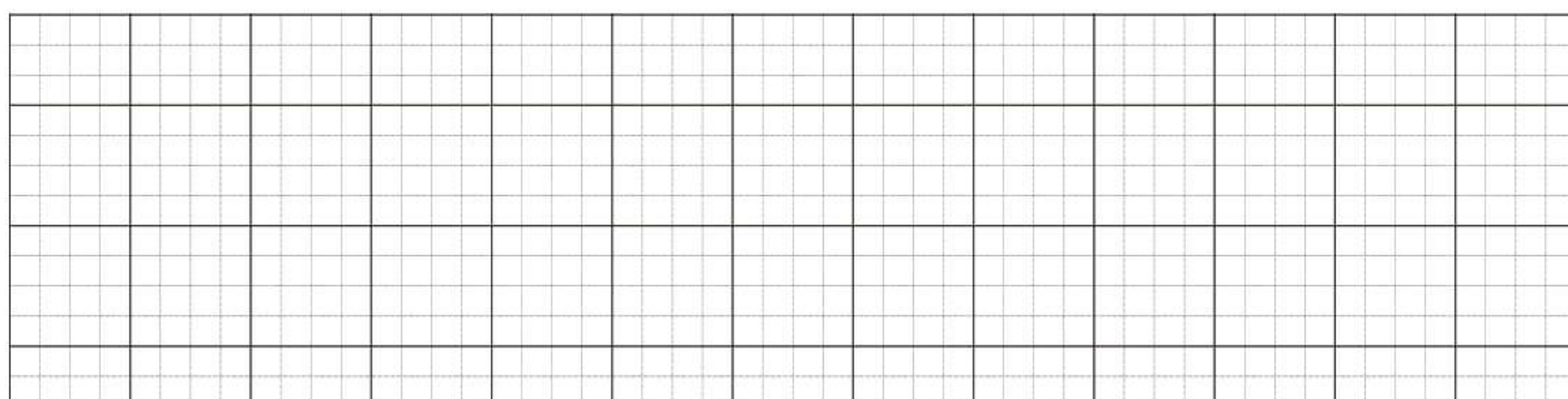
Bài giải



b) Dũng và Huyền dùng các vỏ sò ghép thành hai bức tranh, bức tranh thứ nhất gồm 8 vỏ sò, bức tranh thứ hai nhiều hơn bức tranh thứ nhất 9 vỏ sò. Hỏi bức tranh thứ hai được ghép từ bao nhiêu vỏ sò?



Bài giải



Bài 48

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100

1 Đặt tính rồi tính:

$$16 + 38$$

.....

.....

.....

$$42 - 27$$

.....

.....

.....

$$31 + 49$$

.....

.....

.....

$$80 - 56$$

.....

.....

.....

$$77 + 23$$

.....

.....

.....

$$100 - 89$$

.....

.....

.....

$$8 + 92$$

.....

.....

.....

$$100 - 4$$

.....

.....

.....

2 Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

$$48 + 7$$

$$8 + 32$$

$$92 - 52$$

$$75 - 10$$

$$70 - 6$$

$$56 + 8$$

$$72 - 7$$

$$47 + 8$$

3 $\begin{matrix} > \\ < \\ = \end{matrix}$?

$$67 + 10 \bigcirc 76 + 10$$

$$45 - 6 \bigcirc 46 - 5$$

$$33 + 8 \bigcirc 38 + 3$$

$$86 - 40 \bigcirc 80 - 46$$

Tính:

$$34 + 8 - 12 = \dots\dots$$

$$51 - 6 + 35 = \dots\dots$$

a) Mẹ Nam cần hái 95 quả xoài để biếu họ hàng, mẹ đã hái được 36 quả. Hỏi mẹ còn phải hái bao nhiêu quả xoài?

Thanh có 27 cây nhãn,
nhãn 18 cây. Hỏi vườn nh
?

[illegible]

Bài 49

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

- 1 a) Nối mỗi hình với tên gọi thích hợp:



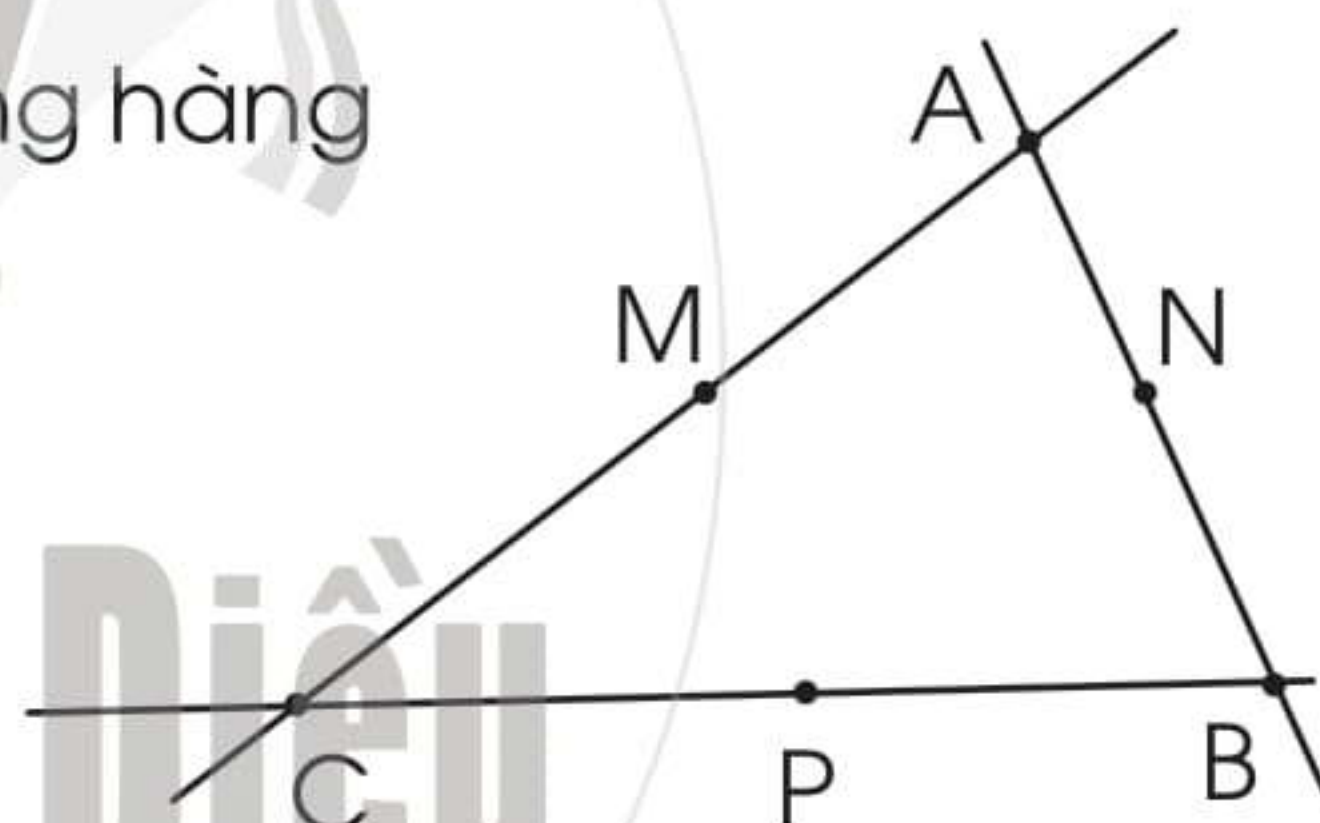
đường thẳng

đường gấp khúc

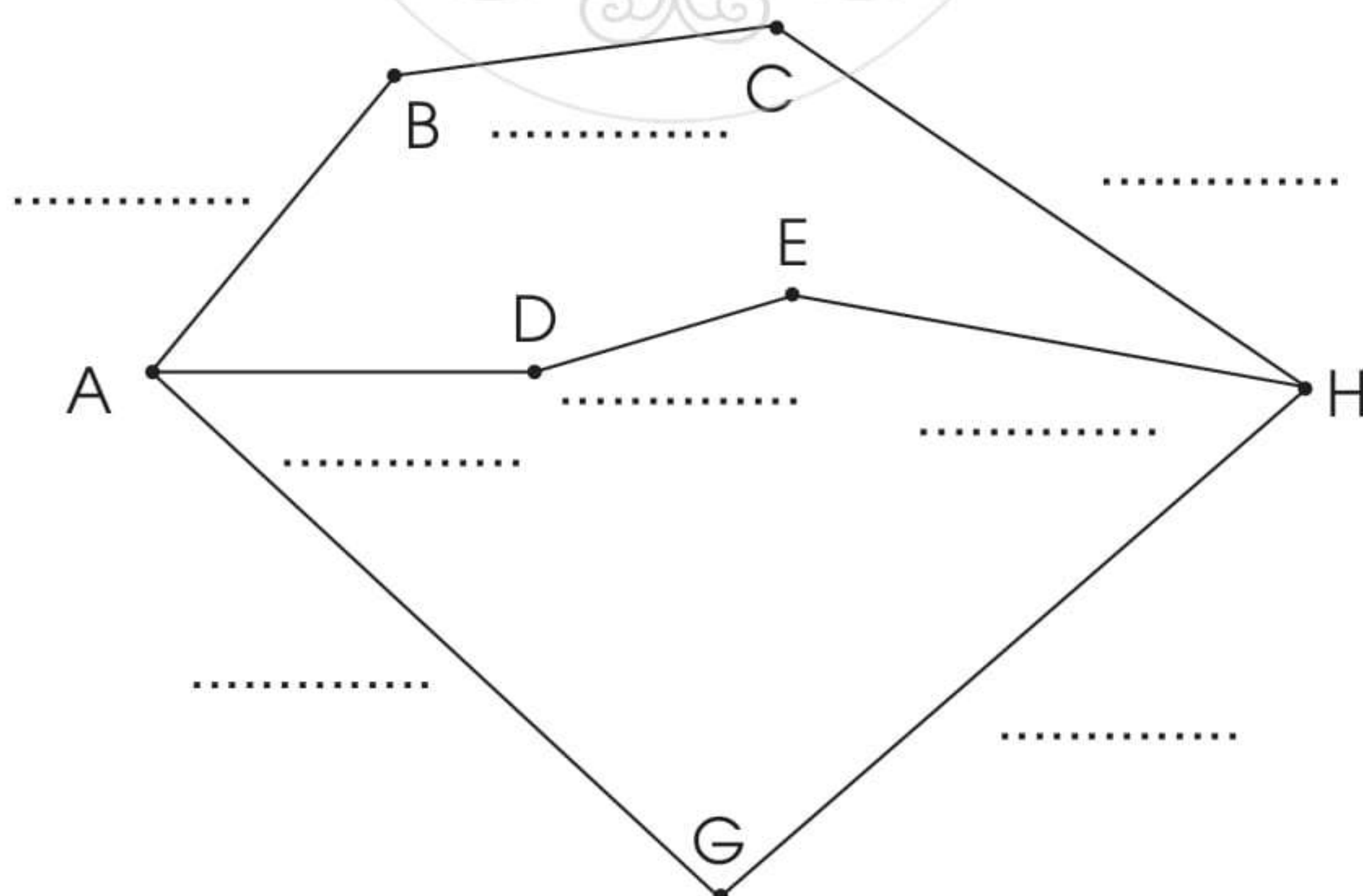
đường cong

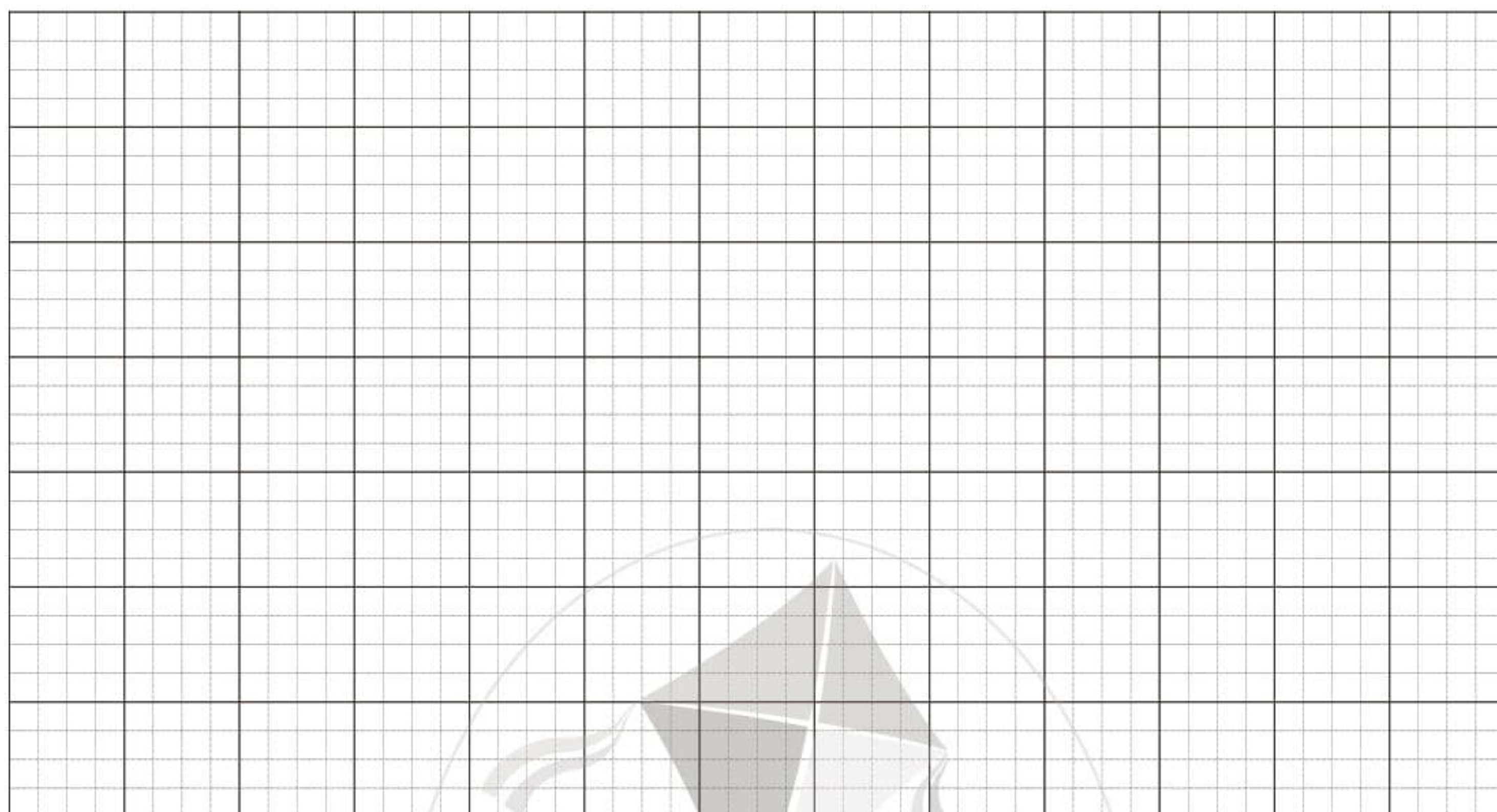
- b) Viết tên ba điểm thẳng hàng trong hình bên:

.....

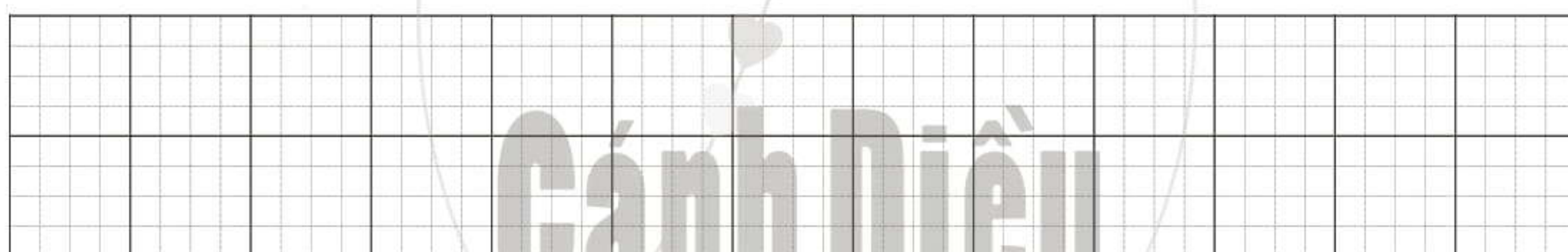


- 2 a) Đo và tính độ dài các đường gấp khúc từ A đến H sau:



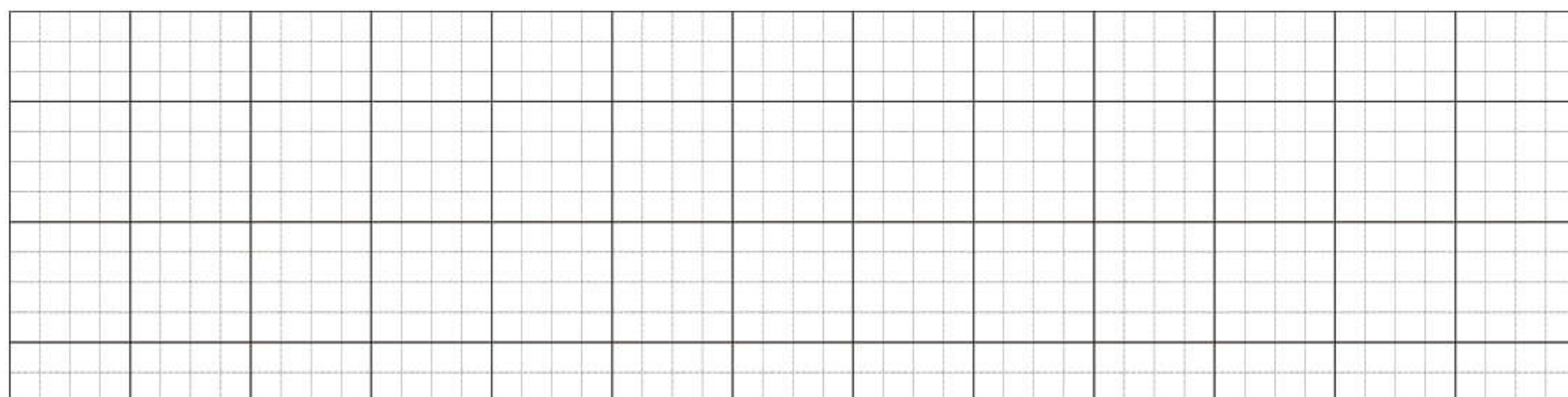


b) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 1 dm.



- 3 Bình sữa to có 23 l sữa, bình sữa nhỏ có ít hơn bình sữa to 8 l sữa. Hỏi bình sữa nhỏ có bao nhiêu lít sữa?

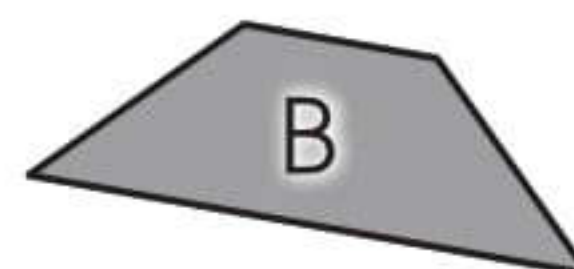
Bài giải



- 4 a) Mỗi mảnh bìa sau có dạng hình gì?

Trả lời:

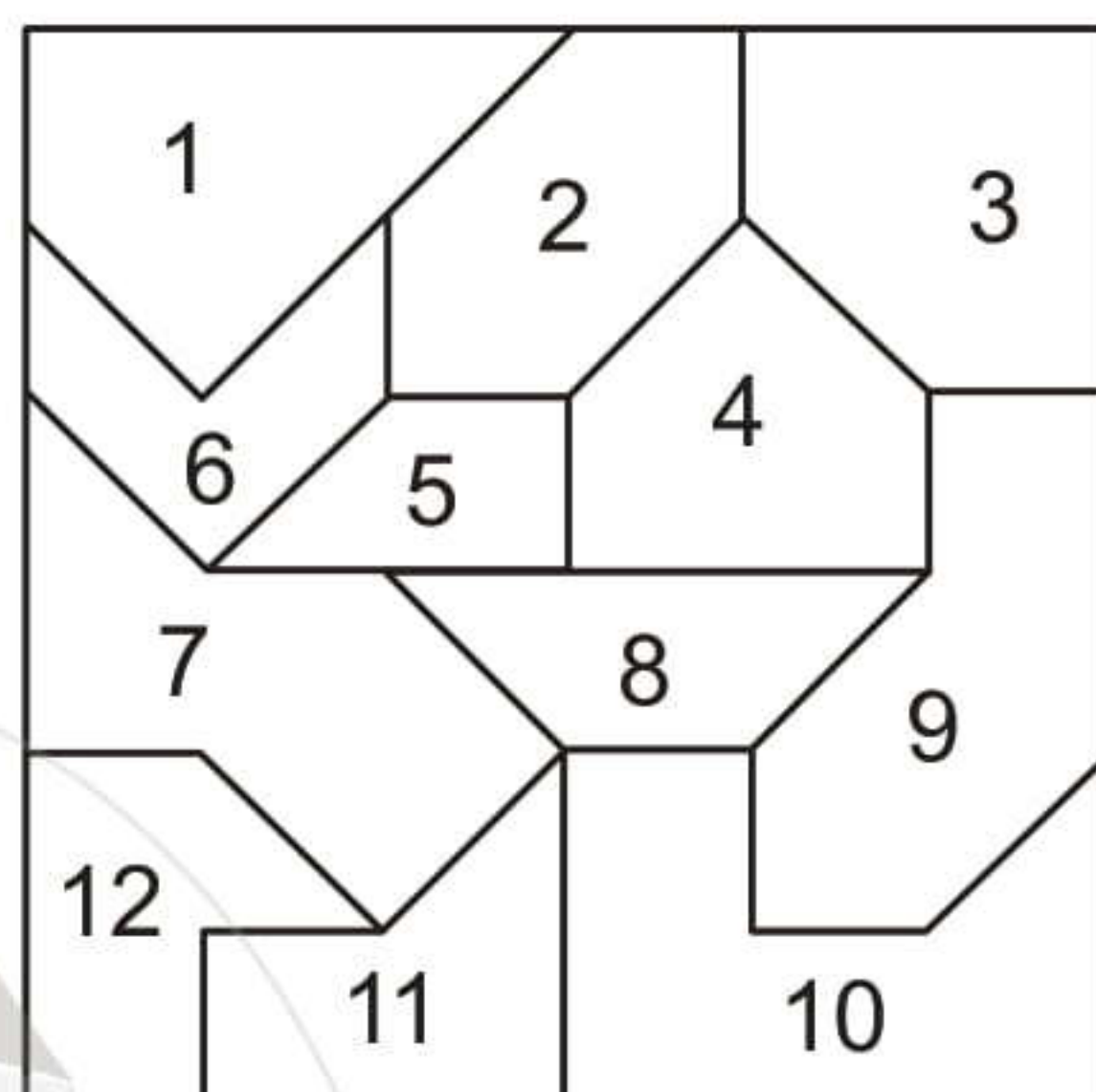
.....



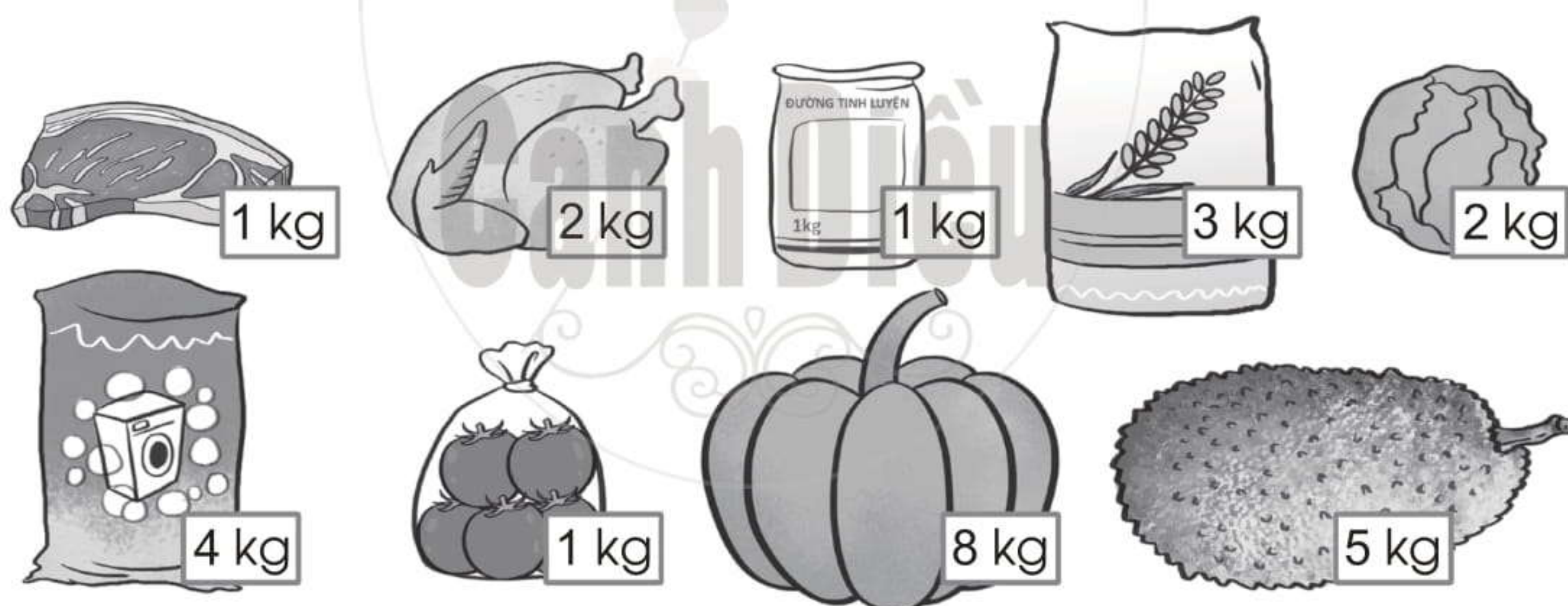
- b) Hai mảnh bìa trên lắp được vào vị trí nào trong hình vuông sau?

Trả lời:

.....



- 5 Quan sát cân nặng của các loại hàng bày bán trong siêu thị ở hình sau rồi viết vào chỗ chấm thích hợp:



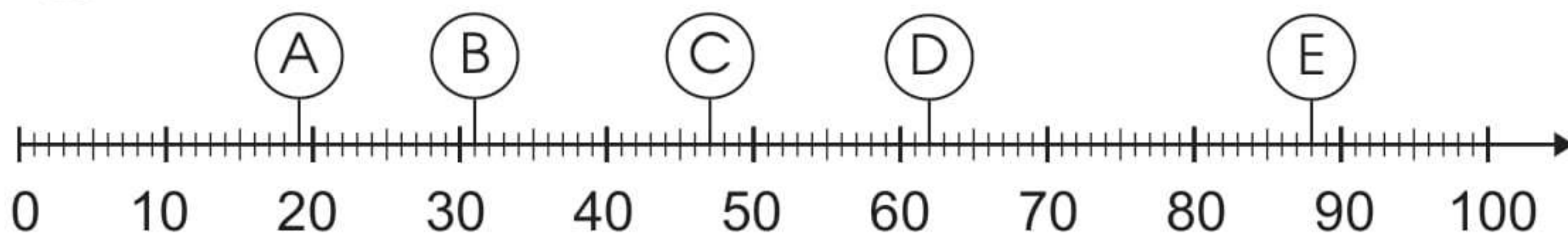
- a) Loại hàng nặng nhất là Loại hàng nhẹ nhất là

- b) Chị Lan đã mua tất cả 10 kg. Theo em, chị Lan có thể đã mua những loại hàng nào?

Trả lời:

Bài 50 ÔN TẬP

1 a) Quan sát tia số, viết số thích hợp vào chỗ chấm:



A:; B:; C:; D:; E:

b) **Số** ?

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
.....	40	
.....	59	
.....	81	

2 a) Tính nhẩm:

$$8 + 4 = \dots\dots$$

$$4 + 8 = \dots\dots$$

$$15 - 6 = \dots\dots$$

$$15 - 9 = \dots\dots$$

$$9 + 2 = \dots\dots$$

$$11 - 9 = \dots\dots$$

$$6 + 8 = \dots\dots$$

$$14 - 8 = \dots\dots$$

b) Đặt tính rồi tính:

$$48 + 27$$

.....

.....

.....

$$82 - 55$$

.....

.....

.....

$$25 + 75$$

.....

.....

.....

$$50 - 39$$

.....

.....

.....

$$80 - 7$$

.....

.....

.....

$$91 + 9$$

.....

.....

.....

$$100 - 8$$

.....

.....

.....

$$100 - 28$$

.....

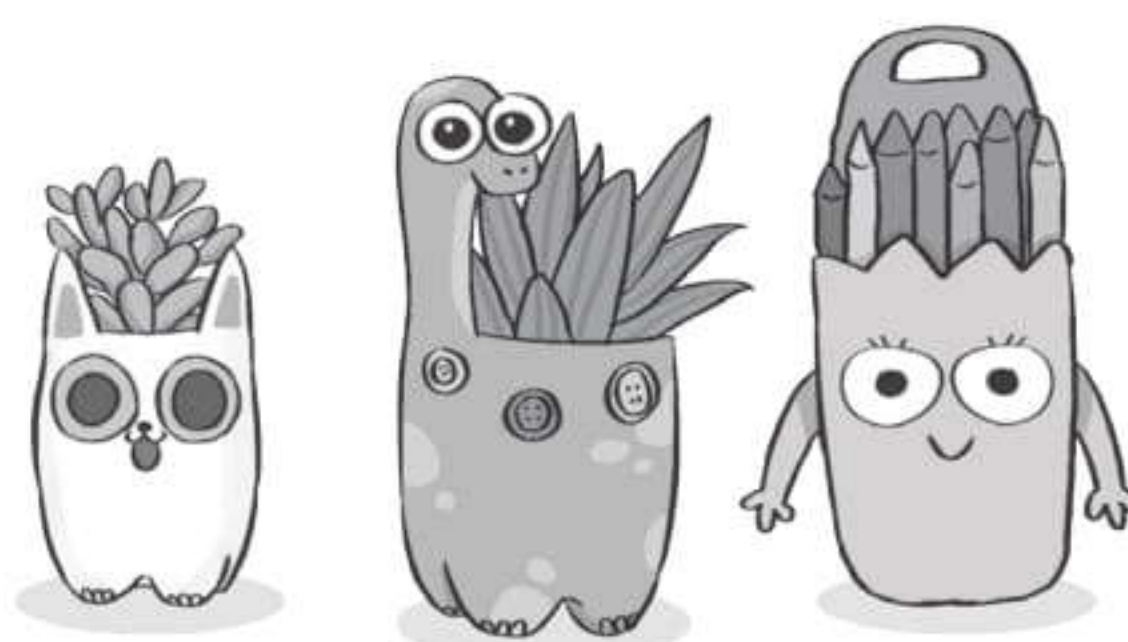
.....

.....

c) Tính: $42 + 18 - 10 = \dots\dots$

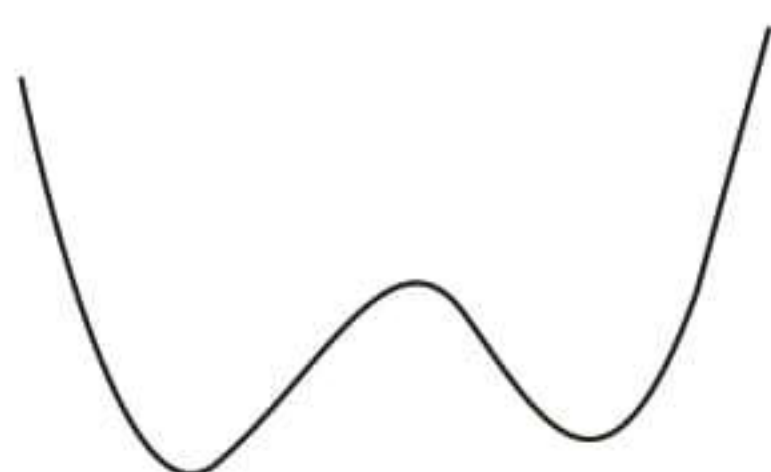
$$60 - 13 + 23 = \dots\dots$$

- 3 Khi tham gia ngày hội “Bảo vệ môi trường từ các sản phẩm tái chế”, khối lớp Hai làm được 24 sản phẩm, khối lớp Ba làm được nhiều hơn khối lớp Hai 16 sản phẩm. Hỏi khối lớp Ba làm được bao nhiêu sản phẩm?

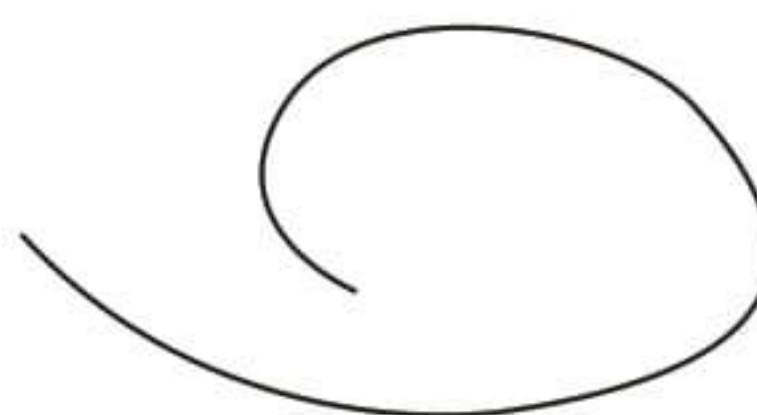


Bài giải

- 4 a) Viết tên hình thích hợp vào chỗ chấm:

[illegible][illegible]

.....



.....

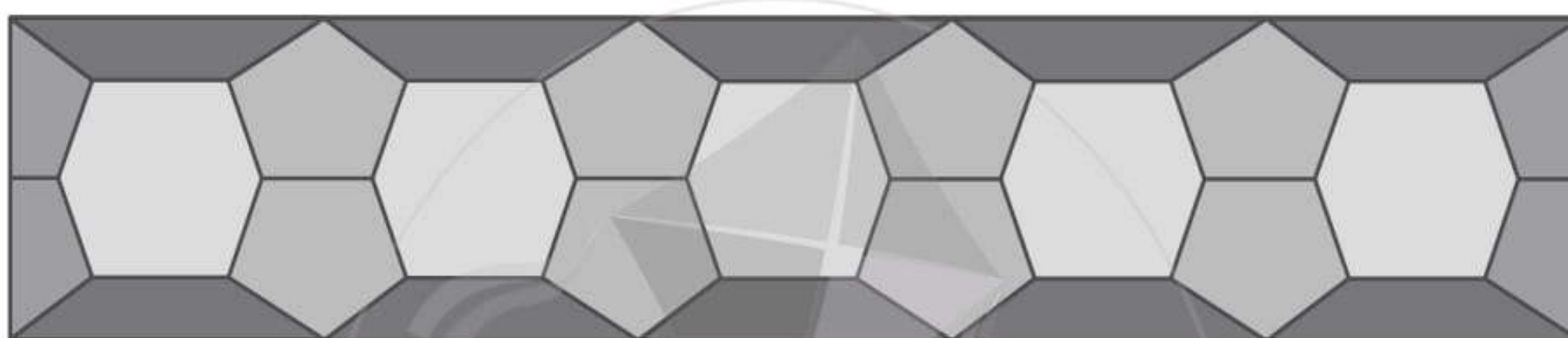
b) Mỗi đường gấp khúc sau gồm mấy đoạn thẳng?



.....

.....

c) Hình sau có bao nhiêu mảnh ghép hình tứ giác?



Trả lời:

- 5 Em hãy gợi ý giúp chị Hà chọn những can để đựng vừa đủ 8 l mật ong:



Trả lời:

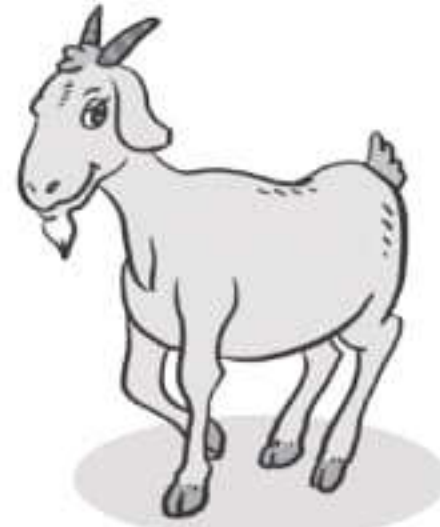
.....

.....

- 6 a) Viết tên các con vật từ nhẹ nhất đến nặng nhất.



85 kg



46 kg



63 kg

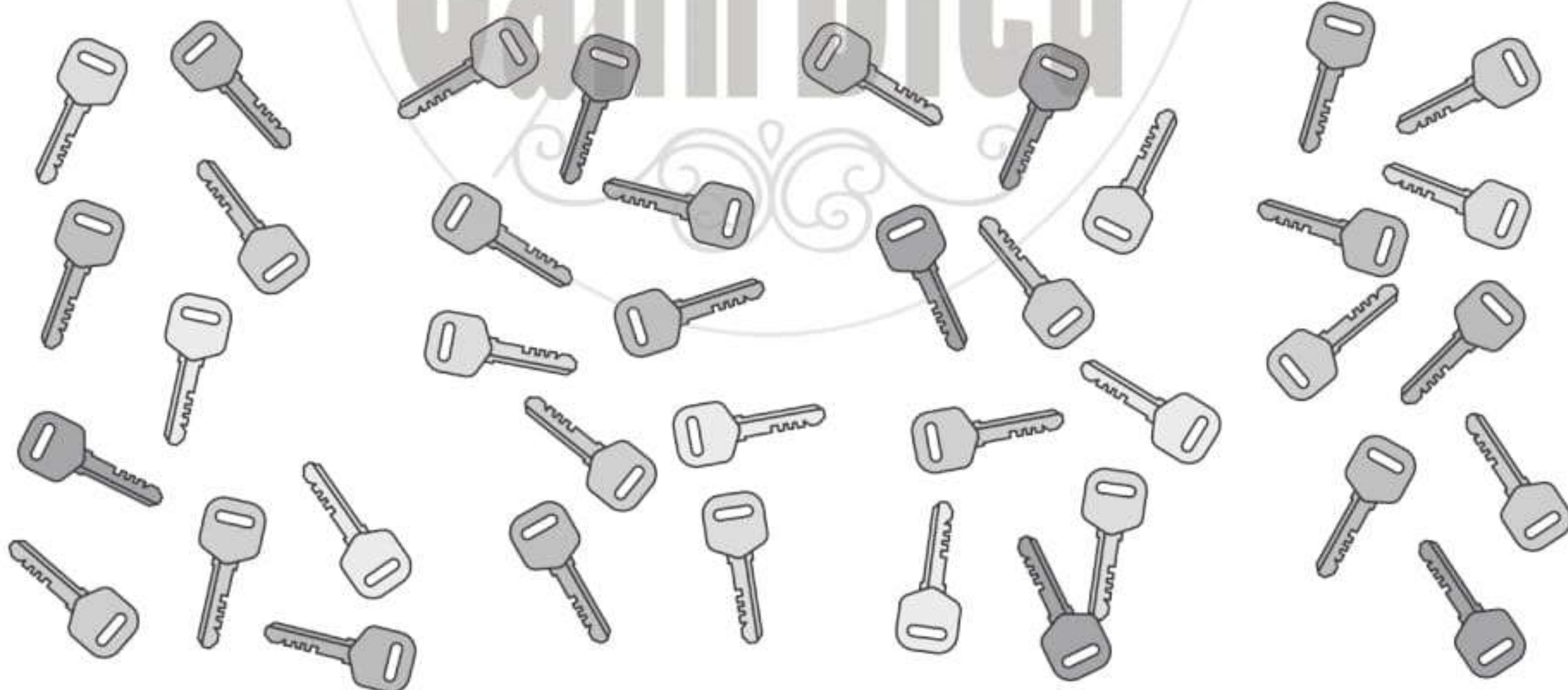


54 kg

- b) Tính tổng cân nặng của con dê và con hươu.

- c) Tính hiệu cân nặng của con vật nặng nhất và con vật nhẹ nhất.

- 7 a) Em hãy ước lượng trong hình sau có khoảng bao nhiêu chiếc chìa khoá:



Ước lượng: Trong hình trên có khoảng chìa khoá.

- b) Em hãy đếm số chiếc chìa khoá ở hình trên để kiểm tra lại.

Đếm: Trong hình trên có chìa khoá.

BÀI KIỂM TRA SỐ 2

1 Đặt tính rồi tính:

$36 + 45$

63 - 27

$72 + 9$

45 - 8

◆ ◆ ◆ ◆ ◆

.....

.....

● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ●

[illegible]

● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ●

● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ●

● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ● ●

● ●

.....

2 Tính nhẩm: $92 + 8 = \dots\dots$ $75 + 10 + 6 = \dots\dots$

$92 + 8 = \dots\dots\dots$

$$75 + 10 + 6 = \dots\dots$$

$$100 - 4 = \dots\dots$$

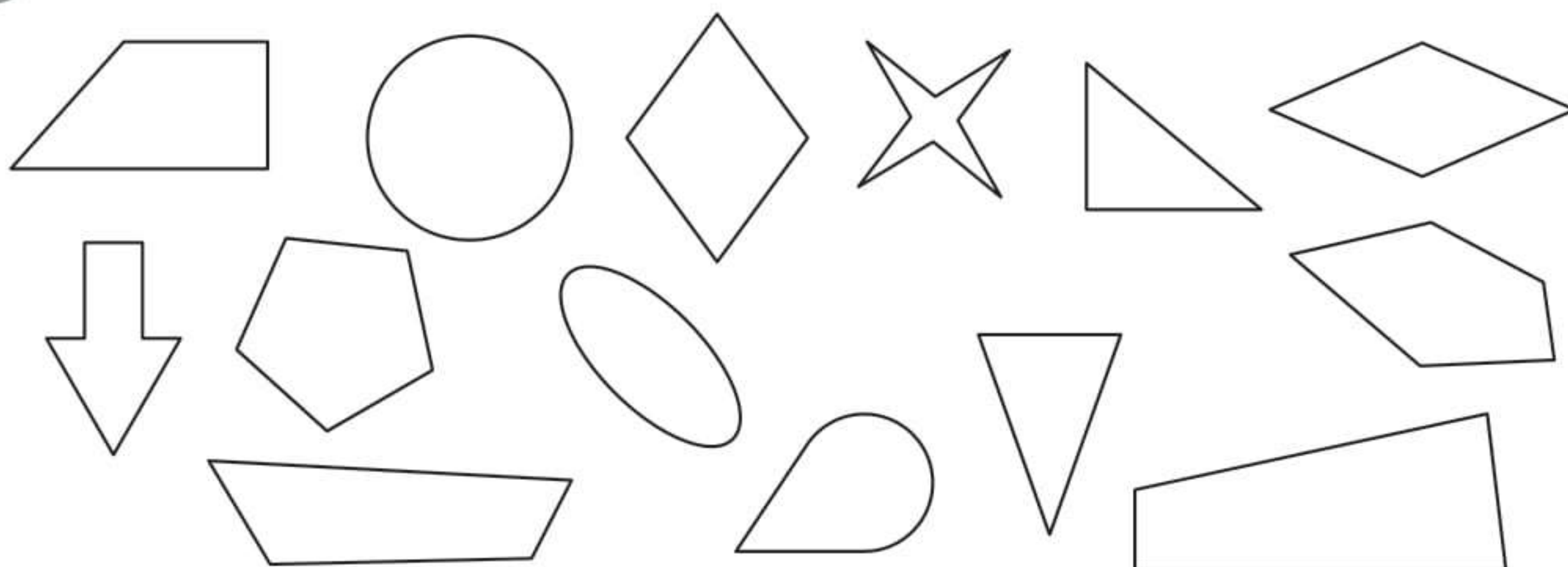
$$82 - 4 + 20 = \dots\dots$$

3 Bể cá thứ nhất chứa 27 l nước, bể cá thứ hai chứa nhiều hơn bể cá thứ nhất 13 l nước. Hỏi bể cá thứ hai chứa bao nhiêu lít nước?

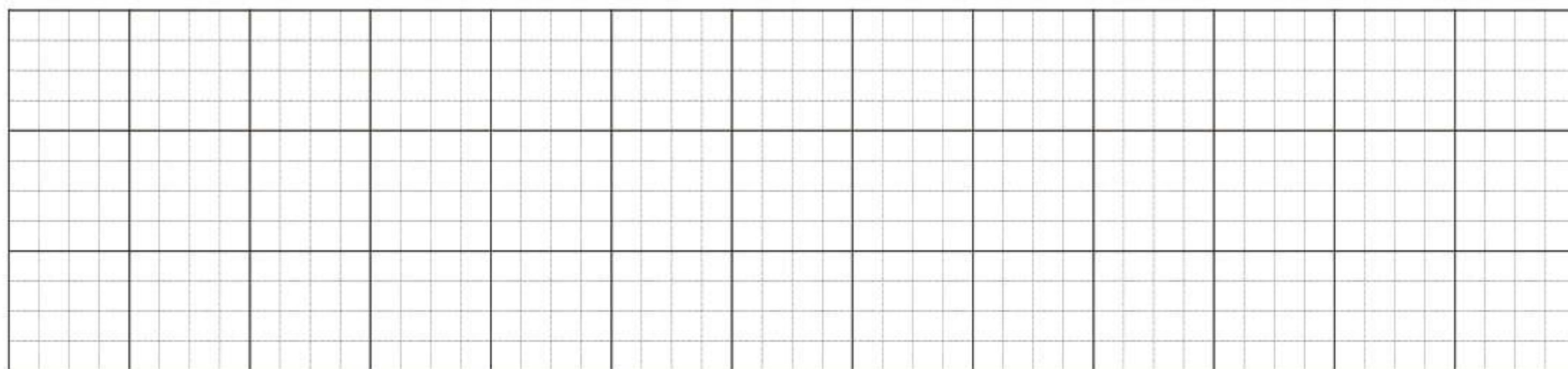
Bài giải

Cánh Diều

4 Tô màu vào các hình tứ giác trong hình sau:



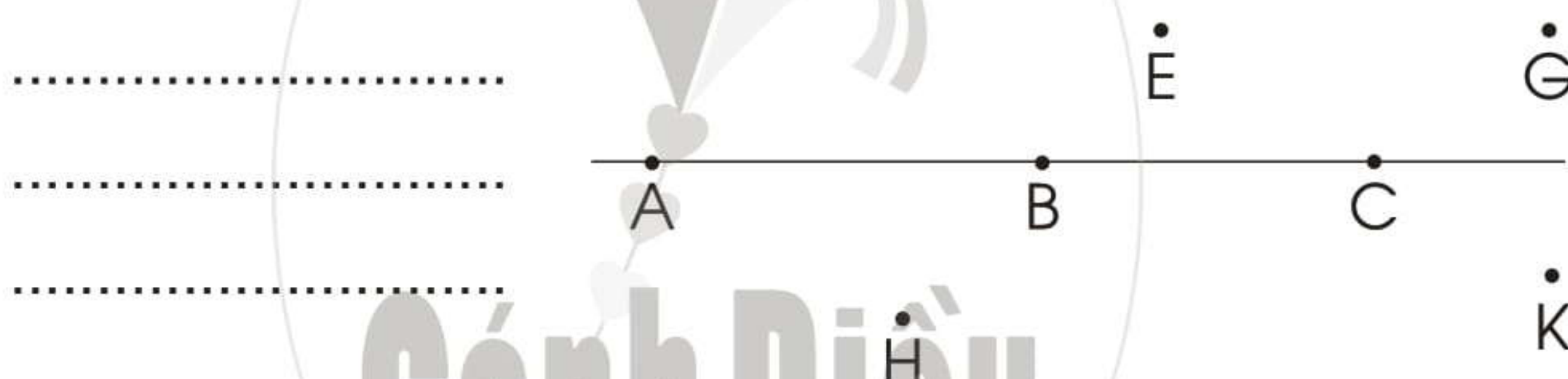
- 5 a) Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 8 cm; vẽ đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB là 2 cm.



b) Trong hai đoạn thẳng vừa vẽ được ở câu a đoạn thẳng nào có độ dài là 1 dm?

Trả lời:

- 6 Viết tên ba điểm thẳng hàng trong hình sau (dùng thước thẳng để kiểm tra):



- 7 Khoanh vào chữ đặt trước đáp án đúng:

Sau khi đứng lên cân sức khỏe và quan sát cân, bạn Nam nói:

Năm ngoái tôi 27 kg,
năm nay tôi 33 kg.



Theo em, câu nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Từ năm ngoái đến năm nay, bạn Nam đã tăng 6 kg.
B. Từ năm ngoái đến năm nay, bạn Nam đã giảm 6 kg.

MỤC LỤC

Hướng dẫn sử dụng Vở bài tập Toán 2	3
Bài 1. Ôn tập các số đến 100.....	4
Bài 2. Ôn tập về phép cộng, phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 100.....	6
Bài 3. Tia số. Số liền trước – Số liền sau.....	8
Bài 4. Đề-xi-mét.....	10
Bài 5. Số hạng – Tổng.....	12
Bài 6. Số bị trừ – Số trừ – Hiệu.....	13
Bài 7. Luyện tập chung.....	14
Bài 8. Luyện tập phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 20.....	15
Bài 9. Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.....	16
Bài 10. Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 (tiếp theo).....	17
Bài 11. Luyện tập.....	18
Bài 12. Bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20.....	20
Bài 13. Luyện tập.....	22
Bài 14. Luyện tập chung.....	24
Bài 15. Luyện tập phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 20.....	25
Bài 16. Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.....	26
Bài 17. Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 (tiếp theo).....	27
Bài 18. Luyện tập.....	28
Bài 19. Bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.....	30
Bài 20. Luyện tập.....	32
Bài 21. Luyện tập chung.....	34
Bài 22. Bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ.....	36
Bài 23. Luyện tập.....	37
Bài 24. Bài toán liên quan đến phép cộng, phép trừ (tiếp theo).....	39

Bài 25. Luyện tập.....	40
Bài 26. Luyện tập chung.....	42
Bài 27. Em ôn lại những gì đã học.....	44
Bài 28. Bài kiểm tra số 1.....	46
Bài 29. Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 100.....	48
Bài 30. Phép cộng (có nhớ) trong phạm vi 100 (tiếp theo).....	49
Bài 31. Luyện tập.....	50
Bài 32. Luyện tập (tiếp theo).....	52
Bài 33. Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.....	54
Bài 34. Phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100 (tiếp theo).....	55
Bài 35. Luyện tập.....	56
Bài 36. Luyện tập (tiếp theo).....	58
Bài 37. Luyện tập chung.....	60
Bài 38. Ki-lô-gam.....	62
Bài 39. Lít.....	64
Bài 40. Luyện tập chung.....	66
Bài 41. Hình tứ giác.....	68
Bài 42. Điểm – Đoạn thẳng.....	70
Bài 43. Đường thẳng – Đường cong – Đường gấp khúc.....	73
Bài 44. Độ dài đoạn thẳng – Độ dài đường gấp khúc.....	75
Bài 45. Thực hành lắp ghép, xếp hình phẳng.....	77
Bài 46. Luyện tập chung.....	79
Bài 47. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 20.....	82
Bài 48. Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 100.....	84
Bài 49. Ôn tập về hình học và đo lường.....	86
Bài 50. Ôn tập.....	89
Bài 51. Bài kiểm tra số 2.....	93

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: Tầng 6, Toà nhà số 128 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.37547735

Email: nxb@hnue.edu.vn | **Website:** www.nxbdhsp.edu.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập: ĐỖ VIỆT HÙNG

Chịu trách nhiệm tổ chức bản thảo và bản quyền nội dung:

CÔNG TY ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc: NGUYỄN NGÔ TRẦN ÁI

Biên tập:

TẠ THỊ ÁNH

Thiết kế sách:

TRẦN THỊ THU AN

Trình bày bìa:

LƯU CHÍ ĐỒNG

Sửa bản in:

LÊ TRUNG DŨNG – NGUYỄN THỊ THẢO HOA

Trong sách có sử dụng tư liệu, hình ảnh của một số tác giả. Trân trọng cảm ơn.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 2 - TẬP MỘT

Mã số:

Mã ISBN

In cuốn, khổ 17 x 24cm, tại

Địa chỉ:

Số xác nhận đăng ký xuất bản:/CXBIPH/...../ĐHSP

Quyết định xuất bản số:/QĐ-NXBĐHSP ngày/...../.....

In xong và nộp lưu chiểu năm

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2 Cánh Diều

1. Tiếng Việt 2 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 2 (Tập một, Tập hai)
3. Đạo đức 2
4. Tự nhiên và Xã hội 2
5. Giáo dục thể chất 2
6. Âm nhạc 2
7. Mỹ thuật 2
8. Hoạt động trải nghiệm 2
9. Tiếng Anh 2 Explore Our World

TÌM ĐỌC

**CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 2 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC**



Dùng điện thoại quét mã QR để truy cập trang
web: <https://canhdiieu.monkey.edu.vn>

TEM CHỐNG GIẢ

ISBN 978-604-54-8105-9



9 786045 481059